

NHỮNG CHUYỆN KỂ
VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH

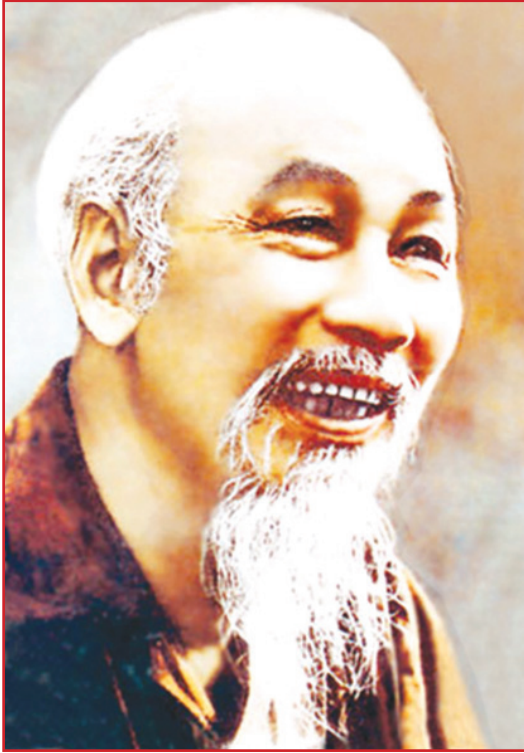
Tập 4

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN TUYÊN GIÁO

**NHỮNG CHUYỆN KỂ
VỀ TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH**

Tập 4

Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ
TP. Hồ Chí Minh 2015



Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.
Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.
Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.
Thiếu một mùa, thì không thành trời.
Thiếu một phương, thì không thành đất.
Thiếu một đức, thì không thành người.

HO CHÍ MINH - 1949

LỜI GIỚI THIỆU

Cách đây 125 năm, ngày 19 tháng 5 năm 1890, có một người con ưu tú của dân tộc đã ra đời – Đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ thiên tài của Đảng và nhân dân ta, người Thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, Người đã hiến dâng trọn cuộc đời mình cho độc lập của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của Nhân dân, người chiến sĩ cộng sản quốc tế lỗi lạc và người bạn thân thiết của các dân tộc đã và đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới!

Không chỉ ngày sinh nhật Bác, chúng ta mới nhớ về Bác bởi trong tâm trí mỗi con người chúng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh - Bác Hồ kính yêu luôn là hiện thân của những gì đẹp nhất, người mà “non sông ta, đất nước ta đã sinh ra Người và chính Người đã làm rạng danh non sông, đất nước ta” nhưng mỗi dịp sinh nhật Bác là mỗi dịp để chúng ta càng ghi nhớ công lao trời biển của Người, đồng thời khắc sâu thêm những lời Bác dạy. Đặc biệt năm nay, kỷ niệm sinh nhật Bác diễn ra giữa những ngày lịch sử trọng đại của đất nước và Đại hội Đảng bộ các cấp, Đại hội Đảng bộ Thành phố, tiến

tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Thành phố Hồ Chí Minh vô cùng vinh dự, tự hào và vui mừng thành kính tổ chức Lễ Báo cáo với Nhân dân và Đảng bộ Thành phố về hoàn thành Đề án xây dựng Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh và kính báo với Người những bông hoa đẹp trong nỗ lực thực hiện tốt việc học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh của những người con thành phố mang tên Bác!

Nhân kỷ niệm 125 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Thành ủy tiếp tục tổ chức biên soạn quyển sách **“Những chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”** – tập 4. Bên cạnh những câu chuyện về trung thực, trách nhiệm, đoàn kết, gắn bó với nhân dân của Bác và tấm gương của những chiến sĩ cách mạng trung kiên, tập sách tập trung giới thiệu những tập thể cá nhân tiêu biểu học tập và làm theo Bác với những việc làm cụ thể trên nhiều lĩnh vực, thuộc nhiều giới, nhiều ngành, nhiều tầng lớp, thành phần xã hội, đang từng ngày từng giờ thầm lặng làm đẹp cho đời. Đó là những tấm gương về nêu cao tinh thần trách nhiệm, nói đi đôi với làm, không ngại khó ngại khổ, kết hợp khối óc với bàn tay, linh hoạt, sáng tạo dám nghĩ dám làm trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình; hết lòng hết sức và tận tụy phục vụ nhân dân, dũng cảm đấu tranh, chấp nhận hiểm nguy, giữ gìn sự bình yên cho nhân dân Thành phố; nêu gương sáng về sự thanh cao trong nhân cách, thanh sạch trong tâm hồn, thanh bạch trong lối sống, giản dị trong mọi ứng xử đời thường... Đọc và khâm phục những tập thể, cá nhân trên, chúng ta càng thấm thía lời căn

dẫn tha thiết của Bác Hồ: “Một tấm gương sáng có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”.

Chúng ta tiếp tục đẩy mạnh thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, nhất là về “trung thực, trách nhiệm; gắn bó với nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh” với niềm tin tưởng rằng sẽ xuất hiện ngày càng nhiều những tấm gương sáng, góp phần làm phong phú hơn nữa vườn hoa tươi đẹp của cả nước dâng lên Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

“... Hãy giữ đức cho trong, giữ lòng cho khiết

Sống kiệm cần, tương kết tương thân

Ôi giọng Người hiền như giọng cha ông

Cứ mộc mạc mà thấm vào mãi mãi...”

(Thấm trong di chúc – Vũ Quần Phương)

Ban Tuyên giáo Thành ủy xin trân trọng giới thiệu đến các đồng chí và các bạn Tập 4 “**Những chuyện kể về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**” để làm tài liệu nghiên cứu, tham khảo, học tập, có thêm nghị lực và niềm tin, cùng nhau tích cực ra sức học tập và làm theo tấm gương đạo đức Bác Hồ.

Mong nhận được sự góp ý của các đồng chí và các bạn.

BAN TUYÊN GIÁO THÀNH ỦY

Tháng 5/2015

PHẦN I

TÂM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC
HỒ CHÍ MINH



ÔM HÔN ẢNH BÁC MÀ NGỜ BÁC HÔN...

Tháng 10-1962, hai năm sau khi Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam thành lập, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận cử một đoàn đại biểu chính thức ra thăm miền Bắc. Tôi¹ được cử tham gia trong đoàn. Lần đó, vinh dự vô cùng to lớn đối với chúng tôi là được gặp Bác. Cũng như tất cả đồng bào, chiến sĩ, cán bộ ở miền Nam - những người làm công tác văn nghệ chúng tôi đều mong được gặp Bác và niềm khao khát vô bờ bến ấy thật là thiêng liêng.

Sau hai ngày đến miền Bắc, sáng ngày 21-10-1962 chúng tôi được vào thăm Bác. Giờ phút đó biết bao hồi hộp. Biết tin ấy từ hôm đầu, vậy mà chúng tôi vẫn thấy bất ngờ. Đồng chí Xuân Thủy đưa chúng tôi đến Phủ Chủ tịch. Xe vừa dừng, chúng tôi đã thấy Thủ tướng chờ sẵn. Thủ tướng đưa chúng tôi về một góc vườn có bộ bàn ghế mây lịch sự đã bày sẵn bánh kẹo, hoa quả. Chúng tôi vừa ngồi vào bàn thì Bác đến. Bác ôm hôn chúng tôi và hỏi ngay sức khỏe của

1. Nhà thơ Thanh Hải.

mọi người trong đoàn. Bác hỏi thăm luật sư Nguyễn Hữu Thọ và các vị lãnh đạo khác đang công tác ở chiến trường. Anh Nguyễn Văn Hiếu trân trọng thưa với Bác nỗi xúc động, niềm vui sướng được gặp Bác và Thủ tướng. Anh chuyển đến Bác và Thủ tướng lời kính thăm sức khỏe của luật sư Nguyễn Hữu Thọ và của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Anh nói:

- Đồng bào miền Nam luôn luôn nhắc tới Hồ Chủ tịch với tấm lòng kính yêu vô hạn.

Bác rất xúc động. Bác hỏi và nghe anh Hiếu kể chuyện đi thăm các nước. Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ vào tôi để giới thiệu với Bác, Bác gật đầu:

- Có biết, Bác có đọc rồi.

Rất thân thiết quay sang phía tôi, Bác hỏi:

- Cháu có gặp Giang Nam không?

- Thưa Bác, vì anh ấy ở xa cháu chưa gặp.

Bác khen Giang Nam viết có tình và Bác hỏi thăm một số anh em văn nghệ sĩ giải phóng.

Vì là đoàn đại biểu Mặt trận đầu tiên ra thăm miền Bắc, nên Bác hỏi chúng tôi nhiều về tình hình, về phong trào, về đời sống của đồng bào và chiến sĩ miền Nam. Chúng tôi kể lại với Bác những tội ác tày trời của bọn xâm lược Mỹ và bọn tay sai Ngô Đình Diệm. Chúng tôi báo cáo với Bác phong trào đấu tranh các mặt và kể với Bác những gương bất khuất kiên cường, tiêu biểu cho tinh thần đấu tranh anh dũng của nhân dân miền Nam. Anh Hiếu trân trọng thay mặt 14 triệu

nhân dân miền Nam thừa với Bác: “Dù phải chịu muôn vàn khó khăn gian khổ, nhân dân miền Nam vẫn kiên quyết và bền bỉ đấu tranh, giữ vững niềm tin chói sáng vào thắng lợi cuối cùng”.

Và buổi sáng hôm đó chúng tôi vinh dự được dâng lên Bác và Thủ tướng những tặng phẩm của đồng bào, chiến sĩ miền Nam. Trong tặng phẩm dâng lên Bác có tập thơ chép tay của anh Trọng Tuyển. Trước khi hy sinh, anh Trọng Tuyển có ước mơ duy nhất là được gửi kính tặng Bác tập thơ do tự tay anh viết. Ước mơ đó của anh hôm nay đã thành sự thật. Bác cầm tập thơ lắng đi một lúc - với niềm xúc động và tình thương bao la đối với miền Nam, Bác đưa tay lên ngực trái, chỗ trái tim mình và nói:

- Bác chẳng có gì tặng lại cả, chỉ có cái này - Ngừng một chút, Bác nói tiếp với giọng đầy xúc động - Hình ảnh miền Nam yêu quý luôn luôn ở trong trái tim tôi.

Suốt ngày hôm đó và mãi mãi sau này, mỗi lần nhớ lại câu nói đó tôi cứ thấy bồi hồi. Miền Nam yêu quý ở trong trái tim Bác. Tình thương của Bác đối với miền Nam quả là như nước Biển Đông không bao giờ cạn. Năm 1946, khi đi Pháp đàm phán về, trong lời tuyên bố với quốc dân, Bác đã nói với đồng bào miền Nam: “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”. Như thế đó, trong từng giấc ngủ, trong từng bữa ăn, trong mỗi niềm vui Bác đều dành cho miền Nam.

Mấy hôm sau, đến thăm kỳ họp của Quốc hội, chúng tôi lại được gặp Bác. Hôm ấy, chúng tôi thấy Bác rất vui. Bác chủ

trì phiên họp đặc biệt dạt dào tình nghĩa Bắc - Nam ấy. Sau khi Chủ tịch Quốc hội Trường Chinh đọc lời chào mừng, anh Nguyễn Văn Hiếu đọc lời đáp, các đại biểu Quốc hội ra nghỉ giải lao. Trong lúc các đại biểu đang quây quần hỏi thăm chúng tôi thì Bác đến. Bác kéo tôi đứng gần bên Bác. Bác thân mật giới thiệu với các đại biểu:

- Các chú có biết chú này không? Chú này là miền Nam trợ trợ đây (ý nói người Trị Thiên).

Bác và tất cả chúng tôi cười vui vẻ. Bác bảo tôi:

- Cháu ngâm cho Bác nghe một bài thơ.

Thật bất ngờ, tôi là một người làm thơ và trong những năm chiến đấu ở chiến trường tôi đã viết những bài về miền Nam... Nhưng biết ngâm bài gì bây giờ. Tôi bồi hồi xúc động quá. Bỗng tôi nhớ đến bài “Cháu nhớ Bác Hồ” là bài thơ tôi làm bên bến Ô Lâu (Thừa Thiên). Bài thơ này tôi làm với tình cảm của tuổi thơ và của nhân dân miền Nam nhớ thương và biết ơn Bác Hồ. Tôi nín hơi cho xúc động lắng xuống và thưa với Bác:

- Thưa Bác, cháu xin ngâm bài thơ “Cháu nhớ Bác Hồ”.

Lúc này đại biểu và các nhà báo đến vây quanh Bác rất đông. Mọi người đều vỗ tay hoan nghênh ý định của tôi...

Mùa thu năm 1956, khi làm bài thơ này, tôi chỉ có mỗi mong ước bài thơ được Bác đọc, qua đó Bác sẽ hiểu thêm tình cảm của nhân dân và thiếu nhi miền Nam: Dù sống trong gian khổ, đau thương vẫn ngày đêm hướng về Bác, về miền Bắc thân yêu. Tôi có ngờ đâu, giờ đây tôi được ngâm

bài thơ này để Bác nghe. Trong đời tôi, vinh dự này luôn luôn là nguồn sức mạnh to lớn.

“Đêm đêm bên bến Ô Lâu

Cháu ngồi cháu nhớ chòm râu Bác Hồ...”

Tôi chỉ mới ngâm được hai câu đầu đã thấy nghẹn ngào, tôi cố nén xúc động để ngâm tiếp. Đến đoạn:

“Đêm đến chập chững bàng khuâng

Giờ xem ảnh Bác cắt thắm bấy lâu...”

Nhìn mắt sáng, nhìn chòm râu

Nhìn vầng trán rộng, nhìn đầu bạc phơ”.

thì tôi thấy Bác xúc động, đôi mắt Bác chớp chớp. Tôi chỉ ngâm tiếp được hai câu:

“Càng nhìn càng lại gần ngơ

Ôm hôn ảnh Bác mà ngờ Bác hôn...”

Rồi nghẹn ngào không ngâm tiếp được nữa, tôi nhìn Bác và nước mắt trào ra.

Bác liền quàng tay qua vai tôi và ôm tôi hôn thắm thiết, Bác nói:

- Đấy! Hôm nay Bác hôn thật đấy!

Tôi sung sướng, cảm động đến ngây ngất. Tất cả đại biểu và các nhà báo có mặt cũng đều xúc động, nhiều người lấy khăn lau nước mắt. Và, may sao một phóng viên nhiếp ảnh đã kịp ghi lại phút thiêng liêng đó. Đến hôm nay, mỗi lần mở tấm ảnh ra xem tôi vẫn thấy như còn ấm hơi Bác...

Sau đó chúng tôi còn được Bác cho gặp một đôi lần nữa. Những lần đó Bác tiếp chúng tôi rất đơn giản nhưng vô cùng ấm cúng. Lần nào gặp, Bác cũng hỏi hoặc dạy bảo tôi về nghiệp vụ sáng tác. Có khi Bác hỏi:

- Cháu đang viết những gì? Ở miền Nam các cháu viết như thế nào?

Nghe tôi kể lại cuộc sống và sáng tác của anh chị em làm công tác văn nghệ miền Nam, Bác gật đầu:

- Đúng, làm nhà văn, nhà thơ phải có thực tế như vậy thì tác phẩm mới phục vụ được đồng bào, chiến sĩ. Bác nhắc tôi phải cố gắng viết cho có tình và Bác dặn thêm: “Muốn viết cho có tình, cháu phải sống như người chiến sĩ, sống gần gũi với đồng bào, phải hiểu thật nhiều về họ...”.

Tôi nhớ mãi lần Bác hỏi tôi về chuyện vợ con như một người ông hỏi đứa cháu trai đi xa về, Bác cười và bảo:

- Học Bác gì thì học, chứ đừng học chuyện vợ con.

Suốt đời tôi, những lời dạy bảo của Bác sẽ mãi mãi là niềm vui, là cuộc sống đầy đề tài cho thơ, cho văn, cho sự cống hiến của tôi với quê hương.

Nguồn: Theo lời kể của nhà thơ Thanh Hải, Hồng Phú ghi trong “Những chuyện kể về Bác Hồ trong lòng miền Nam”, NXB Lao Động, năm 2010.

BÁC NHƯ THẤY CẢ MIỀN NAM

Năm 1964, có một đoàn anh hùng, dũng sĩ miền Nam ra miền Bắc, và được vào Phủ Chủ tịch thăm Bác Hồ. Lòng mọi người rộn lên niềm vui khó tả. Ai nấy đều nhớ lại buổi sáng lên đường, bà con cô bác nhìn theo đưa tiễn như gửi gắm tất cả tấm lòng của mình ra với Bác Hồ, với đồng bào ngoài Bắc. Suốt bao nhiêu năm gian lao, đồng bào miền Nam kiên cường chiến đấu không chỉ để bảo vệ quê hương, Tổ quốc, giành lại cuộc đời tự do, mà còn là để đất nước sớm thống nhất, được gặp Bác Hồ.

- Bác!

Chị Mười Lý và mọi người cùng reo lên khi Bác Hồ từ trong nhà bước ra. Tất cả chạy ủa lại với Bác. Sung sướng, nghẹn ngào, nhiều người khóc, mắt đỏ hoe. Quá xúc động, anh hùng Tạ Thị Kiều và anh hùng Vai cứ ôm chặt lấy Bác. Các anh khác cũng đều ủa lại ôm lấy Bác. Bác cháu quần quýt nhau. Các anh hùng dũng sĩ miền Nam đầm đìa nước mắt. Ai cũng muốn được ôm Bác thật lâu, vì trong mỗi người còn có cả cái nhớ mong của miền Nam, của cả dân tộc. Anh hùng Vai định nói gì với Bác, nhưng còn đang xúc động thì chị Mười Lý đã cất tiếng trước:

- Bác ơi! Chúng cháu nhớ Bác quá! Đồng bào miền Nam nhớ Bác quá!

Bác âu yếm nhìn các anh hùng, dũng sĩ:

- Bác mong các cháu lắm! Bác nhớ đồng bào miền Nam lắm! Kìa, sao cháu lại khóc? Bác cháu ta gặp nhau thì phải vui chứ?

Những lời chan chứa thương yêu của Bác càng làm cho mọi người xúc động, nghẹn ngào hơn.

Bác dẫn các anh hùng, dũng sĩ miền Nam dạo chơi trong vườn. Bác cháu nắm tay nhau thành một hàng ngang, vừa đi vừa trò chuyện. Anh hùng Vai và Mười Lý được Bác khoác tay, đi sát bên Bác.

Bác cháu dạo chơi trong vườn, đến một dãy bàn đã bày sẵn bánh kẹo, hoa quả, Bác thân mật nói:

- Bây giờ, Bác cháu ta ngồi đây nói chuyện. Các cháu ăn kẹo đi.

Bác quay lại hỏi Mười Lý:

- Cháu có khỏe không? Mỗi bữa cháu ăn được mấy chén?

- Dạ, thưa Bác, cháu khỏe. Bình thường cháu ăn mỗi bữa được hai chén, gặp hôm mệt, cháu ăn được một chén.

Bác nói:

- Cháu ăn thế thôi à? Cháu phải ăn khỏe để đánh thắng giặc Mỹ chứ!

Và ngoảnh sang chị Hồ Thị Bi, Bác nhắc:

- Cô Bi phải trông nom các cô các chú ấy ăn ngủ cho tốt nhé.

Chị Hồ Thị Bi đứng dậy:

- Thưa Bác, vâng ạ.

Bác lại hỏi Mười Lý:

- Cô Út Tịch có khỏe không?

- Dạ, chị Út vẫn khỏe ạ? Cháu xin thưa với Bác: chị Ba Định, chị Út Tịch và tất cả các cô bác, anh chị trong Mặt trận và bộ đội Giải phóng cùng đồng bào quê hương cháu đều kính chúc Bác mạnh khỏe sống lâu.

Bác vui vẻ hỏi:

- Vậy các cháu xem Bác có khỏe không?

Các anh hùng, dũng sĩ miền Nam đều ngược nhìn Bác. Thấy Bác hồng hào khỏe mạnh, ai nấy đều mừng và mong Bác cứ khỏe mãi như thế để nay mai đánh đuổi giặc Mỹ xong, nước nhà thống nhất, Bác sẽ vô Nam cho đồng bào được gặp. Chị Mười Lý thưa:

- Dạ, được gặp Bác, thấy Bác mạnh khỏe, chúng cháu mừng lắm. Trong Nam, bà con nghe đài Hà Nội chỉ mong hoài: được nghe tiếng Bác nói, nhất là vào đêm giao thừa hàng năm, để theo dõi sức khỏe của Bác, ai cũng chỉ mong Bác khỏe.

Bác cười:

- Mỗi năm thêm một tuổi, Bác cháu ta càng mạnh. Các cô, các chú càng đánh thắng giặc Mỹ, Bác càng mạnh khỏe, không lo!

Giọng Bác ầm áp trùu mền hỏi anh hùng Vai:

- Cháu người dân tộc Pa-cô phải không?

Anh hùng Vai toan đứng dậy, nhưng Bác bảo cứ ngồi xuống. Anh thưa:

- Báo cáo với Bác, cháu người Pa-cô, thuộc dòng Tà-ôi.

- Đời sống của gia đình và quê cháu bây giờ thế nào?

- Dạ, thưa Bác, ngày còn dưới ách Mỹ và tay sai, nhân dân quê cháu sống rất cực. Từ khi có Mặt trận lãnh đạo nhân dân đứng lên đấu tranh công khai chống lại kẻ thù thì đời sống của bà con và gia đình cháu đã khác trước. Ai cũng có cơm ăn, áo mặc, không phải ăn củ rừng và đóng khổ bằng vỏ cây như xưa...

Anh hùng Vai dừng lại, Bác hỏi tiếp:

- Đồng bào dân tộc ở quê cháu có nói được tiếng Kinh như cháu không?

- Dạ, từ ngày có cán bộ về, đồng bào đã có chữ phổ thông, lại có cả chữ dân tộc và nhiều người đã nói được tiếng Kinh.

- Thế cháu có giỏi chữ dân tộc không?

- Dạ, cháu thạo lắm. Chữ dân tộc ít dấu, dễ học dễ viết lắm ạ.

- Thế là rất tốt.

Bác quay sang hỏi chuyện các anh hùng, dũng sĩ khác. Hôm đó Người rất vui. Vì qua những người con anh dũng, Người như thấy cả miền Nam...

Nguồn: “Bác Hồ kính yêu”, NXB Hà Nội, năm 1977.

XUÂN NÀO VUI HƠN

Một sáng mùa xuân năm 1969, đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra thăm miền Bắc, do bác sĩ Phùng Văn Cung, Phó Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận dẫn đầu đến chào Bác Hồ.

Đoàn xe đưa chúng tôi tiến vào Phủ Chủ tịch. Trống ngực tôi¹ đánh rộn lên trong giây phút sắp được gặp Bác.

Kia rồi, Bác đứng giữa các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đón chúng tôi từ ngoài sân. Phút đầu tiên nhìn thấy Bác, tôi lặng người, bàng hoàng, tưởng như mình đang sống trong mơ.

Bác tiến đến và ôm hôn thăm thiết đồng chí Phùng Văn Cung như thăm thiết ôm vào lòng cả miền Nam đang chiến đấu.

Chúng tôi nghẹn ngào xúc động và tràn ngập vui sướng theo chân Bác tiến vào phòng khách. Bác hồng hào, khỏe mạnh và rất vui. Bác giản dị và gần gũi vô cùng. Tôi ngắm mái tóc, chòm râu và gương mặt hiền từ, phúc hậu của Bác.

1. Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Huỳnh Thúc Bá.

Bác nhìn khắp lượt rồi nói:

- Trong thơ Tết năm nay tôi có câu:

Tiến lên chiến sĩ, đồng bào

Bắc - Nam sum họp, xuân nào vui hơn.

Trong lúc viết như thế, tôi không chắc là ý thơ được thực hiện sớm như vậy. Hôm nay có bác sĩ Phùng Văn Cung và đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ra đây, đồng bào miền Bắc rất sung sướng, vui mừng. Bây giờ chào mừng đoàn đại biểu miền Nam ruột thịt, nói mấy trăm câu, mấy nghìn câu, mấy vạn câu cũng không hết được ý, tôi xin phép nói một câu:

Bước đầu muôn dặm một nhà

Bắc Nam sum họp chúng ta vui mừng.

Bác cười, nụ cười của người Cha già giữa gia đình Bắc Nam sum họp. Bác ân cần hỏi thăm sức khỏe luật sư Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ và các vị lãnh đạo Mặt trận. Bác hỏi thăm từng người trong đoàn chúng tôi. Bác gửi đoàn mang về tiền tuyến lớn lòng yêu thương vô hạn của Bác và toàn thể đồng bào miền Bắc với đồng bào, chiến sĩ miền Nam, Bác nói:

- Bác chúc mọi người hăng hái thi đua giết giặc lập công, đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, để Tổ quốc được độc lập, tự do thật sự, để Bắc Nam sum họp một nhà.

Bác sĩ Phùng Văn Cung nắm chặt tay Bác, nước mắt rưng rưng, giọng thật thiết tha, trùi mền:

- Quân và nhân dân miền Nam quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ, sẽ “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” để giải phóng miền Nam, đón Bác vào thăm cho cả miền Nam thỏa lòng mong nhớ bấy lâu.

Tràng pháo tay vừa dứt, Bác nhìn nhanh mọi người và đề nghị các đại biểu kể chuyện miền Nam để Bác và các đồng chí lãnh đạo cùng nghe. Chị Nguyễn Thị Ráo, anh hùng Kan Lịch, anh hùng Đặng Văn Đầu, dũng sĩ Phan Văn Gừng và tôi vội chạy ùa lên quây quần bên Bác, bên người Cha già yêu thương vô hạn.

Vui vẻ ngồi giữa đàn cháu con yêu quý, Bác cảm động nhìn chúng tôi bằng cái nhìn trù mẫn của người cha đầy tình yêu thương đối với những con người đang lặn lội nơi chiến trường khói lửa.

Thật là những giờ phút thiêng liêng nhất của đời tôi. Tôi không biết dùng lời nào để nói hết được tình cảm của mình lúc ấy. Tôi cảm thấy mình phải phấn đấu nhiều hơn nữa để xứng đáng với vinh dự này. Ước gì có đôi cánh tôi sẽ bay vút về quê hương “Trung dũng kiên cường, đi đầu diệt Mỹ”, chia sẻ hạnh phúc này với đồng đội. Ôi! Biết bao người đã ngã xuống trên mảnh đất thành đồng để tôi có được niềm vinh dự to lớn hôm nay.

Những lúc các đại biểu thưa chuyện với Bác, tôi nhìn Bác chăm chú. Bác giản dị quá. Trời tháng ba còn rét, Bác mặc áo ka-ki có ruột bông, quần khắn len và đi đôi dép cao su. Đôi mắt Bác sáng như sao, vầng trán mênh mông, chòm râu sao mà đẹp thế! Bác hiền từ, thân thiết làm sao!

Sung sướng, vui mừng, kính yêu Bác quá, tôi đưa tay vuốt nhẹ chòm râu mềm mại và trắng như cước của Bác mà lúc vào tuổi thiếu niên nhiều đêm tôi đã thấy trong giấc mơ.

Như những người con đi vắng lâu ngày mới được gặp lại cha mẹ, chúng tôi lần lượt kể với Bác những mẩu chuyện chiến đấu của đơn vị và bản thân mình. Bác rất vui khi nghe chuyện các chiến sĩ miền Nam thọc sâu vào tận hang ổ của bọn cướp nước và bán nước trừng trị chúng những đòn đích đáng.

Nghe xong, Bác cảm động nói:

- Chúng ta nhất định thắng, đế quốc nhất định thua, miền Nam ta nhất định được giải phóng.

Lời Bác là niềm tin vững chắc, tôi ghi đậm trong tim.

Bác căn dặn thêm chúng tôi phải hết sức khiêm tốn, cố gắng thi đua lập nhiều chiến công xuất sắc hơn nữa để xứng đáng với danh hiệu anh hùng, dũng sĩ.

Chị Ba Ráo, người con gái vinh quang của thành phố Sài Gòn nghẹn ngào thưa với Bác về tình cảm của đồng bào, chiến sĩ Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định nói chung, chị em phụ nữ nói riêng gửi gắm chị chuyển ra thưa với Người. Trước khi kết thúc câu chuyện, giọng đầy xúc động, chị bần khoản nói:

- Chúng cháu ở miền Nam, vâng theo lời Bác, không nề hy sinh gian khổ, đánh Mỹ đến một trăm năm cũng không sợ, nhưng chỉ sợ một điều Bác đã trăm tuổi...

Một nét suy nghĩ thoáng qua văng trán Bác. Bác quay lại hỏi Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Năm nay, Bác mấy mươi rồi, chú?

- Thưa Bác, năm nay Bác bảy mươi chín.

- Thế thì còn đến hai mươi mốt năm nữa Bác mới được trăm tuổi. Bác kêu gọi các cô, các chú đánh Mỹ năm, mười, hai mươi năm, chứ có bao giờ Bác nói hai mươi mốt năm đâu. Nếu hai mươi năm nữa mà ta thắng Mỹ thì Bác vẫn còn một năm vào thăm các cụ, các cô, các chú và các cháu miền Nam...

Tôi không thể nào quên được những giờ phút thiêng liêng được gần Bác, được Bác ân cần chăm sóc và dạy bảo ấy. Tôi thấm hứa với Bác khi trở lại chiến trường, cùng anh chị em đoàn kết, kiên cường chiến đấu, khiêm tốn học tập và công tác tốt hơn nữa để đền đáp lại sự chăm nom của Đảng và Bác đối với chúng tôi.

Sau đó, đoàn chúng tôi còn được vinh dự về thăm quê Bác. Mang tấm lòng miền Nam, chúng tôi đến quê hương Bác, ngưỡng mộ vị lãnh tụ vô cùng kính yêu và vĩ đại của dân tộc. Chúng tôi đã bước trên những con đường xưa Bác đi, vào mảnh vườn và ngôi nhà xưa Bác chăm sóc và ở, với tất cả niềm thành kính. Mỗi bước chân, dù giữa không khí chào mừng nồng nhiệt, rộn rịp, chúng tôi vẫn cố giữ cho nhẹ nhàng như sợ làm xao động bao nhiêu tiếng nói đang vọng lên từ mỗi hòn đất, mỗi ngọn cây, từ chiếc giường, chiếc võng trong gian nhà Bác thật đơn sơ, ấm cúng. Chúng tôi đứng lặng trước bức ảnh cụ thân sinh Bác, người lúc còn

sống đã từng đấu tranh trên đất miền Nam. Chúng tôi dùng lại từng lúc trước mỗi đồ vật trong nhà, từ bộ phản gỗ, chiếc giường tre, đến cái lu, cái gáo dừa thân thuộc. Mỗi thứ đều gợi lên cái bình dị rất Việt Nam từ bao năm trước vẫn còn nguyên nét trong con người Bác. Chúng cũng gợi về một quá khứ xa xôi nhưng gần gũi, khi Bác bôn ba hàng chục năm trời, hy sinh tất cả, giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Về thăm Kim Liên sau những ngày gặp Bác ở Hà Nội, chúng tôi lại gặp thêm tấm lòng trải rộng của quê hương Bác ôm ấp lấy mình và nửa nước quê hương.

“Hình ảnh miền Nam yêu quý luôn ở trong trái tim tôi”. Câu nói của Bác vọng lên từ Thủ đô đón những người con miền Nam lần đầu ra miền Bắc, hôm nay lại thấy in trên tấm băng đỏ chào mừng đoàn chúng tôi ở đất làng Sen. Hình ảnh miền Nam luôn ở trong trái tim Bác cũng còn ở trong tim của Kim Liên, của Nghệ An.

Đứng trên mảnh đất thiêng liêng, yêu quý này, mảnh đất đã từng tiễn Bác Hồ ra đi vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, chúng tôi như nhớ lại lời nói của Bác của từ mấy mươi năm về trước: “Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên”.

Và như những người con đi xa nay trở về quê mẹ, bác sĩ Phùng Văn Cung đã thay mặt anh chị em trong đoàn nói lên những ý nghĩ sâu xa, tha thiết nhất khi được đặt chân lên mảnh đất quê hương của Người. Bác sĩ Cung đã ghi vào sổ

vàng lưu niệm những dòng cảm tưởng chân thành, biết ơn và kính mến vô hạn:

“Quân và dân miền Nam cũng như mỗi thành viên trong đoàn chúng tôi đã từ lâu mơ ước được đi thăm miền Bắc, hậu phương lớn của tiền tuyến lớn, và luôn hướng về Hồ Chủ tịch, người lãnh tụ kính mến của toàn thể dân tộc Việt Nam. Được về thăm quê Bác hôm nay, đoàn chúng tôi vô cùng xúc động và sung sướng được thấy tận mắt quê hương Xô Viết, nơi đã sinh ra vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam anh hùng”.

Thấy quê Bác, chúng tôi nghĩ ngay đến thành phố Đà Nẵng, đến Sài Gòn và mong sao miền Nam mau được giải phóng được đón Bác vào thăm.

Bây giờ được về thăm quê Bác, đứng trên mảnh đất thiêng liêng này, tôi như khỏe lên rất nhiều, muốn làm rất nhiều việc để rút ngắn những ngày đau khổ của đồng bào, đồng chí ở quê hương, để Tổ quốc chóng thống nhất và đồng bào, chiến sĩ miền Nam được về thăm quê Bác cho thỏa lòng mong nhớ.

Tiền đoàn chúng tôi, anh Nguyễn Sinh Thoáng, em họ Bác Hồ, nắm chặt tay bác sĩ Phùng Văn Cung nói “Lòng Bác Hồ với miền Nam là lòng nhân Việt Nam, lòng dân quê Bác với miền Nam”.

*Nguồn: Theo lời kể của Anh hùng LLVTND
Huỳnh Thúc Bá, Định Chương ghi trong “Bác Hồ với đất Quảng”,
NXB Chính trị Quốc gia, năm 2000.*

HÌNH ẢNH BÁC VẤN RỰC SÁNG

Cửa phòng giam xích mở. Một nhân viên nhà lao bước vào, mắt nhìn trước, nhìn sau, nói nhỏ: “Cụ mất rồi!”.

Hơn bảy mươi chị em tù chính trị ngồi bật dậy. Nhiều người, nước mắt lưng tròng, hỏi nhau, nửa tin nửa ngờ:

Bác mất thật rồi sao?

Võ Thị Thắng nghẹn ngào, lòng xốn xang, hai hàng nước mắt từ từ lăn trên má.

Tin truyền đi nhanh chóng. Lan khắp các phòng ở tầng một, từ OB1 đến OB4 của chị em tù. Cả nhà lao Chí Hòa như nghẹn thở. Tên nhân viên nhà lao nói thật hay chỉ là một đòn chiến tranh tâm lý? Chúng biết Hồ Chủ tịch là nguồn động viên cổ vũ lớn lao đối với tất cả những người tù chính trị. Hay chúng định âm mưu gì đây!

Thắng còn nhớ rất rõ hình ảnh Bác Hồ mà Thắng đã nhiều lần được xem lúc còn ở Củ Chi. Vầng trán mệnh mông, chòm râu bạc trắng, đôi mắt long lanh, nét mặt hiền hậu. Không có lẽ đôi mắt đó từ nay đã nhắm lại rồi? Thắng nghe nói tới Bác Hồ từ lâu lắm, từ lúc Thắng mới bảy tuổi. Hồi đó, thỉnh thoảng có mấy chú vào nhà, chú nào cũng hiền lành, vui vẻ. Thắng tò mò hỏi: “Ai đó hở ba?”. Bác Tư, vốn tính trầm trầm ít nói nhưng những lúc đó tỏ ra rất

cởi mở. Bác nói với Út Thắng: “Đó là mấy chú bộ đội Cụ Hồ. Mấy chú tốt với mình lắm đó, con à!”. Và Thắng thấy thương mến Cụ Hồ, thương mến các chú bộ đội của Cụ Hồ. Những năm lên Sài Gòn, học trường nữ học Gia Long, tham gia phong trào học sinh, sinh viên, Võ Thị Thắng được nghe kể nhiều chuyện về Bác - người suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Thắng cũng đã hiểu thêm nhiều về con đường cứu nước mà Bác đã vạch ra. Khi được kết nạp vào Đoàn, Thắng thề hứa là mãi mãi đi theo con đường của Bác Hồ kính yêu.

Bây giờ Bác không còn nữa! Lòng Thắng đau như cắt. Nhưng có thật là Bác đã mất rồi không?

Thông báo từ phòng giam của các anh tù chính trị bí mật truyền sang đã xác nhận tin đau đớn đó. Bác Hồ kính yêu đã vĩnh biệt chúng ta. Tất cả chị em cùng phòng giam với Thắng đều òa lên khóc. Những chị đau thần kinh vì bị tra tấn ác liệt, xúc động quá, ngã vật ra, ngất đi.

Một cuộc hội ý chớp nhoáng. Toàn nhà lao sẽ để tang một tuần lễ. Phải tổ chức trang trọng lễ truy điệu. Dù chúng nó có cấm, cũng cứ làm. Dù có phải đổ máu để bảo vệ bàn thờ, cũng cứ làm.

Những mảnh vải trắng mà gia đình đi thăm nuôi gửi vào cho được xé ra. Mỗi chị em đều buộc một mảnh vải tang trên đầu.

Tên quản đốc nhà lao biết tin, ra lệnh cấm, không cho tiến hành lễ truy điệu. Nhưng chị em mặc kệ. Bàn thờ vẫn được dựng ngay trước cửa phòng giam.

Trong hoàn cảnh ngục tù, chị em không tìm đâu ra được ảnh Bác. Nhưng tất cả đều có hình ảnh Bác khắc sâu trong tim.

Mọi người đứng im lặng nghe đọc điệu vắn, nước mắt giàn giụa. Trong giây phút đầy xúc động đó, Thắng khóc nức nở. Thắng vừa thấy mình có một mắt mát to lớn không gì bù đắp được, Thắng xót xa luyến tiếc là chưa được gặp Bác thì Bác đã đi xa rồi.

Lễ truy điệu vừa được tổ chức xong, tên cai ngục hăm he dọa nạt là hấn sẽ cho người vào giựt bàn thờ xuống.

- Chúng tôi thể quyết tử để giữ bàn thờ. Chúng tôi thể quyết tử để giữ miếng vải tang trên đầu. Các người có giỏi thì động đến!

Nhìn những cặp mắt rực lửa, những bàn tay nắm chặt của chị em, những con người chỉ còn da bọc xương, tay không vũ khí và đang bị xích xiềng nhưng vẫn toát ra một sức mạnh kỳ lạ, bọn cai ngục phải lặng lẽ rút lui.

Trong những ngày đó, bản Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đăng trên một tờ báo công khai ở Sài Gòn đã được chuyển tay khắp phòng giam. Những lời dạy cuối cùng của Bác thấm sâu vào lòng Thắng: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn... Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”.

Thưa Bác, tuy Bác đã đi xa nhưng chúng con, hàng triệu con cháu của Bác sẽ tiếp tục giương cao ngọn cờ của Bác. Từ trong ngục tối của quân thù, chúng con vẫn thấy rực sáng

hình ảnh của Bác, chúng con vẫn tiếp tục cuộc chiến đấu thầm lặng chống bè lũ cướp nước và bán nước. Chúng con quyết xứng đáng với công lao dạy dỗ của Bác. Bác đã đi xa rồi, nhưng Bác vẫn sống mãi trong lòng chúng con - Thắng thầm nghĩ như thế.

Đọc bản Di chúc, chị em đều hạ quyết tâm giữ vững khí tiết cách mạng trước mọi hành động khủng bố tàn bạo hay mua chuộc, dụ dỗ của quân thù. “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết” - lời dạy của Bác Hồ lúc này càng có một ý nghĩa đặc biệt đối với Thắng cũng như đối với toàn thể anh chị em trong tù. Trước những đòn hiểm độc, những thủ đoạn xảo trá, những khủng bố cực hình, chỉ có sức mạnh đoàn kết của tập thể mới có thể giúp cho mỗi người vượt qua mọi thử thách để giữ tròn khí tiết như đoá sen ngan ngát hương thơm nở giữa đầm bùn hôi tanh.

Đêm đã khuya, Thắng vẫn còn trần trọc. Thắng vẫn nghĩ đến vầng trán mênh mông, chòm râu bạc trắng, và tưởng như đôi mắt sáng long lanh của Bác đang hiện từ nhìn chị. Thắng khe khẽ hát bài hát “Hương về Sài Gòn” mà từ những ngày tham gia phong trào học sinh, sinh viên Thắng vẫn thích hát:

*“Thành chúng ta sẽ mang tên cha già
Thành chúng ta sẽ mặc áo mới đầy hoa
Sáng chói Thành phố Hồ Chí Minh
Rực rỡ ánh sao vàng cờ hồng”.*

*Nguồn: Theo lời kể của đồng chí Lê Bá Thuyên
trong “Người là niềm tin”, NXB Thanh Niên, năm 1975.*

BÁC HỒ DẠY CHÚNG TÔI LÀM CÔNG TÁC CẢNH VỆ

Năm 1963, hoạt động biệt kích của Mỹ - ngụy đã lan rộng tới một số vùng ở miền Bắc. Tình hình an ninh ở một số nơi, nhất là vùng biên giới quốc lộ giao thông lớn có những phức tạp. Bộ Chính trị chỉ thị mọi hoạt động của Bác phải được bảo vệ tuyệt đối an toàn. Một lực lượng cảnh vệ bí mật bảo vệ trên đường được thành lập. Từ đó mỗi lần Bác đi công tác, lực lượng này triển khai thực hiện nhiệm vụ nhưng chưa lần nào được Bác khen cả. Bởi vì chúng tôi làm còn ấu trĩ và ngộ nghĩnh lắm. Mỗi lần đi công tác, Bác quan sát hai bên đường và nói đại ý: “Bác có thể đếm được chú Kháng¹ bố trí bao nhiêu người trên một đoạn đường. Các chú không biết cách hóa trang. Từ quần áo các chú mặc đến con mắt đảo liếc là Bác có thể nhận ra ngay. Dân họ cũng cảnh giác ghê lắm đấy, không khéo họ nghi là các chú sẽ bị bắt cho mà xem”. Tôi báo cáo lại điều này với các đồng chí lãnh đạo trong đơn vị và sau đó rút kinh nghiệm sửa ngay những non yếu còn mắc phải.

Một lần Bác đi gặt lúa với dân ở một xã ngoại thành Hà

1. Cục trưởng Cục Cảnh vệ.

Nội. Chúng tôi xuống xã đặt vấn đề trước là ngày mai cơ quan sẽ đi gặt giúp dân. Đồng chí chủ nhiệm hợp tác xã vui lắm. Khi chúng tôi đề nghị ra xem cánh đồng lúa ngày mai sẽ gặt thì đồng chí đó ưng ngay. Ra đồng, chúng tôi thấy có hai loại ruộng lúa chín. Ruộng khô sát ngay đường đi và ruộng nước bùn lầy ở xa hơn. Chúng tôi chọn và đề nghị ngày mai xã bố trí cho anh em trong cơ quan gặt lúa ở cánh đồng khô gần đường cho tiện. Mọi việc bàn rất kín kẽ, nên địa phương hoàn toàn không biết gì về việc Bác sẽ đi gặt với dân. Kế hoạch bố trí rất chu đáo và tỉ mỉ.

Sáng sớm ngày hôm sau, trên đường từ ngoài đồng về sân hợp tác xã, chúng tôi bố trí một số chiến sĩ trẻ khỏe hóa trang gánh lúa làm nhiệm vụ bảo vệ. Các chiến sĩ bố trí gặt lúa được triển khai và mọi công việc bắt đầu. Đến 9 giờ sáng thì xe Bác đến. Bác yêu cầu dừng xe ở đầu làng để đi bộ ra cánh đồng. Nhân dân vẫn mãi gặt nên không ai biết gì. Những chiến sĩ làm nhiệm vụ gánh lúa đều áo màu gụ đồng phục, đội mũ lá như nhau, quần xắn cao đến đầu gối. Khi gặp Bác, anh em chỉ liếc nhìn nhau rồi chào Bác và chạy biến luôn. Bác nhìn tôi cười và nói: “Quân chú Kháng đã đến đây rồi”. Nghe Bác nói tôi thấy lo lo. Khi ra đến đồng, những thửa ruộng khô trong kế hoạch của chúng tôi người gặt rất đông. Cũng toàn quần áo nâu gụ gần như đồng phục. Còn ngoài xa tí, những vạt ruộng nước bùn lầy chỉ lác đác dăm bảy xã viên một thửa. Thấy Bác tụt dép, xắn quần cao đến đầu gối, tôi hơi lo nên gợi ý: “Thưa Bác, chỗ kia xã viên gặt đông vui quá”. Vừa nói tôi vừa chỉ về phía những thửa ruộng có cảnh vệ hóa trang đang gặt. Không ngờ Bác nói

luôn: “Đồng vui cái gì? Ở đây toàn quân chú Kháng chú xã viên nào?”. Nói xong Bác lội xuống đồng, thoăn thoắt đi về phía những thửa ruộng nước ngoài xa mà xã viên đang gặt. Thế là mọi việc đều ngoài dự kiến. Tôi đâm hoảng, chỉ còn biết vội vã theo Bác, mà không biết làm cách nào để báo hiệu cho đồng đội chuyển đội hình. Bác đã biết cách làm ấu trĩ của chúng tôi.

Tin Bác đến nhanh chóng lan khắp cánh đồng. Bà con xã viên từ các phía ủa tới. Anh em cảnh vệ chúng tôi cũng nhân dịp đó dồn lên. Thế là cánh đồng nước lầy lội lại đồng vui hơn.

Buổi gặt xong, Bác thăm hỏi và chào bà con xã viên ra về. Có những cụ ông, cụ bà tay cầm liềm, hái, vui cười chúc Bác sức khỏe nhưng mắt thì rơm rớm, cảm động.

Trên đường về, ngồi cùng xe, tôi được nghe Bác phê bình cách làm của cảnh vệ. Bác nói đại ý: thứ nhất, Bác phê bình các chú còn lãng phí lực lượng; thứ hai, là cách hóa trang của các chú còn lộ liễu lắm. Cơ quan nào đi gặt giúp dân mà lại may quần áo như đồng phục thế? Còn mấy chú gánh lúa ở trên đường cũng vậy. Dân họ mà nhìn thấy Bác không chỉ chào Bác ạ, rồi chạy biến như các chú đầu, các chú phải sửa ngay...

*Nguồn: Theo lời kể của đồng chí Nguyễn Tất Liêm -
Trưởng phòng, Cục Cảnh vệ, Bộ Công an, bảo vệ Bác Hồ
từ năm 1952 đến 1969.*

BÁC GỌI

Sáng nay, qua dây nói, anh Hiến¹ triệu tập tôi về Bộ có việc cần. Tôi vẫn định ninh như mọi bận, về nhận chủ trương mới. Tôi hỏi anh Hiến có phải chuẩn bị gì không. Anh chỉ cười và bảo: “Bình thường”. Ai ngờ đến giờ phút này anh mới nói thật với tôi là “Bác gọi”.

Trời ơi! Bác gọi tôi? Bác gọi nhầm chăng? Mình nghe không rõ chăng? Mình mơ ngủ à? Tôi hỏi lại anh Hiến mà lòng vui rạo rức, không lấy gì tả xiết, không lấy gì đo cho hết nỗi mừng. Tôi quên cả mệt nhọc, hồi hộp và cảm động lắm. Rồi đây, chốc nữa gặp Bác, biết làm sao, biết thưa cùng Bác điều gì? Anh Hiến thấy tôi bối rối, anh dặn:

- Có gì nói nấy!

Trong đời, lần đầu tiên, đây là một vinh dự quá bất ngờ - một hạnh phúc cao nhất đối với tôi. Tôi suy nghĩ, sắp xếp dự kiến những điều Bác sẽ hỏi và mình sẽ thưa lại. Nhưng còn đâu thì giờ, tôi thăm trách anh Hiến, lẽ ra anh cho tôi biết ngay từ đầu. Tôi kìm cương ngựa lại, đi thông thả chờ anh Hiến.

1. Đồng chí Lê Văn Hiến, Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Đến giữa rừng, một ánh lửa đằng xa soi đường đưa chúng tôi về một căn nhà nhỏ. Anh Chiến (bảo vệ Bác) ra gặp và hướng dẫn chúng tôi đến một nơi khác. Đi một quãng nữa, thì đến ngôi nhà lá. Một đồng lửa đốt ở giữa nhà, một ông cụ điểm đàm đang ngồi trên một khúc gỗ, ánh lửa chói sáng vằng trán cao, ông cụ cúi xuống xếp lại que củi cho ngọn lửa cháy to, nên không nom rõ mặt. Không gì vui sướng hơn! Tôi không ngờ nơi đây là Phủ Chủ tịch, là nơi luận bàn việc nước của Chính phủ Trung ương - trung tâm lãnh đạo toàn dân chống Pháp - nơi tập trung trí tuệ và sức mạnh của dân mình. Và ông cụ khoác áo ka ki bạc màu ngồi đó là Bác Hồ. Trong khoảnh khắc, tôi còn tần ngần đứng lại bên ngoài. Anh Hiến bước vào trước, đến khi Bác lên tiếng gọi: “Chú Sửu đó phải không?”, tôi mới bừng tỉnh. Ôi, sung sướng quá, tôi lú lười:

- Thưa Bác, có cháu đây ạ?

Trời sắp sửa sang thu, chưa rét, nhưng ở rừng sâu, đêm có sương lạnh. Bác đang ngồi sưởi và suy nghĩ.

Bác chỉ một khúc gỗ bên đồng lửa và ra hiệu bảo chúng tôi ngồi. Vừa xúc động, vừa vui mừng, tôi quan sát và cố ngắm thật kỹ, nhìn Bác rõ lâu. Dáng Bác gầy và hơi yếu. Tôi nhìn Bác từ chòm râu, mái tóc, từ nếp quần nâu giản dị đến đôi dép cao su đã sờn mép. Tôi chăm chú đến căn nhà nhỏ đơn sơ, gọn gàng, một chiếc bàn tre, một cây đèn bão tỏa ánh sáng đỏ trên những trang sách báo gồm nhiều thứ tiếng nước ngoài. Bên phải tôi là chiếc giường con trải chiếu cói và chiếc chăn trấn thủ gấp vuông góc. Tôi nhìn mãi chừng

ấy thứ. Và chỉ chừng ấy thôi cũng nói lên cuộc sống thanh đạm của Bác. Tôi đã tự đặt cho mình một công việc quan trọng là phải nhìn cho kỹ, nghe cho rõ thu hết vào tâm trí để khi về kể lại cho anh chị em công nhân.

Tôi đợi chờ, chưa dám ngồi gần, Bác dịu dàng kéo xích tôi lại và bằng một giọng ấm áp, Bác hỏi:

- Chú có biết vì sao hôm nay Bác gọi lên không?

- Thưa không ạ, cháu nghe đồng chí Bộ trưởng Lê Văn Hiến gọi lên họp ở Bộ, cháu cũng chưa rõ việc gì.

- Bác muốn nghe chuyện nhà máy của các chú làm ăn, chiến đấu ra sao?

Tôi đưa mắt nhìn anh Hiến, như muốn cầu cứu anh giúp tôi báo cáo, nhưng anh chỉ cười, có ý bảo: cứ thật thà mà nói.

Thật là lúng túng, tôi trình bày tóm tắt, nhiều đoạn ngập ngừng, đại thể như thế này:

- Anh chị em công nhân theo lời Bác kêu gọi đã cùng toàn dân đứng lên đánh giặc, cứu nước. Nhà máy giấy Đáp Cầu đã tiêu thổ kháng chiến. Nhà cửa, kho tàng đã phá hủy. Máy móc thiết bị được dời về chiến khu. Bằng phương tiện thô sơ, chúng tôi mất bốn năm tháng trời để di chuyển ba nghìn tấn hàng, trong đó có trên một nghìn tấn máy móc công kênh, một khối lượng trên sáu mươi vạn tấn. Bình quân mỗi ngày anh chị em thợ chúng tôi phải đưa ba mươi tấn máy móc, vật liệu trên quãng đường dài hai trăm cây số. Lúc bấy giờ, trong tay chỉ có mấy chiếc xe chạy bằng dầu

ma-dút cọc cạch, ngoài ra là xe bò, ngựa thồ, thuyền gỗ và chủ yếu là bằng đôi vai. Chúng tôi vừa di chuyển, vừa chiến đấu và vừa xây dựng. Tôi cũng thừa lại với Bác những đoạn đường treò đèo lội suối, trên đầu thì tàu bay giặc bắn phá, dưới đất thì địch tấn công, trăm nghìn gian khổ. Nhưng anh chị em vẫn không hề lay chuyển tấm lòng son sắt với Đảng, với cuộc kháng chiến trường kỳ. Nhiều khi chuyển không kịp phải dim máy móc và cầm súng tự vệ. Địch đi, anh chị em công nhân lại tiếp tục sản xuất, xây dựng.

Sau khi nhà cửa, lán trại dựng xong, ngày 19-8-1947, nhà máy trong rừng lại bắt đầu hoạt động như cũ. Từ 600 công nhân phát triển lên quá gấp đôi, phân tán làm nhiều cơ sở. Điện lại sáng rừng, giấy lại tiếp tục ra lò. Giấy in bạc cho nhu cầu giết giặc. Giấy in sách báo để phát triển văn hóa giáo dục. Giấy lên vùng rẻo cao với đồng bào các dân tộc. Giấy vào Trị Thiên, qua Khu 5, vào Khu 6, đi Nam Bộ. Đồng bào, đồng chí ta trong đó ngày ngày khát khao mong đợi những văn kiện, tài liệu chỉ thị của Đảng, của Bác... Và cũng từ ấy Ủy ban Công nhân quyết định lấy tên đồng chí Hoàng Văn Thụ, một trong những lãnh tụ xuất sắc của Đảng Cộng sản Đông Dương, đặt tên cho nhà máy kháng chiến của mình.

Buổi tối hôm ấy, tôi báo cáo không được mạch lạc lắm, nhưng Bác rất chú ý lắng nghe. Thịnh thoảng Bác gật đầu. Tôi ngước nhìn trộm thấy Bác vui, nên cứ tiếp tục kể. Còn anh Hiến thì theo dõi, thỉnh thoảng lại nhắc một vài việc mà tôi quên. Tự nhiên tôi thấy mình bạo hơn. Tôi kể cả những chuyện làm nên, những điều thất bại trong lãnh đạo trong

đấu tranh cho Bác nghe, mong Bác dạy bảo cho những việc làm, những điều phải tránh. Tôi ngừng một lúc.

- Thế nào, hết chưa? Bác hỏi tôi vậy.

- Cháu quên nhiều. Bác dạy gì cháu thưa tiếp.

Bác châm một điếu thuốc lá, rồi Bác hỏi:

- Anh chị em thợ làm việc và chiến đấu gian khổ như vậy, chú sắp xếp cho công nhân và gia đình anh chị em ăn ở như thế nào?

Cũng may là điều này tôi đã chuẩn bị sẵn trong óc, nên báo cáo rất tỉ mỉ với Bác về tình hình ăn ở, về việc địa phương cung cấp gạo, mắm muối và việc giúp các gia đình công nhân tham gia làm việc trong nhà máy. Tôi kể lại những hy sinh to lớn của anh chị em công nhân trẻ làm việc không có lương, ăn uống kham khổ, nhưng trăm người như một, đều hướng về Đảng và tin tưởng ở thắng lợi ngày mai.

Trước hết, Bác dạy tôi phải chú trọng đến việc nâng cao đời sống cho công nhân. Bác nói:

- Kháng chiến còn dài, phải biết tăng gia sản xuất và tiết kiệm, tránh lãng phí. Chi bộ Đảng phải quan tâm đến đời sống và học tập của anh chị em thợ trẻ.

Tôi say sưa nghe kỹ từng lời, từng chữ. Bác tiếp tục hỏi:

- Nhà máy đã che kín chưa? Khi tàu bay bắn phá thì anh chị em ẩn nấp ở đâu?

Thực ra nhà máy chúng tôi chưa có kế hoạch gì cả, mình lại còn non nớt, chưa có kinh nghiệm, lại xem thường, nên tôi báo cáo:

- Gần rừng, nếu có việc gì chúng cháu kéo chạy ra rừng, hoặc thưa Bác chạy vào sườn núi ạ?

Bác lắc đầu:

- Không được đâu, thế là chủ quan lắm. Ngày mai về khai hội chi bộ Đảng các chú phải tổ chức đào hầm tránh máy bay, phải che chắn máy móc cẩn thận. Nếu bỏ chạy, thì không sản xuất được mà còn bị lộ sẽ nguy hiểm. Còn người, còn máy thì còn sản xuất và còn đánh Pháp được. Con người là rất quý. Các chú phải bảo vệ cẩn thận.

Bác quay sang phía anh Hiến:

- Bác nhắc chú Hiến là đối với các cơ sở sản xuất phải chú ý an toàn, phải cảnh giác, chớ coi thường.

- Vâng, cháu xin hứa về làm ngay ạ!

Anh Hiến biết khuyết điểm, mặt hơi cúi xuống, còn tôi thì toát mồ hôi. Tôi nghĩ: mình thật đáng tội. Bác phê bình đồng chí Bộ trưởng, nhưng chính là khuyết điểm của mình. Lần đầu tiên được Bác trực tiếp phê bình thật chí lý, mình chưa làm tròn phận sự bảo vệ công nhân.

Chúng tôi đang băn khoăn, thì Bác lại thân mật hỏi tiếp:

- Các chú ở nhà máy có liên hệ, giúp đỡ bà con nông dân ở địa phương không? Phong tục ở đấy, các chú đã hiểu hết chưa?

- Thưa chưa ạ!

Bác cười, nụ cười rất hiền hậu, khoan dung, nhưng cũng rất nghiêm khắc:

- Thế ai cung cấp nguyên liệu cho các chú?

- Bà con các dân tộc ạ?

Bác xòe bàn tay, chỉ từng ngón một, Bác nói:

- Gạo này, thịt này, tre nứa này, các thứ làm ra giấy này, cái gì cũng dựa vào nhân dân. Bà con nông dân ở đây “hậu đãi” các chú như thế, mà các chú lại ăn ở “bạc bẽo” không liên hệ giúp đỡ bà con.

Bác nói tiếp:

- Thế bà con nông dân nghe xây dựng nhà máy có vui mừng không?

- Thưa Bác vui thì có vui ạ, nhưng cũng sợ bị ném bom chết cả làng.

Bác ngắt lời tôi:

- Đúng đấy, phải hiểu rõ khó khăn và tâm tư của quần chúng, giáo dục giúp đỡ đồng bào cùng chiến đấu bảo vệ nhà máy, bảo vệ cách mạng. Còn các chú công nhân thì phải đoàn kết, gương mẫu đi đầu trong mọi việc để quần chúng tin cậy. Đồng bào vững lòng kháng chiến và tin tưởng thì kháng chiến nhất định thành công.

Bác lại ân cần thăm hỏi gia đình tôi và Bác hỏi tôi bao nhiêu tuổi. Tôi đáp lại:

- Cháu hăm ba tuổi ạ.

Bác gật đầu có vẻ hài lòng. Bác nói:

- Thanh niên như thế là tốt, chú còn trẻ. Làm việc phải biết dựa vào Đảng, dựa vào nhân dân. Việc gì cũng bàn bạc

với quần chúng. Phải khiêm tốn, tự nguyện làm học trò quần chúng.

Sau cùng, Bác khen anh chị em thợ nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ đã anh dũng chiến đấu và làm được giấy kháng chiến. Bác dạy:

- Công nhân nhà máy còn phải ra sức học tập, phải nêu cao vai trò làm chủ, phải tiến bộ không ngừng, không được tự kiêu, tự mãn. Sau này kháng chiến thắng lợi hoàn toàn, các cô các chú còn phải quản lý nhà máy to lớn hơn.

Câu chuyện kéo dài quá bốn mươi phút. Bác còn dặn dò anh Hiến:

- Chú Hiến nên rút ra một số kinh nghiệm. Qua nhà máy Hoàng Văn Thụ, công nhân Việt Nam ta như vậy là rất giỏi, rất dũng cảm. Phải đẩy mạnh thi đua ái quốc, thi đua làm nhanh, làm nhiều, làm tốt, làm rẻ. Phát huy mọi khả năng, mọi sáng kiến làm cho mọi người tin ở sức mình, tin ở tập thể. Phải bảo vệ cơ sở sản xuất cho Tết. Bác nhắc chú vấn đề dùng máy sản xuất, nhưng phải coi trọng thủ công. Chẳng may máy móc bị bắn phá, thì vẫn liên tục sản xuất được. Bác nghe chú Sửu, Bí thư Chi bộ nhà máy nói như vậy là chưa chú trọng đúng mức đến đời sống công nhân. Chưa hết lòng giúp đỡ đồng bào địa phương và chưa cảnh giác cách mạng cao.

Đêm ấy ra về, anh Hiến dặn tôi phải đem mọi ý kiến của Bác về báo cáo với Chi bộ, và bàn bạc với anh em công nhân, phát động thi đua trong nhà máy.

Hôm sau mặt trời lên đã khá cao, tôi trở về đến nhà. Toàn thể cán bộ, công nhân nhà máy đã họp mít tinh để nghe tôi báo cáo và phát động thi đua sản xuất tiết kiệm.

Cũng nhờ đó mà tinh thần làm chủ được nêu cao, sáng kiến được nảy nở, phong trào thi đua với chị thợ xeo Nguyễn Thị Soi được toàn thể cán bộ, công nhân tham gia sôi nổi. Chúng tôi tìm tòi làm “than trắng” (thủy điện nhỏ) tiết kiệm được nhiều “vàng đen”, hạ giá thành 20%. Những đường hào, những hầm hố ngang dọc quanh nhà máy, máy móc được đắp ụ che chắn kỹ. Trong những năm kháng chiến, có nơi bị bắn phá đến 12 lần, có cơ sở chịu đựng 18 trận bom mà vẫn bảo vệ được an toàn, hạn chế được thiệt hại.

Vâng theo lời Bác dạy, chúng tôi cuộc nương, phá đồi hoang trồng sắn, trồng khoai. Hàng năm tụi tụi được trên ba tháng lương thực, để cho các chiến sĩ có nhiều thóc gạo ăn no đánh khỏe giành thắng lợi. Vâng lời Bác, chúng tôi còn ra sức giúp đồng bào địa phương, đắp đê lại tấm lòng trung hậu và ý chí cách mạng của nông dân, và cũng nhờ thế, tinh thần đoàn kết công nông được tăng cường rõ rệt.

Thế rồi, sau 9 năm chiến đấu anh dũng, hòa bình được lập lại. Những lời dạy xưa kia của Bác được thực hiện đầy đủ. Quả nhiên, anh chị em nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ làm chủ được nhà máy to lớn gấp bội phần, mức sản xuất gấp hàng chục lần trước kia. Mười bốn năm sau, mỗi năm, thành tích thi đua yêu nước của nhà máy được đánh dấu bằng một Huân chương Lao động. Có hai phân xưởng được danh hiệu Vê vang: phân xưởng Lao động xã hội chủ nghĩa.

Hiện nay, nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ đã trở thành lá cờ đầu của ngành công nghiệp. Nhất là những ngày chống chiến tranh phá hoại khốc liệt của giặc Mỹ, anh chị em công nhân vừa chiến đấu, vừa sản xuất đã lập nhiều thành tích vẻ vang và góp phần bắn rơi nhiều máy bay Mỹ.

Hai mươi năm đã qua, những lời dạy của Bác đã soi sáng cho chúng tôi trên mọi đường, trong mọi công tác, trong tư tưởng, tình cảm và cả trong sinh hoạt hàng ngày.

Bác gọi tôi hai mươi năm về trước, tôi vẫn đinh ninh là Bác vừa gọi tôi mới ngày hôm qua. Bác gọi, cháu luôn luôn có mặt. Thưa với Bác “chúng cháu đã sẵn sàng”.

*Nguồn: Theo lời kể của đồng chí Đỗ Văn Sửu -
Giám đốc nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ,
sau là Vụ trưởng thuộc Bộ Điện than,
đã hy sinh khi giặc Mỹ ném bom Hà Nội vào năm 1972.*

BÁC HỒ VỚI VIỆC SỬ DỤNG NHÂN TÀI

Lần đầu tiên Giáo sư, Viện sĩ Trần Đại Nghĩa được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh là lúc ông cùng kiều bào ta ở Pháp ra sân bay đón Bác - năm 1946, khi ấy Người sang thăm nước Cộng hòa Pháp với tư cách là thượng khách của Chính phủ Pháp.

Ông có vinh dự được tham gia đoàn đại biểu thay mặt Hội Việt kiều tại Pháp đến thăm Bác, nghe Bác kể về tình hình trong nước và đề nghị kiều bào ta báo cáo tình hình hoạt động. Ông đã cùng với Bác đi thăm bà con Việt kiều, thăm Đảng Cộng sản Pháp và các danh lam, thắng cảnh. Trong các cuộc đi thăm đó, Bác ăn mặc rất giản dị. Bác đi dép cao su, nơi nào có sân sạch là Bác ngồi xuống, nhân dân lao động và trẻ em quây quần xung quanh Bác. Bà con Việt kiều ở Pháp lúc đó rất tin tưởng ở Người.

Sau một thời gian cùng Bác đi thăm các nơi, một hôm Bác nói với ông:

- Ngày kia, Bác về nước, chú có về cùng Bác?

Bác không hỏi là ông có muốn về hay không. Tuy vậy,

đối với ông, việc về nước đã được chuẩn bị từ lâu, nên không có gì cấp rập. Ngoài ông ra, còn có hai người cùng về với Bác là: Võ Quý Huân và bác sĩ Trần Hữu Tước.

Bác cháu cùng nhau về nước trên một chiếc tàu chiến của Pháp. Sau khi về nước một thời gian ngắn, Bác giao cho ông chức Cục trưởng Cục Quân giới.

Trong kháng chiến chống Pháp, những năm đầu Bác gửi thư cho ông, động viên và nhắc nhở là trong chiến tranh nhân dân phải làm sao để các địa phương có thể tự túc được lương thực và huy động được lực lượng tại chỗ, có vũ khí tiêu diệt Pháp. Chúng ta phải tự sản xuất lấy vũ khí. Đó là quan điểm chiến tranh nhân dân.

Năm 1950, Bác chỉ định ông kiêm chức Thứ trưởng Bộ Công thương, ông có dịp gặp Bác thường xuyên ở các phiên họp của Hội đồng Chính phủ. Có lần, Bác nói với ông, đại ý:

- Nếu vì những lý do nào đó mà cản trở công việc của chú, thì chú hãy báo cáo cho Bác biết.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, những ý kiến do ông đề xuất đều được Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Đại tướng Văn Tiến Dũng chấp nhận, tạo điều kiện thuận lợi làm việc.

Khi chúng ta đang tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Bác nói:

- Tôi đem chú Nghĩa về để kháng chiến. Bây giờ cuộc kháng chiến vô cùng ác liệt, chưa biết diễn biến sẽ ra sao,

chú Nghĩa đang ở Hà Nội, tại sao không mời chú ấy tham gia quốc phòng.

Sau đó, Bác chỉ định ông làm Phó Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, với tư cách là Thư ký quốc phòng.

Ba tháng sau, đồng chí Lê Đức Thọ mời ông tới nhà riêng và nói:

- Anh làm ba nhiệm vụ một lúc thì nặng quá, cho nên chức vụ “chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước” để trên cử người khác thay.

Sau này, ông mới biết là Bác không đồng ý. Bác nói với các đồng chí trong Bộ Chính trị:

- Chú Nghĩa hồi kháng chiến chống Pháp làm bao nhiêu nhiệm vụ mà cũng làm được (Cục trưởng Cục Quân giới, Cục trưởng Cục Pháo binh, Thứ trưởng Bộ Công thương). Tại sao sau mấy chục năm chú ấy lại không làm được ba việc?

Cách đối xử của Bác với đồng chí Trần Đại Nghĩa đã thể hiện sự chung thủy, có trước có sau - một trong những đức tính quý báu của Người. Đức tính quý báu ấy là tấm gương để chúng ta học tập.

Câu chuyện trên đây còn là bài học về sử dụng nhân tài. Hiện nay ở nước ta đã và đang có hiện tượng chảy máu chất xám. Nếu không có sự thay đổi thì hiện tượng này sẽ còn tiếp diễn. Những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi của các trường đại học trong nước đều không muốn làm cho các cơ quan nhà nước, vì thu nhập thấp. Các em vào làm ở các công

ty liên doanh của nước ngoài có lương cao. Còn sinh viên có học bổng đi học tại các nước, nhiều em không trở về nước làm việc, bởi chế độ đãi ngộ, lương và điều kiện làm việc thấp. Như vậy chúng ta đã lãng phí rất lớn, bởi số tiền đưa các em đi đào tạo ở nước ngoài không phải là nhỏ, trong lúc đó đất nước ta còn nghèo.

Vậy mà ngay từ năm 1946, khi mới giành được độc lập, đất nước ở trong tình thế vô cùng khó khăn, Bác đã tìm mọi cách thu hút nhân tài để phục vụ đất nước. Bài học này cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

*Nguồn: “Kỷ niệm về Bác”, NXB Thông Tấn,
Hà Nội, năm 2005.*

THEO BÁC ĐI CHIẾN DỊCH BIÊN GIỚI

Năm 1950 chúng tôi được theo Bác đi chiến dịch biên giới. Đoàn công tác theo Bác chỉ có một số người, rất gọn nhẹ. Tôi¹ còn nhớ đó là các đồng chí Nhất Tiên Phong, Triệu Hồng Thắng, bác sĩ Chánh, đồng chí Định chụp ảnh, tôi - tổ trưởng tổ bảo vệ và một số đồng chí bộ đội. Buổi tối trước ngày đi, Bác căn dặn chúng tôi:

- Chuyển đi này rất quan trọng. Thời gian không thể định được, nhưng ước khoảng trên dưới một tháng. Đường đi rất vất vả, các chú phải cố gắng để làm tròn nhiệm vụ. Phải tuyệt đối giữ bí mật, nếu lộ ra sẽ hại tới việc lớn. Muốn vậy, từ việc chọn đường đi, tới nơi ăn, chốn ở, giao thiệp với dân, đều phải biết cách giữ gìn.

Chúng tôi đã chuẩn bị chu đáo cho chuyến đi dài. Nào gạo, thực phẩm, chăn màn, dụng cụ cấp dưỡng, thức ăn khô v.v... Đây là lần đầu Bác cho đi theo sáu người. Khi ra tới cửa rừng đồng chí Thắng đã dắt ngựa chờ sẵn, mời Bác lên nhưng Bác không đồng ý, Bác bảo:

1. Đồng chí Võ Viết Định – Tổ trưởng Tổ bảo vệ.

- Chúng ta có bảy người, ngựa chỉ có một con, Bác cười sao tiện.

Tôi cố nài Bác:

- Chúng cháu còn trẻ, Bác đã nhiều tuổi, đường xa, công việc nhiều xin Bác lên ngựa cho.

Bác nói:

- Các chú đều khỏe, còn trẻ cả, để đi đường xem các chú có theo kịp Bác không.

Cuối cùng Bác giải quyết:

- Thôi được, các chú mang theo ngựa để nó đỡ hộ ba lô, gạo. Trên đường đi ai mệt sẽ cưỡi ngựa.

Chặng đường đi qua đèo De và Điểm Mạc... Để quên đi nỗi mệt mỏi, vừa đi Bác vừa dạy chúng tôi đọc *Chinh phụ ngâm*, đọc *Truyện Kiều*. Có lúc Bác kể những kinh nghiệm hoạt động cũ của Người cho chúng tôi nghe. Câu chuyện có sức lôi cuốn lạ thường, vui chân Bác cháu đi được chặng đường dài. Đêm nghỉ và ngủ lại ở chợ Mới. Bữa cơm hôm ấy ngoài món lương khô chỉ có thêm một ít rau tàu bay luộc. Bác nói đùa:

- Rau tàu bay có khác, ăn vào nhẹ cả người, lại có mùi dầu xăng.

Chúng tôi không ai nhịn được cười.

Sáng hôm sau, đi theo đường quốc lộ, hết sức khẩn trương, cố gắng, đoàn đã vượt một chặng dài chừng 42 km. Đến một cái lán để chờ phà ở Bắc Cạn thì đoàn nghỉ lại. Sau

một ngày đi bộ vất vả và mệt, Bác cháu nằm ngủ rất ngon lành. Bác nằm trên một ghế ghép bằng cây, còn chúng tôi nằm quây quần ngay trên nền lán xung quanh Bác. Khoảng 4 giờ sáng hôm sau Bác đã dậy tập thể dục và xuống sông tắm.

Chặng đường xa, cả đoàn có một con ngựa, nhưng Bác rất ít khi lên ngựa, mà hay để tôi dùng ngựa đi tiền trạm. Bác đi bộ cùng anh em, hết sức dẻo dai. Để giữ bí mật, đoàn đi không ồn ào, không đón rước. Bác đội nón, lấy khăn che râu. Đến địa điểm nghỉ lại, Bác thường lánh ra một chỗ, khi nấu cơm xong chúng tôi ra mời Bác vào ăn.

Tối hôm đến bờ sông Bắc Cạn, tôi vào Tỉnh ủy gửi ngựa nhưng không nói là ngựa của Bác. Sáng hôm sau, Bác cho mời đồng chí Nông Quốc Chấn, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Cạn và đồng chí Chủ tịch tỉnh đến gặp Bác. Bác dặn dò công việc. Sau đó đoàn đi tiếp qua sông chừng 2 km thì nghỉ lại nấu cơm trưa. Từ đây đoàn được đi tiếp bằng ô tô do Bộ Quốc phòng đón. Sau mấy ngày đi bộ, giờ được đi ô tô, mấy Bác cháu có thời gian thư giãn đôi chút. Song bình xăng của xe chỉ chứa được bốn lít nên xe thường phải dừng lại để đổ xăng. Theo hướng Tỉnh Túc, đêm hôm ấy xe vượt đèo Giàng đến Phia Đền thì nghỉ lại. Qua một chặng đường khá vất vả, chúng tôi dừng lại nấu cơm ăn. Muốn bồi dưỡng cho Bác, chúng tôi định thịt con gà giò mang theo để nấu cháo, nhưng Bác ngăn lại bảo đem cho đồng chí lái xe, còn Bác cháu lại ăn món rau rừng, thịt hộp.

Từ lúc lên Cao Bằng thấy dân bày rượu ra đường bán

rất nhiều, Bác đưa chúng tôi: Dân Cao Bằng các chú không có rượu chắc không làm cách mạng được.

Đường dài, đoàn đi suốt đêm, qua Nguyên Bình tới Tà Sa, xe quay về, Bác cháu lại hành quân bộ từ 4 giờ sáng. Qua Khuôn Poóc, Khuôn Chỉ mua được một con vịt, Bác cháu dừng lại nấu cơm ăn. Dù mệt mỏi, đoàn vẫn hành quân tiếp qua đèo Khau Lâu, xuống thôn Hào Lịch, xã Hoàng Trung, tới Lam Sơn nghỉ lại. Nơi đây cách quê tôi chừng 4 km.

Hôm sau qua Bế Triều, xã Ngũ Lão, lên đèo Mã Phục, tôi đi tìm trạm liên lạc của Bộ Quốc phòng, đưa giấy đi đường ra do anh Tô Ký, tôi mới biết đoàn Bác Hồ đi chiến dịch mang mật danh “Thắng lợi”. Chặng đường dài hành quân vất vả cứ nghĩ đến hai chữ Thắng lợi, tôi lại thấy quên hết cả mệt nhọc, trong lòng thấy phấn chấn hẳn lên. Đi theo Bác, những lúc cảm thấy mệt, muốn nghỉ Bác lại động viên, kể chuyện cho nghe. Càng đi càng thấy thêm yêu mến quê hương. Bác nói:

- Cao Bằng đất rộng, nhiều mỏ, nhân dân cần cù, chịu khó. Sau này đuổi hết giặc, nhân dân chịu khó về xây dựng quê hương thêm giàu đẹp.

Rồi Bác dặn:

- Từ đây tới Ban Chỉ huy Mặt trận, đường tuy không xa lắm nhưng phải bảo đảm bí mật cao hơn, vì giặc tung do thám để dò tìm lực lượng ta, nhiều chặng chúng có thể phục kích bắt cán bộ. Các chú phải cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu cao hơn.

Hôm ấy ra đi trời lại đổ mưa, đường trơn như mỡ, khi đoàn lên tới nơi thì được biết anh Tô, anh Trần Đăng Ninh đã lên đây trước rồi... Tôi vào báo tin cho các anh biết Bác đã lên, địa điểm Bác dừng là Tả Phây Nưa, Tả Phấy Tẩu, thuộc huyện Quảng Uyên, cách thị trấn Quảng Uyên chừng 2 km đến 3 km. Anh Ninh đi vắng, anh Lê, thư ký của anh Ninh nhận điện.

Sau khi liên lạc được với Ban Chỉ huy chiến dịch, Bác ở lại làm việc, phê chuẩn quyết tâm thư của Bộ Chỉ huy, gấp gờ và đi thăm động viên các đơn vị. Ở Quảng Uyên hai ngày, Bác đi bộ tiếp xuống Phục Hòa, về gần Đông Khê, vị trí tiền phương của Ban Chỉ huy chiến dịch, gặp anh em công binh đang làm cầu phao qua sông Bằng Giang, Bác khen:

- Các chú công binh khá lắm.

Hôm ấy, sau khi làm việc với anh Văn, Bác nghỉ lại ở xóm Nà Lạn, xã Đức Long, Đông Khê, trong một cái lán dựng sẵn. Chiếc lán nhỏ tạm đủ để Bác làm việc và ở. Bác dặn:

- Chúng ta sẽ ở đây một thời gian nên công tác giữ bí mật, giúp dân là rất cần.

Bác chỉ dẫn tỉ mỉ về bí danh của đoàn công tác đặc biệt, cách tránh lửa khói ban ngày để phòng máy bay địch, nhất là cách tránh làm chết cò, làm mất dấu trên lối đi. Ở đâu, việc gì Bác cũng đem kinh nghiệm của Người ra chỉ bảo cho chúng tôi.

Sáng hôm sau, tiếng súng mở màn chiến dịch đã nổ từ sáng sớm, đó là ngày 16-9-1950, Bác lên núi đá Ngườm quan sát quân ta đánh vị trí Đông Khê. Tôi cũng được theo Bác đi lên quan sát trận đánh.

Đứng trên ngọn núi ở vị trí quan sát có thể thấy rõ toàn bộ các cứ điểm của địch, giống như ta đứng trước một cái sa bàn lớn. Đây là lần đầu tôi được chứng kiến một trận đánh lớn mà địch huy động nhiều máy bay tham chiến.

Khoảng 10 giờ sáng, quân ta lấy được 3 đồn Phìa Khóa, Yên Ngựa, Cam Phầy, mở đường xuống phía Đông Nam tấn công vào đồn chính Đông Khê. Tin thắng trận liên tục được báo về nơi Bác. Tiếng súng, tiếng bom rung chuyển, cả một vùng khói lửa bốc lên ngàn ngút.

Sau hai ngày đêm quân ta chiếm được toàn bộ vị trí Đông Khê. Bộ đội truy kích bắt được rất nhiều tù binh đưa về Đức Long.

Sau khi bàn với Ban Chỉ huy chiến dịch về chủ trương phát triển chiến thắng, Bác đi thăm thương binh. Tại bệnh viện dã chiến, Bác rất xúc động không cầm được nước mắt nhưng cố nén để thăm hỏi anh em. Anh em thương bệnh binh cũng rất phấn khởi bởi thấy Bác già rồi mà vẫn ra mặt trận chỉ huy chiến dịch. Trước khi về Người đã tặng đồng chí thương binh nặng chiếc áo khoác của mình. Đi thăm trại tù binh, Bác đóng giả một cụ già nông dân và Người cũng lại cởi tấm áo ngoài của mình cho một đại úy thầy thuốc.

Khi ở Thất Khê, Bác dặn tôi về Cao Bằng trước. Tôi mượn được chiếc xe đạp hỏng, dắt xe về thị xã, tôi tranh thủ

về thăm nhà. Bố mẹ tôi mừng quá ôm lấy tôi, khóc rưng rức. Năm giờ sáng hôm sau tôi ra tới thị xã gặp được anh Hồng Kỳ, Chủ tịch tỉnh, cũng vừa kịp đón Bác đến. Trưa hôm đó, Bác lên pháo đài Cao Bằng ăn cơm. Buổi tối Bác về nghỉ ở Lam Sơn và làm việc tại đây hai ngày.

Chiến dịch thắng lợi, kết thúc chuyến đi lịch sử như dự định của Bác. Người trở về Tân Trào cũng là lúc nhận được tin vui từ các mặt trận báo về.

*Nguồn: Theo lời kể của đồng chí Võ Viết Định
Tổ trưởng Tổ bảo vệ Bác trong “Chuyện kể của những người giúp
việc Bác Hồ”, NXB Thông tấn, Hà Nội, năm 2003.*

VẬT KỶ NIỆM VÔ GIÁ

Sau Cách mạng Tháng Tám, điều mơ ước lớn nhất của tôi¹ cũng như của bao nhiêu đồng chí, đồng bào miền Nam lúc bấy giờ là được gặp Bác Hồ. Vinh dự đó đã đến với tôi trong dịp tôi tham gia đoàn đại biểu Liên khu V về Trung ương dự Hội nghị Cán bộ toàn quốc lần thứ ba. Tôi dự lớp huấn luyện khóa II của trường Nguyễn Ái Quốc tại Việt Bắc. Một buổi chiều mùa đông năm đó, chúng tôi đang học thì được tin Bác đến thăm, cả lớp bỗng khác hẳn mọi ngày, ai cũng vui mừng, hồi hộp. Vui mừng thì rõ rồi. Nhưng còn hồi hộp? Anh em thường kể với nhau: Bác gặp, Bác thường đặt một số câu hỏi. Bác sẽ hỏi chuyện gì và mình sẽ trả lời Bác ra sao? Cứ như thế, lòng chúng tôi náo nức đến rộn ràng, mắt ai nấy đều đổ dồn ra cửa ngóng trông Bác.

Bác bước vào lớp. Tất cả chúng tôi đứng bật dậy và sung sướng hoan hô:

- Hồ Chủ tịch muôn năm!

Bác vẫy tay ra hiệu cho chúng tôi ngồi xuống.

1. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu.

Bác đến, thân mật, ấm áp, thu hút mọi người ngay từ phút đầu. Bác gần gũi, thân thiết như người cha giữa đàn con quây quần chung quanh.

Bác trù mển nhìn cả lớp rồi bất ngờ hỏi:

- Học ở đây có mấy cô?

- Thưa Bác, bảy ạ - Các chị trả lời.

Bác hỏi tiếp:

- Các cô có biết nấu cơm không? Hay là “trên sống, dưới khê bốn bề nhào nhột”?

Hỏi xong, Bác cười rồi ngồi xuống.

Nghe Bác hỏi, tôi thầm nghĩ: đúng là Bác biết rõ nhược điểm của một số cán bộ nữ chúng ta lúc bấy giờ là chưa thạo việc nấu nướng, nhất là nấu cho nhiều người ăn.

Trước khi bước vào lớp, Bác đã đi kiểm tra nhà vệ sinh, nhà bếp và hỏi thăm nơi sản xuất của nhà trường.

Bác phê bình:

- Hố xí không được sạch. Bác cũng chẳng thấy vườn rau của các cô chú ở đâu. Tại sao các cô, các chú không tăng gia sản xuất?

Chúng tôi lặng im ngồi nghe Bác khuyên bảo, thấm thía từng lời.

Đoàn cán bộ miền Nam được ưu tiên ngồi những dãy bàn đầu. Anh em chúng tôi tranh thủ nghe Bác nói thật rõ, nhìn Bác thật kỹ, chú ý ngấm từng chi tiết trên khuôn mặt, nhìn dáng và quần áo của Bác, cố thu tất cả vào trí

nhớ để khi trở về địa phương kể cho đồng bào, đồng chí nghe.

Lần ấy, sau khi Bác về, chúng tôi sửa ngay khuyết điểm mà Bác đã phê bình, đặc biệt là tích cực trồng rau. Mặc dù Việt Bắc lúc bấy giờ đang mùa đông giá rét, vườn rau của chúng tôi vẫn xanh ngút, góp phần tích cực cải thiện bữa ăn cho học viên. Và sau này, trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ở chiến trường Khu V ác liệt, chúng tôi vẫn luôn nhớ lời Bác, tổ chức tăng gia sản xuất và đã tự túc được một phần lương thực tại chỗ, chủ động nuôi quân và cán bộ trong những đợt chống càn, gặp khó khăn về tiếp tế.

Lần thứ hai, tôi được gặp Bác Hồ vào cuối năm 1960, trong dịp đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng. Chúng tôi vừa ra tới Hà Nội, Bác cho gọi đến ngay. Lần này, bên cạnh niềm vui lớn gặp lại Bác, tôi vẫn cảm thấy lo lo như lần trước. Không biết Bác sẽ hỏi chuyện gì và mình sẽ trả lời Bác ra sao.

Sau khi ân cần thăm hỏi sức khỏe các đồng chí trong Đoàn, Bác hỏi ngay:

- Chú có biết công tác ở miền Nam hiện nay cái gì là quan trọng nhất?

- Thưa Bác, công tác bí mật ạ (điều này tôi nghe các đồng chí ở miền Nam được gặp Bác trước tôi kể lại).

Bác Hồ chỉ tay vào tôi và hỏi:

- Ai lộ bí mật cho chú?

Nói rồi Bác cười vui vẻ, đôn hậu.

Đại hội Đảng lần thứ ba họp tại Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc. Đoàn đại biểu Nam Bộ và Khu V họp thành một tổ. Bác tham gia sinh hoạt ở tổ chúng tôi, chăm chú lắng nghe chúng tôi thảo luận. Điều này cho thấy tâm tư, tình cảm của Bác luôn hướng về miền Nam ruột thịt. Đến lúc bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bác dặn chúng tôi chuẩn bị xong, ngồi yên tại chỗ. Bác ra lệnh sắp hàng. Rồi Bác dẫn đầu cả đoàn đi bỏ phiếu, trật tự, nghiêm túc. Đây là một việc làm tưởng như nhỏ nhặt nhưng để lại cho tôi ấn tượng không quên về công tác tổ chức.

Năm 1965, đồng bào và chiến sĩ khu V giành được thắng lợi lớn trong việc đánh bại chiến tranh đặc biệt của Mỹ - ngụy, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn và đông dân ở các tỉnh ven biển miền Trung và Tây Nguyên. Tôi được Khu ủy Khu V cử về Trung ương báo cáo tình hình, sau đó kết hợp chữa bệnh. Sau khi báo cáo ở Hội nghị Trung ương, tôi được đến báo cáo riêng với Bác và được Bác bảo ở lại ăn cơm trưa với Bác. Đây là lần đã để lại cho tôi kỷ niệm sâu sắc nhất. Và tôi cũng không ngờ đó là lần cuối cùng tôi được gặp Bác.

Trong lần gặp này, Bác bảo đồng chí Vũ Kỳ, thư ký riêng của Bác, đưa cho tôi ba củ sâm, kèm theo một bản đánh máy hướng dẫn rất tỉ mỉ cách dùng. Bản đánh máy không ký tên, nhưng tôi nghĩ do chính tay Bác đánh. Tôi được biết những củ sâm này Trung ương dành riêng cho Bác. Sức khỏe của Bác quan hệ đến vận mệnh của cả nước, nhưng Bác đã dành phần sâm của mình cho tôi. Tôi hiểu đây không chỉ là tình thương của Bác dành riêng cho tôi mà chính là cả tấm lòng

của Bác, của cả dân tộc đối với miền Nam, “vì miền Nam ruột thịt”.

Tôi biết Bác lúc này không được khỏe lắm mà hàng ngày vẫn phải lo toan trăm công nghìn việc. Đế quốc Mỹ đang điên cuồng leo thang chiến tranh, bắt đầu ném bom miền Bắc và đưa chiến tranh cục bộ lên đỉnh cao ở miền Nam. Vận mệnh của Tổ quốc đang trong cơn nguy biến. Ngày 17-7-1966, Bác đọc “Lời kêu gọi”: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

Nhận ba củ sâm của Bác Hồ, tôi xúc động không nói nên lời. Tôi lên đường ngay ngày hôm sau. Đó cũng là ngày máy bay giặc Mỹ ném bom làm cháy kho xăng Đức Giang (ngoại thành Hà Nội). Ở miền Nam chiến tranh càng ác liệt, đồng bào, đồng chí đang trông chờ Chỉ thị mới của Trung ương, tôi cần mang về sớm cho Khu ủy Khu V.

Tháng 9-1969, trên đường hành quân từ cơ quan Khu ủy vào Khánh Hòa, chúng tôi được tin Bác qua đời. Tin đến như sét đánh làm chúng tôi bàng hoàng, đau đớn. Chúng tôi nhìn nhau nghẹn ngào, không ai nói được lời nào. Cả đoàn dừng lại giữa rừng để theo dõi tin tức qua đài và làm lễ truy điệu Bác. Chúng tôi xúc động nhất khi nghe từng lời Di chúc thiêng liêng của Bác dặn dò chúng tôi công việc một cách chu đáo.

Riêng tôi, Bác còn để lại một kỷ vật vô giá. Ấp ủ gói

củ sâm trong ngực áo, tôi còn nhớ lại từng chi tiết lần cuối cùng gặp Bác. Chúng tôi tiếp tục cuộc hành quân vào Khánh Hòa. Nỗi nhớ thương Bác càng thúc giục chúng tôi vững bước tiến về đồng bằng, tiến về giải phóng đồng bào thân yêu đang còn trong vòng kìm kẹp của giặc.

Tôi giữ ba củ sâm của Bác cho, cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Năm 1976, trong dịp đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ tư tại Hà Nội, gặp đồng chí Vũ Kỳ, tôi nhắc lại kỷ niệm cũ. Tôi xin gởi lại ba củ sâm của Bác để Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh lưu giữ.

*Nguồn: Theo lời kể của đồng chí Nguyễn Xuân Hữu
cố Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng,
cố Bí thư Tỉnh ủy Phú Khánh trong “Bác Hồ với đất Quảng”,
NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, năm 2000.*

VƯỢT CẢ ƯỚC MƠ

Những ngày giáp Tết năm 1956, đoàn văn công Tây Nguyên chúng tôi bàn nhau chuyện tổ chức Tết. Anh thì nêu vấn đề tổ chức nhiều món ăn dân tộc để có thêm mùi vị quê hương. Chị thì bàn nên tranh thủ đi xem các nơi thắng cảnh để hiểu thêm phong cảnh đất nước. Có đồng chí đề nghị nên đi thăm các bạn đồng hương ở xa Hà Nội, lại có đồng chí gợi ý nên tổ chức nhiều trò chơi dân tộc. Thật là có nhiều ý kiến, chỉ e không đủ thì giờ thực hiện.

Đang lúc chúng tôi rất lúng túng và liên tưởng đến những cái Tết trước đây ở Tây Nguyên, được ăn các món dân tộc, họp mặt với gia đình và bè bạn hoặc đi nổ súng vào đầu giặc Pháp để thay pháo đầu xuân, thì được tin Bác cho chúng tôi quà Tết. Bác cho một thứ mà chúng tôi đang ao ước, đó là một con nai. Bác còn viết thư cho chúng tôi, đại ý tôi còn nhớ được là: “Thấy các cháu ra ngoài này lâu không được ăn thịt thú rừng nên Bác gửi cho các cháu con nai để ăn Tết”.

Nghe xong thư Bác, lòng chúng tôi vô cùng xúc động. Nhớ lại lúc bảy, tám tuổi, mỗi khi bố mẹ có những thứ ngon lành gì hoặc đi săn bắn được các thú rừng về thường để dành

thịt cho con hay nhường cho con trước. Bây giờ Bác đối với chúng tôi cũng thế và còn hơn thế nữa. Bác bận trăm công nghìn việc, vậy mà Bác vẫn luôn nghĩ đến chúng tôi, biết rõ cả những ước mong về sinh hoạt, và khi nhân dân biểu Bác con nai để ăn Tết, Bác lại gửi ngay cho chúng tôi. Đến bữa ăn, khi gấp miếng thịt nai, tôi vừa xúc động, vừa cảm thấy hương vị của nó ngon ngọt vô cùng.

Hồi tưởng lại lúc chưa ra tập kết, tôi cũng như nhiều anh chị em khác, chỉ có một ước mong duy nhất là được gặp Bác một lần thì dù trong công tác có hy sinh đi nữa cũng không hề chùn bước.

Ước mong của chúng tôi lúc đó mới có thể, chứ đâu dám nghĩ đến chuyện được ăn quà Tết của Bác hay được hưởng nhiều sự săn sóc, dạy bảo trực tiếp của Bác.

Thật vậy, khi chúng tôi vừa mới đặt chân lên miền Bắc được một hôm, đang nhiều ngỡ ngàng với phong cảnh Sầm Sơn thì Đảng, Chính phủ, nhân dân miền Bắc đã chăm lo cho chúng tôi mọi thứ, tỏ rõ lòng thương yêu chúng tôi vô hạn. Riêng Bác, Bác lại cho ngay chúng tôi một món quà đặc biệt: mỗi người một chiếc áo da rất đẹp. Qua lời đồng chí cán bộ mật dịch đến đo may cho chúng tôi, thì đây là một tặng phẩm đặc biệt của Bác cho đoàn văn công Tây Nguyên. Đã mười năm nay, tôi giữ chiếc áo ấy còn như mới may để sau này, khi trở về quê hương, tôi sẽ đem nó ra nói chuyện với mọi người.

Được Bác Hồ cho áo rồi, tôi lại nghĩ đến chuyện gặp Bác. Lúc này tôi tin tưởng là nhất định sẽ được gặp, nhưng

chưa lường tượng là sẽ gặp Bác trong khung cảnh nào. Ước mong này đã thành sự thật và đến nhanh hơn cả dự đoán của tôi. Sau khi trú quân ở Sầm Sơn mấy hôm thì chúng tôi được lệnh chuyển về Hà Nội và được gặp Bác ngay.

Tôi còn nhớ rất rõ buổi tối hôm đó ở Phủ Chủ tịch. Trong lúc chúng tôi đang mải mê hóa trang thì nghe mấy tiếng “Bác! Bác!” vang lên trong phòng và thấy một số chị em vội vã chạy ủa ra cửa. Tôi còn đang ngỡ ngác chưa biết việc gì thì một chị đứng bên bảo tôi: “Bác đến, Bác đến!”. Tôi hiểu ra là Bác đến thăm chúng tôi. Mơ ước của tôi đã thành sự thật. Vì sự việc đến bất ngờ quá nên tôi phân vân không biết nên chạy đến gần Bác hay đứng tại chỗ để nhìn Bác. Tôi cũng quên cả việc chào Bác mà cứ đứng nhìn xem Bác có khỏe không, có giống như ảnh chụp không? Trong lúc tôi đang đứng ngây ra thì nghe tiếng Bác gọi:

- Các cháu Tây Nguyên đến bắt tay Bác.

Nghe tiếng Bác gọi, tôi bồi hồi quá, vội vàng đến gần để được bắt tay. Bắt tay chúng tôi xong, Bác thông thả đi ra ngoài. Lúc này, tôi càng xúc động, chảy cả nước mắt mà vẫn nhìn theo Bác. Tôi cảm thấy vẫn chưa được nhìn rõ Bác vì thời gian được nhìn Bác quá ít, mặc dầu tôi đã được đứng gần Bác và bắt tay Bác.

Một việc nữa làm tôi xúc động hơn và cũng chưa bao giờ nghĩ tới là sau khi chúng tôi biểu diễn xong một tiết mục, Bác thấy chúng tôi mặc áo cộc tay, liền thân mật bảo ngay:

- Các cháu mặc ngay áo bông vào không thì bị sưng phổi đấy.

Khi chúng tôi mới trình diễn được nửa chương trình thì Bác lại bảo chúng tôi nghỉ. Bác nói:

- Diễn như vậy là đủ, các cháu mới ra tập kết chưa quen chịu lạnh, nếu làm việc nữa sẽ bị ốm đấy.

Bác lại cho chúng tôi ăn kẹo bánh và dặn chúng tôi:

- Cháu nào không ăn hết thì lấy đem về nhà.

Lúc đó tôi và nhiều anh chị em khác trong đoàn rụt rè không ăn cứ chăm chú nhìn Bác. Thấy vậy, Bác bảo chúng tôi:

- Các cháu cứ ăn tự nhiên, ăn không hết thì đem về nhà cho các bạn, và nhớ phần cho cả các đồng chí lái xe nữa.

Thấy Bác nhắc nhở và nhìn thấy các bạn ở miền Bắc ăn uống tự nhiên, chúng tôi cũng mạnh bạo ăn và lấy đem về để vừa ăn, vừa cho các bạn. Riêng tôi có cháu nhỏ thì lấy về cho cháu và bảo đấy là quà của ông ngoại (tôi bảo các cháu gọi Bác Hồ là ông ngoại). Các cháu được ăn nhiều lần như vậy nên mỗi khi tôi đi biểu diễn lại hỏi: “Hôm nay má có đến ông ngoại không?”. Nghe tôi trả lời có đến thì các cháu vui hẳn lên, có đưa lại giục tôi đi nhanh hơn nữa. Cũng có lần đi biểu diễn nơi khác, tôi bảo hôm nay tôi không đến ông ngoại thì các cháu tỏ vẻ không vui. Thấy thế nên các lần đi biểu diễn ở nơi khác, tôi thường nói dối các cháu là tôi đến ông ngoại, lúc về bao giờ tôi cũng nhớ mua cho các cháu ít bánh kẹo và nói là quà của ông ngoại gửi cho. Kể ra tôi nói

đối như vậy là có khuyết điểm đối với Bác nhưng vì tôi thấy các cháu nhỏ người Tây Nguyên (tập kết ra Bắc) luôn được săn sóc chu đáo thế.

Lần thứ hai tôi được gặp Bác là trong dịp chúng tôi biểu diễn để chào mừng một vị khách ngoại quốc đến thăm nước ta. Buổi biểu diễn này có nhiều đoàn văn công tham dự. Khi đoàn chúng tôi lên biểu diễn, tôi thấy Bác rất chăm chú theo dõi, thỉnh thoảng lại nói chuyện với vị khách ngoại quốc ngồi bên cạnh và chỉ tay lên phía chúng tôi. Tôi đoán là Bác đang giới thiệu nghệ thuật của các dân tộc Tây Nguyên với vị khách đó.

Sau khi biểu diễn, Bác cho chúng tôi chụp ảnh chung để kỷ niệm. Anh chị em cứ sán đến để được đứng cạnh Bác. Chụp ảnh xong, Bác hỏi tôi:

- Sao độ này cháu Vin gầy thế, cháu Kim Nhớ đi đâu sao hôm nay không có mặt? Chẳng đợi tôi kịp trả lời, Bác ân cần khuyên: - Cháu cần ăn nhiều vào cho có sức khỏe mới được.

Tôi thưa với Bác là Kim Nhớ đi học. Bác hỏi:

- Học gì?

Tôi thưa tiếp:

- Thưa Bác, học văn hóa.

Thấy vậy Bác liền bảo chúng tôi:

- Các cháu cần phải cố gắng học tập, để sau này về Tây Nguyên hướng dẫn lại nhân dân.

Câu chuyện trên đây làm cho tôi suy nghĩ rất nhiều. Bác tài nhớ quá. Mới gặp chúng tôi lần thứ hai mà Bác đã thuộc tên từng người, biết rõ cả ai vắng mặt và hiểu rõ cả sức khỏe của chúng tôi nữa. Chính do lòng thương yêu cán bộ mà Bác quan tâm đến chúng tôi như thế đấy.

Như được lòng thương và sự dạy dỗ của Bác, tôi đã có một sự tiến bộ đáng kể về trình độ văn hóa, tư tưởng và chuyên môn.

Lúc ra tập kết, tôi mới thoát nạn mù chữ và chưa nói nổi tiếng phổ thông. Nay tôi đã có trình độ văn hóa lớp tám và nói thạo tiếng phổ thông.

Về phương diện chuyên môn thì mặc dầu tôi đã công tác trong đoàn văn công được bảy, tám năm nhưng lúc ra tập kết, tôi vẫn gần như mù nhạc, chỉ mới đọc được các nốt nhạc, chứ chưa hiểu được nhạc lý và chưa biết xướng âm. Bây giờ tôi đã tốt nghiệp trung cấp âm nhạc và đang tiếp tục học thêm. Tôi đã thấy yêu nghề và thích hát những bài hát tiếng dân tộc. Trước kia, tôi rất ghét nghề văn công, cho rằng công tác này không có tiền đồ. Chính vì có ý nghĩ đó nên hồi ở trong Nam, hễ có ai hỏi tôi: “Tối nay diễn gì đấy” là tôi khó chịu, cho là người ta khinh thường, muốn biết tối nay mình diễn “trò” gì. Gặp trường hợp có người hỏi thế là tôi trả lời miễn cưỡng: “Chưa rõ lắm” hoặc làm thinh không nói gì. Cũng không phải chỉ mình tôi coi thường nghệ thuật sân khấu mà cả chồng tôi cũng rứa. Cho nên lúc mới ra tập kết, tôi vẫn chưa yên tâm, luôn luôn xin đổi công tác. Không những thế, tôi lại không thích hát những bài tiếng dân tộc,

vì cho là trình độ văn nghệ của dân tộc mình còn thấp kém. Tôi chỉ thích hát những bài tiếng phổ thông, mặc dầu khi hát lên, có nhiều đoạn hay toàn bài tôi không hiểu ý nghĩa hoặc chỉ hiểu lơ mơ. Bây giờ thì khác hẳn trước, tôi đã yên tâm với nghề nghiệp. Tôi đã hiểu biết được những cái hay, cái đẹp của nền nghệ thuật dân tộc tôi. Bây giờ khi hát các bài tiếng dân tộc, tôi tự thấy trình diễn hay hơn các bài hát phổ thông, vì tôi hiểu được ý nghĩa và tình cảm của các bài đó.

Sở dĩ tư tưởng tôi biến chuyển tốt như thế là nhờ sự dạy dỗ của Đảng và của Bác. Tôi thấy Bác rất chăm chú theo dõi các tiết mục văn nghệ của các dân tộc thiểu số, trong đó có các dân tộc Tây Nguyên chúng tôi. Có lần Bác gửi cho chúng tôi một bó lông công để dùng trang trí mũ măng theo phong cách dân tộc. Nhận được bó lông công đó, chúng tôi cảm thấy không những Bác am hiểu phong tục, nghệ thuật của các dân tộc Tây Nguyên mà còn tỏ ra rất trân trọng nữa. Bó lông công đó cũng nói lên một phần Bác khuyến khích chúng tôi trau dồi thêm nghệ thuật dân tộc. Chúng tôi luôn nhớ lời Bác đã căn dặn: “Cần phải cố gắng học tập để sau này về Tây Nguyên hướng dẫn lại nhân dân”.

*Nguồn: Theo lời kể của Nay-Hơ-Vin
Ca sĩ, dân tộc Giơ-rai trong “Bác Hồ với văn nghệ sĩ”,
NXB Văn học, Hà Nội, năm 1995.*

PHẦN II

NHỮNG CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG TRUNG KIÊN



GIÁO SƯ, BÁC SĨ NGUYỄN VĂN HƯỞNG NGƯỜI THẦY THUỐC SUỐT ĐỜI VÌ SỨC KHỎE NHÂN DÂN

G iáo sư, Bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng (1906 - 1998) không chỉ là niềm hãnh diện của đất và người An Giang mà còn là niềm tự hào của đất và người Nam Bộ. Ông là một trí thức lỗi lạc, tiêu biểu của nước nhà. Cả cuộc đời ông, không chỉ tận tụy với việc kháng chiến, kiến quốc, việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, mà còn quan tâm đến việc đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ y tế.

Giáo sư, Bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng sinh năm 1906 tại xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Ông nội ông là thầy dạy chữ Nho, cha ông cũng học chữ Nho và kiêm luôn một ít nghề thuốc. Lúc ông lên 5 tuổi, mẹ ông mất vì dịch tả, ông nội và bà nội lần lượt qua đời. Cha ông đi làm ăn xa, nên từ năm 10 tuổi ông đã phải sống tự lập. Ông theo học tiểu học tại Cần Thơ, trung học tại Mỹ Tho và học tú tài tại Sài Gòn. Năm 1927, ông học Trường Đại học Y khoa Hà Nội. Sau 4 năm, ông lại học tiếp 2 năm ở Paris và bảo vệ luận án tốt nghiệp năm 1932. Năm 1933, ông về nước và làm việc tại Viện Pasteur Sài Gòn trong 5 năm. Do bất bình trước thái

độ phân biệt đối xử của người Pháp, năm 1939, ông thôi việc và mở phòng mạch, phòng xét nghiệm đầu tiên tại Sài Gòn.

Sau Cách mạng Tháng Tám, ông là thành viên Hội đồng Cố vấn Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, Trưởng Ban Y tế và Bào chế của Sở Y tế Nam Bộ. Tháng 10-1945, theo lệnh Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, ông về Mỹ Tho để tham gia công tác y tế cách mạng. Tại đây, ông đã cùng đồng nghiệp chế tạo thành công huyết thanh chống uốn ván và nhiều loại vắc xin phòng bệnh. Trong cuộc tổng tuyển cử đầu tiên của nước ta vào ngày 6-1-1946, ông trúng cử đại biểu Quốc hội khóa I của tỉnh Long Xuyên. Sau Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946), ông trở về Sài Gòn, mở lại phòng mạch và tiếp tục tiếp tế thuốc men, dụng cụ y tế, cứu chữa thương binh cho chiến khu... Năm 1947, ông trở ra khu kháng chiến, là Ủy viên Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Nam Bộ kiêm Giám đốc Sở Y tế Quân dân Nam Bộ. Ông được kết nạp Đảng vào tháng 7-1953.

Sau Hiệp định Genève, ông tập kết ra Bắc, lần lượt giữ các cương vị Trưởng Đoàn đại biểu Nhân dân Nam Bộ đi dự Hội nghị châu Á tại New Delhi (3-1955), Giám đốc Bệnh viện 303 (7-1955), Giám đốc Viện Vi trùng học (1956), Viện trưởng Viện Nghiên cứu Đông y kiêm Vụ trưởng Vụ Đông y (1957), Chủ nhiệm Bộ môn Đông y (nay là khoa Y học cổ truyền) của Đại học Y Hà Nội. Tháng 1-1957, Quốc hội khóa I đã bầu ông làm Ủy viên chính thức Ban Thường trực Quốc hội. Ông là đại biểu Quốc hội và là Phó Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội các khóa II (1960 - 1964) và khóa III (1964 - 1971).

Từ tháng 3-1969, ông được cử làm Bộ trưởng Bộ Y tế và giữ cương vị này đến tháng 4-1974. Năm 1975, ông làm Viện trưởng Viện Y học cổ truyền dân tộc Thành phố Hồ Chí Minh; năm 1983 là Cố vấn Bộ trưởng Bộ Y tế về y học cổ truyền dân tộc. Trong công tác quản lý, công tác nghiên cứu, ông luôn đề cao việc kết hợp Đông, Tây y là phương hướng xây dựng nền y học dân tộc. Ông đã chủ trì biên soạn cuốn “Phương pháp dưỡng sinh” với 72 động tác cơ bản và đã được tái bản ít nhất 12 lần. Ông cũng là tác giả nhiều ý tưởng độc đáo như đề nghị Chính phủ lập bệnh viện Đông y, mở trường dạy Đông y, bào chế, nghiên cứu thuốc Nam và thành lập Hội đồng Đông y hay phương pháp chế tạo vắc xin phòng, chống bệnh đậu mùa, tả, thương hàn, phương pháp trị bệnh tai biến mạch máu não bằng tập luyện, dùng thuốc Nam, thuốc Bắc và thuốc Tây, bấm huyệt...

Ông đã được tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lao động, Thầy thuốc Nhân dân, Huân chương Độc lập hạng Nhất... Năm 1996, ông được trao Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I với các công trình Toa căn bản, Kháng sinh thảo mộc, Phương pháp dưỡng sinh.

Ông chính là nhà sáng lập Quỹ Học bổng Nguyễn Văn Hưởng. Những ngày giữa năm 1998, lúc còn nằm ở Bệnh viện Thống Nhất, ông đã gửi cho Quỹ Từ thiện Báo Sài Gòn Giải phóng 40 triệu đồng tiền tiết kiệm của mình nhằm giúp cho sinh viên nghèo hiếu học và cán bộ y tế tình nguyện phục vụ vùng sâu, vùng xa. Từ ý tưởng và số tiền đầu tiên đó, Báo Sài Gòn Giải phóng đã xây dựng thành Quỹ Học

bổng Nguyễn Văn Hưởng để giúp những đối tượng theo ý nguyện của ông.

Bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng đã dành cả đời mình cống hiến cho sự nghiệp y tế cũng như công tác chăm lo sức khỏe cho nhân dân. Đến cuối đời, bác sĩ còn gởi mở và để lại một học bổng hết sức có ý nghĩa, không chỉ cho bản thân những người được nhận mà cho nhiều người khác. Nếu mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi người làm công tác chuyên môn, sau khi nỗ lực cả đời vì công việc, vì xã hội, vì đất nước, cũng dành thêm những tâm nguyện và đóng góp cuối cùng để chung tay chăm sóc, vun bồi cho thế hệ trẻ thì chắc chắn đất nước sẽ có thêm nhiều tài năng mới, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nếu mỗi người cố gắng để lại một ý tưởng, một chút của cải và nhất là tâm huyết, khát khao đóng góp thì chắc hẳn sẽ có nhiều người khác hưởng ứng để làm cho ý tưởng đó phong phú thêm, sinh sôi thêm, tâm huyết, khát khao sẽ ngày càng cao dày thêm và hẳn là thành tựu cho xã hội, cho cộng đồng sẽ lớn lao thêm.

Đó chính là một trong những cách học tập và làm theo tấm gương đạo đức Bác Hồ một cách cụ thể, thiết thực nhất.

NGUYỄN VÕ

BIỆT TÀI NGOẠI GIAO CỦA BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO NGUYỄN DUY TRINH

Nguyễn Duy Trinh (1910 - 1985), bảy mươi lăm tuổi đời, gần 60 năm hoạt động cách mạng liên tục cả ba miền Bắc, Trung, Nam và với 57 năm tuổi Đảng, đồng chí được Đảng, nhân dân tin cậy giao phó nhiều trọng trách. Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí gắn bó với những trang sử hào hùng của Đảng Cộng sản Việt Nam và dân tộc Việt Nam.

Ít ai biết rằng, ông là một chính trị gia ký các văn bản nhanh nhất. 35 lần đặt bút ký vào các văn bản Hiệp định tại Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam năm 1973, ông chỉ đề mỗi chữ “Trinh” - rõ ràng, dứt khoát nhưng cũng giản dị, mộc mạc như chính con người ông vậy. Ông là Nguyễn Duy Trinh, cố Phó Thủ tướng từng giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao lâu nhất của Việt Nam.

“Vị tư lệnh ngoại giao” đó là biệt danh mà Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Gia Khiêm đã gọi ông, là một trong những học trò ưu tú của Chủ tịch Hồ Chí Minh,

Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh là nhà ngoại giao uyên thâm mà tên tuổi gắn liền với nhiều hoạt động ngoại giao sôi nổi nhưng cũng đầy cam go và quyết liệt của Đảng và Nhà nước ta trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Ông đóng góp tích cực vào việc hoạch định và thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế trong hoàn cảnh có sự bất đồng sâu sắc trong phe xã hội chủ nghĩa. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh, ngoại giao đã trở thành một mặt trận và phối hợp chặt chẽ với mặt trận chính trị, quân sự; vừa đánh, vừa đàm; phối hợp nhịp nhàng đấu tranh ngoại giao của hai miền Nam - Bắc, và nghệ thuật đàm phán của ngoại giao Việt Nam mà đỉnh cao là việc ký kết Hiệp định Paris năm 1973.

Trong thời kỳ xây dựng đất nước sau hơn 30 năm chiến tranh tàn phá, ngành ngoại giao Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Duy Trinh, vừa tranh thủ sự hỗ trợ của các nước xã hội chủ nghĩa và cộng đồng thế giới, vừa đấu tranh chống bao vây cấm vận. Chính trong thời kỳ khó khăn ấy, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Liên hợp quốc, đánh dấu việc cộng đồng thế giới công nhận tính pháp lý và tư cách đại diện của Nhà nước ta tại tổ chức đa phương lớn nhất toàn cầu này. Cũng chính ông đã kiến tạo các chuyến thăm của lãnh đạo nước ta với các nước trong khu vực, dẫn tới việc Việt Nam trở thành thành viên của ASEAN.

15 năm làm Bộ trưởng Ngoại giao, nhưng ông đã có đến 40 năm hoạt động đối nội, từ bí mật đến công khai, từ ngoại giao đến kinh tế, từ cơ sở đến Trung ương, từ Đảng

đến Chính phủ. Nguyễn Duy Trinh làm đối ngoại đạt đến “kỹ năng ngoại giao đương đại của loài người”, như nhận xét của ông Trần Việt Phương, nguyên trợ lý Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Sau năm 1975, trước yêu cầu mới của đất nước, Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh đã sớm nêu ra nhiệm vụ ngoại giao phục vụ khôi phục và phát triển kinh tế. Về xây dựng Ngành, Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh đã đề xuất xây dựng quy hoạch đào tạo cán bộ cấp Vụ trẻ (1978) và qua hoạt động thực tiễn, đã đào tạo nhiều cán bộ ngoại giao giỏi cho đất nước.

Những bài học quý báu cho tuổi trẻ noi theo

Nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Khoan, trong suốt thời gian được làm cộng sự với đồng chí Nguyễn Duy Trinh đã tự rút ra cho mình những bài học từ một nhà ngoại giao lớn của cách mạng Việt Nam ở cả tài năng và đức độ:

1. Bài học về sự kiên cường. Từ thời trẻ, đồng chí Nguyễn Duy Trinh đã dẫn thân vào con đường cách mạng và đã chịu đựng những thử thách ghê gớm trong ngục tù; thời gian ở tù cũng ngang bằng thời gian làm Bộ trưởng Ngoại giao. Không có sự kiên cường như vậy của những con người như vậy thì không thể có một đất nước Việt Nam độc lập, thống nhất và có uy tín trên trường quốc tế như ngày nay. Sự kiên cường ấy không chỉ cần có trong cách mạng và trong chiến tranh mà rất cần trong thời bình và trong hoạt động ngoại giao.

2. Bài học thứ hai là trong cuộc đời hoạt động của mình, đồng chí Nguyễn Duy Trinh đã trải qua tất cả các lĩnh vực. Có lẽ trong hàng ngũ lãnh đạo tiền bối được Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn lựa và rèn luyện, ông Nguyễn Duy Trinh là người duy nhất gánh trọng trách đa dạng nhất: từ lãnh đạo một địa phương có nhiều bản sắc trong chiến tranh là Liên khu V đến công tác hành chính với tư cách Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, rồi công tác kinh tế với cương vị Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, công tác khoa học với cương vị Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước, công tác Đảng với cương vị Thường trực Ban Bí thư và công tác ngoại giao với cương vị Ngoại trưởng. Có thời kỳ ông cùng các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Chánh... lãnh đạo cuộc kháng chiến tại Liên khu V và cùng quân dân Liên khu V làm nên những kỳ tích độc đáo không chỉ về kháng chiến mà cả về phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục cho dù ở xa Trung ương và bị cô lập hai đầu...

3. Bài học thứ ba là sự điềm tĩnh, hết sức cẩn trọng, vô cùng kỹ lưỡng. Đồng chí Vũ Khoan kể: “Trong tôi lúc nào cũng đọng lại ấn tượng về cách ông chữa đi chữa lại các văn kiện trình lên, cân nhắc từng chữ, từng câu, từng cái dấu. Cá nhân tôi học hỏi được nhiều khi giữ các cương vị lãnh đạo sau này”. Cán bộ cấp dưới không thấy Bộ trưởng của mình cáu giận, quát mắng bao giờ, cũng chẳng thấy ông cười to. Nếu có khuyết điểm, thiếu sót chỉ thường nghe ông nhắc: “đừng nói như vậy”, “không nên làm như vậy”. Với những lỗi nặng, ông chỉ thị: “Dặn anh em nghiêm túc kiểm điểm, rút kinh nghiệm”. Tinh thần chiến đấu và

phẩm chất cách mạng của Bộ trưởng Nguyễn Duy Trinh luôn đi cùng với đức tính khiêm tốn và tình thương yêu đồng chí chân thành.

Nguồn:

1. Website Bộ Ngoại giao

2. Tham luận của đồng chí Vũ Khoan, Nguyên Bí thư Trung ương Đảng, nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ tại Hội thảo khoa học “Đồng chí Nguyễn Duy Trinh và sự nghiệp ngoại giao”.

ĐẠI TƯỚNG HOÀNG VĂN THÁI VĂN VÕ TOÀN DIỆN

Đại tướng Hoàng Văn Thái được đánh giá là một trong những vị tướng có ảnh hưởng quan trọng nhất trong việc hình thành và phát triển của Quân đội nhân dân Việt Nam, người có công lớn trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc chống chủ nghĩa thực dân.

Người cầm cờ trong buổi thành lập Đội

Hoàng Văn Thái (1915 - 1986) tên thật là Hoàng Văn Xiêm, quê quán tại làng An Khang, tổng Đại Hoàng (nay là xã Tây An), huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Từ nhỏ là một học sinh chăm chỉ, ham học, tốt nghiệp bằng tiểu học Pháp Việt loại ưu. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, năm 13 tuổi đã phải bỏ học đi làm thuê. Năm 1936, do tham gia các hoạt động bãi công chống lại chủ mỏ thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng), ông bị đuổi việc. Hoàng Văn Xiêm trở về quê và tích cực hoạt động trong phong trào Mặt trận Dân chủ. Tháng 3-1938, ông trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Tháng 9-1941, ông lấy bí danh là Quốc Bình, cùng với Hoàng Minh Thảo, Đàm Quang Trung, Vũ Lập được cử đi học tại trường Quân sự Liễu Châu (Trung Quốc).

Cuối tháng 10-1944, Hoàng Văn Xiêm về nước với bí danh mới: Hoàng Văn Thái.

Ngày 22-12-1944, Hoàng Văn Thái là một trong số 34 đội viên đầu tiên của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, được phân công phụ trách tình báo và kế hoạch tác chiến. Theo hồi ức của các đồng đội, ông là người cầm lá cờ trong buổi lễ thành lập đội. Trong trận đánh đồn Nà Ngần, ông cũng là người cầm lá cờ chiến thắng. Không chỉ Hoàng Văn Thái mà cả vợ ông cũng “có duyên” với lá cờ trong những ngày trọng đại. Bà Đàm Thị Loan (vợ của ông) là một trong hai người kéo lá cờ đỏ sao vàng trên kỳ đài trong buổi lễ Tuyên ngôn Độc lập thiêng liêng ngày 2-9-1945 ở Hà Nội.

Vị tướng tham mưu lỗi lạc

Ngày 7-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra chỉ thị thành lập Bộ Tham mưu và chỉ định Hoàng Văn Thái làm Tham mưu trưởng với những lời căn dặn: “... tổ chức, huấn luyện quân đội cho giỏi; tổ chức nắm địch, nắm ta rõ ràng, bày mưu kế khôn khéo; tổ chức chỉ huy thông suốt, bí mật, nhanh chóng, kịp thời, chính xác để đánh thắng mọi kẻ thù, bảo vệ cách mạng”. Vị Tổng Tham mưu trưởng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam khi đó mới 30 tuổi. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ tại Hà Nội, ông cùng với Tổng Chỉ huy Võ Nguyên Giáp hoàn thiện và phê duyệt kế hoạch tác chiến của Tư lệnh Mặt trận Hà Nội Vương Thừa Vũ. Cuộc chiến đấu kiên cường của quân, dân Hà Nội đã kìm giữ, tiêu hao quân Pháp trong thành phố hai tháng, để có thêm

thời gian chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài. Ngày 20-1-1948, Hoàng Văn Thái đã nhận quân hàm Thiếu tướng trong đợt phong quân hàm cấp tướng đầu tiên.

Ngày 26-11-1953, Thiếu tướng Hoàng Văn Thái dẫn đầu đoàn cán bộ tiền trạm Bộ Tư lệnh tiền phương lên đường đi Tây Bắc. Ông được bí mật cử làm Tham mưu trưởng Chiến dịch Điện Biên Phủ. Ngày 30-11, ông dừng lại nghiên cứu tập đoàn cứ điểm Nà Sản rất kiên cố của Pháp. Chính những nghiên cứu thực địa kỹ lưỡng này đã giúp ông có nhiều kinh nghiệm cho trận quyết chiến Điện Biên Phủ với công sự kiên cố của quân Pháp. Khi soạn kế hoạch tác chiến cho hai năm 1975 - 1976, Hoàng Văn Thái nhận định: “Dù bằng cách nào và bất cứ khi nào thời cơ chiến lược xuất hiện, bản kế hoạch yêu cầu các lực lượng phải ngay lập tức hành động và khai thác triệt để thời cơ, mở cuộc tấn công bằng mọi sức mạnh có thể có để giành toàn thắng trong thời gian ngắn nhất có thể được trước khi ‘đối phương có xu hướng can thiệp’, nghĩa là trước khi Hoa Kỳ và Trung Hoa kịp có phản ứng”. Lịch sử đã chứng minh những nhận định này hoàn toàn chính xác, thể hiện tầm nhìn của một vị tướng chiến lược tài ba.

Trong trận Tổng công kích mùa Xuân năm 1975, ông được phân công là Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng chi viện, Phó Tổng Tham mưu trưởng Thứ nhất. Trên thực tế ông đã đảm nhiệm vai trò Tổng Tham mưu trưởng lần thứ ba, thay cho tướng Văn Tiến Dũng bí mật vào Nam để trực tiếp chỉ huy chiến trường.

Tác giả bài hát “Phất cờ Nam tiến”

Một ngày cuối năm 1944, cùng thời gian với khi Bác Hồ quyết định thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân cũng là lúc Phong trào Nam Tiến được phát động rầm rộ trên căn cứ địa Việt Bắc. Bác Hồ gọi một số anh em trong đội cận vệ đến. Bác nói điều băn khoăn của Bác là cần gấp rút có một bài hát cho đoàn quân Nam Tiến chuẩn bị xuất phát. Bác nói ý tưởng của bài hát là hồn thiêng sông núi đang kêu gọi nhân dân miền Nam đang mong chờ. Từ giây phút đó Đại tướng Hoàng Văn Thái lúc nào cũng trăn trở suy nghĩ làm sao thực hiện được chỉ thị của Bác trong thời gian gần nhất. Đến một hôm được giao nhiệm vụ canh gác bảo vệ một phiên họp của Bác với Trung ương, Đại tướng Hoàng Văn Thái vừa gác, vừa suy nghĩ để sáng tác bài hát, cấu tứ của bài hát đã có trong đầu Đại tướng sau lần gác đêm đó.

Ngay ngày hôm sau Đại tướng Hoàng Văn Thái xin gặp Bác để báo cáo kết quả sáng tác của mình. Bác tập trung nghe và yêu cầu hát lại hai lần. Nghe xong Bác khen ý tưởng của bài hát là tốt, lời ca giản dị, dễ hát, dễ nhớ. Bác nói “chú phải hát lần nào cũng đúng như một điệu hôm nay chú hát cho Bác nghe thì mới có thể phổ biến cho mọi người khác học và hát được đúng”. Sau đó Đại tướng Hoàng Văn Thái hát đi hát lại nhiều lần và tự bổ sung sửa chữa cho đến hoàn chỉnh. Khi được hát lại lần cuối cùng cho Bác nghe Bác đồng ý cho phép phổ biến tới các đơn vị chuẩn bị Nam Tiến. Những đơn vị được học bài hát này rất phấn khởi. Bà con trong căn cứ địa được nghe các đơn vị Nam Tiến hát bài này nô nức đăng ký tòng quân chiến đấu.

Cờ giải phóng phất cao Nam Tiến
 Trời phương Nam dân chúng đang chờ ta
 Cờ Giải phóng dân chúng đang mong chờ
 Sông Mê Kông reo hò
 Kia đang đón chờ
 Núi Trường Sơn vườn mình
 Giục quân ta mau tiến bước dâng cờ khởi nghĩa
 Cờ khởi nghĩa trên đài Thăng Long, kinh thành Huế,
 trên Sài Gòn, mũi Cà Mau.
 Tiến bước mau, quân giải phóng
 Hướng phía Nam, quân giải phóng, diệt cho tan quân
 đế quốc Nhật Pháp
 Hướng phía Nam, quân giải phóng, diệt cho tan quân
 đế quốc Nhật Pháp
 Quyết đem máu đào ta xây dựng lấy non sông.

Hơn 45 năm gắn bó với từng bước trưởng thành của
 Quân đội nhân dân Việt Nam, đi qua hai cuộc kháng chiến,
 tham gia chỉ huy 15 chiến dịch lớn, Đại tướng Hoàng Văn
 Thái luôn được Đảng, Nhà nước, Quân đội nhân dân Việt
 Nam đánh giá cao những đóng góp to lớn của ông.

Nguồn:

1. Hoàng Văn Thái - Văn võ toàn diện,
tác giả Tiến sĩ Ngô Vương Anh
2. Website Đại Đoàn Kết.

SOẠN GIẢ MỊCH QUANG DÀNH CẢ CUỘC ĐỜI CHO NGHỆ THUẬT TUỒNG

Nhà nghiên cứu, soạn giả Mịch Quang tên thật là Nguyễn Thế Khoán, sinh năm 1917 tại làng Phụng Sơn, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định trong một gia đình nho học. Thuở nhỏ, ông học tại Quy Nhơn đến khi thi đỗ thành chung, không có tiền học tiếp tú tài phải về đi dạy trường tư thực ở An Thái huyện An Nhơn, một vùng có nhiều kếp có tiếng. Mịch Quang có dịp thường xuyên trao đổi về Hát Bội. Sau đó, ông ra Huế làm gia sư để học tú tài, học nhạc Huế, rồi đi làm bưu điện, hoạt động tài tử về ca hát mới và cải lương. Năm 1944, thành lập Đội Cải Lương tài tử Ninh Hòa (Khánh Hòa). Cách mạng Tháng Tám bùng nổ, ông được cử làm Chủ tịch Ủy ban Văn hóa cứu quốc huyện, sau về quê Bình Định hoạt động Hát Bội, làm thơ, tham gia Thường vụ Hội Văn nghệ Bình Định. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, lúc đầu làm biên tập viên Chuyên mục “Vốn cổ Văn học” của Đài Tiếng nói Việt Nam. Thời kỳ này ông có làm thơ, viết truyện ngắn, tùy bút. Năm 1959, ông được mời về Ban Nghiên cứu Tuồng, trường Sân Khấu. Từ đây ông chuyên hẳn về nghiên cứu, sáng tác Hát Bội. Ông

là một trong những nhà nghiên cứu và tác giả tuồng hàng đầu Việt Nam, đã được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật. Những người thân gọi ông với cái tên trìu mến “Lão tướng”, những người biết ông coi ông là lá cờ đầu trong giới âm nhạc cổ truyền dân tộc. Gần tròn một thế kỷ, ông luôn sống ngay thẳng, giản dị và dành cả cuộc đời tâm huyết với nghệ thuật truyền thống Việt Nam, đặc biệt là với nghệ thuật Tuồng.

Ở cái tuổi xưa nay rất hiếm của ông, người ta vẫn còn thấy cái dáng vẻ tinh anh, không bị lú lẫn cùng với tháng năm thời gian, ông vẫn đau đầu với “kho báu” nghệ thuật của cha ông, vẫn song hành cùng sự trường tồn của nghệ thuật dân tộc, vẫn miệt mài tâm huyết, không ngừng học tập, vẫn còn có thể viết ra những tác phẩm rất có giá trị.

Người học trò trung thành của Bác Hồ

Nhà nghiên cứu Mịch Quang kể lại: “Những năm 60 của thế kỷ XX, ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa, các ngành nghệ thuật dân tộc cổ truyền đang đứng trước con đường kế thừa tinh hoa dân tộc và tiếp thu tinh hoa thế giới. Mấy lần gặp anh em chúng tôi, nghệ nhân và cán bộ nghiên cứu trong dịp Tết Nguyên đán, Bác Hồ kính yêu thường dặn phải giữ gìn cái hay, cái đẹp của nghệ thuật dân tộc, nhưng đừng giậm chân tại chỗ”.

Trong lúc đó, có không ít nhà nghiên cứu lấy các tiêu chuẩn nghệ thuật của phương Tây để nhìn nhận nghệ thuật dân tộc, thậm chí áp dụng các hình thức của nó vào nghệ thuật dân tộc dẫn đến võ đoán, không hiệu quả, nhưng nhà

nghiên cứu Mịch Quang vẫn kiên trì đi theo con đường đi sâu vào nghiên cứu sự phát triển nội tại của nghệ thuật dân tộc, phát hiện ra quy luật hình thành và phát triển cùng với bản sắc độc đáo của nó, vẫn miệt mài bền bỉ làm theo lời dạy của Bác Hồ: “Nghệ thuật Việt Nam hay lắm, các cháu ráng nghiên cứu, đừng để những tiêu chuẩn này nọ của nghệ thuật phương Tây trói buộc khiến ta không thấy hết được cái hay, cái đẹp của nghệ thuật dân tộc ta”. Vốn là tác giả của nhiều vở diễn: Má Tám (Đoàn tuồng Bắc), Hộp truyền đơn (Đoàn tuồng Liên khu 5), Áo vải cờ đào (Đoàn tuồng Bình Định)... và nổi bật là vở Thanh Gươm hát bội do Giáo sư Hoàng Chương đạo diễn (Nhà hát tuồng Khánh Hòa), tiết mục được Huy chương vàng Hội diễn sân khấu toàn quốc, chính vì vậy mà ông rất am hiểu nghệ thuật truyền thống là một tổng thể những hình thức nghệ thuật như âm nhạc, múa, mỹ thuật, diễn xuất... Chính vì thực tiễn phong phú khi xây dựng các vở đã giúp ông thấu hiểu những nét riêng độc đáo của nghệ thuật dân tộc, mọi sự gán ghép, áp đặt từ bên ngoài sẽ trở nên vô nghĩa. Thực tiễn hoạt động nghệ thuật dân tộc ngày càng minh chứng những luận điểm của ông đưa ra trong các công trình nghiên cứu có sức thuyết phục. Các công trình nghiên cứu của ông: Âm nhạc và sân khấu hát kịch dân tộc được Giải thưởng Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam năm 1995, Đặc trưng nghệ thuật tuồng được Giải thưởng Ủy ban Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam năm 1996. Hơn 80 tiểu luận đăng trên tạp chí đã góp một tiếng nói rất quan trọng vào việc định hướng nghiên cứu và sáng tác nghệ thuật dân tộc, khẳng định muốn phát

triển nghệ thuật dân tộc phải đứng vững trên cái nền truyền thống, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa nghệ thuật thế giới.

Ông Mịch Quang có cái cốt cách, hồn khí của người luôn sống ngay thẳng, chân thật, cả một đời không màng danh lợi, chỉ mãi đeo đuổi với nghệ thuật truyền thống của dân tộc. Người “lão tướng” ấy luôn là lá cờ đầu cho việc bảo tồn các giá trị truyền thống trong âm nhạc Việt Nam, tôn vinh các giá trị của cha ông để lại đặc biệt là trong nghệ thuật Tuồng. Nhắc đến Mịch Quang, người ta nhớ ngay tới ông là một kho kiến thức sâu rộng về văn hóa, sân khấu âm nhạc Đông - Tây, hiểu biết về Tuồng từ cái nôi nghệ thuật Tuồng Bình Định. Từ thuở thiếu thời, ông Mịch Quang đã được đắm mình trong những làn điệu Tuồng Tuy Phước - quê hương của hậu tổ tuồng Đào Tấn, nên ông đã được nghe tuồng ngay từ khi còn nhỏ và nó ăn sâu vào máu của ông bởi những giai điệu, ca từ luyến láy, mộc mạc, dễ đi sâu vào lòng người.

98 năm, với biết bao xoay vần của lịch sử, từ những ngày đầu chàng thanh niên Bình Định ấy còn hát trong đội văn nghệ phục vụ bộ đội, nhân dân trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ tới ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, ông vẫn luôn giữ cho mình khí tiết của người lính Cụ Hồ trong thời bình. Cái đáng trọng nhất của ông là sự ham học hỏi không ngừng, ông còn tự phong cho mình là “lão học sinh” trong bài thơ khai bút xuân Tân Tỵ năm 2001: *Tám mươi lăm tuổi ta tự phong/ Hàm lão học sinh có được không/ Học mãi học hoài còn thấy dốt/ Viết rồi viết nữa vẫn chưa xong...* Mịch Quang là người học trò trung thành

và xuất sắc của Bác Hồ trong lĩnh vực nghệ thuật dân tộc. Chính nhờ việc kiên trì theo đuổi học tập và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong suốt hơn 65 năm qua, nhà nghiên cứu, soạn giả Mịch Quang đã đạt được những thành tựu sáng tạo đáng tự hào, góp phần xây dựng nền móng vững chắc của nghệ thuật dân tộc, trở thành một lão tướng uy phong và rất được yêu mến, tin cậy, một cây đại thụ tỏa bóng trên con đường bảo tồn và phát huy nghệ thuật dân tộc của nhiều thế hệ người Việt Nam.

Một nhà khoa học không màng danh vị

Trong Hội thảo về nhà nghiên cứu, soạn giả Mịch Quang được Trung tâm Nghiên cứu bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc tổ chức nhân kỷ niệm 95 năm Ngày sinh của ông vào giữa năm 2011, với hơn hai mươi bản tham luận là những tâm tư, kỷ niệm, lòng yêu mến, sự tri ân của những người bạn, người anh em, những người học trò viết về ông - một cây đại thụ của nghệ thuật Tuồng và âm nhạc truyền thống dân tộc.

Trong tham luận của mình, Giáo sư Trần Bảng nói rằng: “Việc bảo tồn và phát triển nghệ thuật sân khấu truyền thống là một mặt trận đấu tranh kiên quyết trước sự tấn công dữ dội của văn hóa phương Tây trong thế kỷ XX trên các sân khấu Việt Nam. Trong mặt trận đấu tranh đầy cam go đó thì nhà biên kịch, soạn giả Mịch Quang là người quyết liệt, sôi nổi nhất trong việc bảo vệ nghệ thuật Chèo, Tuồng của dân tộc”, và đề xuất đưa các môn nghệ thuật sân khấu dân tộc vào trong nhà trường để những cố gắng không biết

mệt mỏi của các thế hệ cha anh như ông Mịch Quang không uống phí.

Anh hùng lao động, giáo sư Vũ Khiêu xem ông Mịch Quang giống như một người bạn thân thiết suốt nhiều năm gần bó trong tìm hiểu về nghệ thuật sân khấu qua những nghiên cứu lý luận và những kịch bản sân khấu như “Âm nhạc và sân khấu dân tộc, Kinh dịch và nghệ thuật truyền thống” của ông. Trong các đề tài nghiên cứu của mình, ông Mịch Quang đã vận dụng rất sáng tạo các phương pháp luận về kinh dịch để chọn lọc, nâng cao nhằm giải quyết các vấn đề ông thể của nghệ thuật truyền thống, những đặc trưng trong phương pháp diễn đạt nghệ thuật cho tới mọi lĩnh vực nghệ thuật, âm nhạc...

Cả cuộc đời rong ruổi theo những gánh hát bội, các làn điệu tuồng, chèo,... ông đã rút ra được rất nhiều nhận định hay, mới, lạ và có tính khoa học thực tiễn cao. Nguyên tắc “Cấu trúc Động - Mở trong âm nhạc Việt Nam” và “Cấu trúc Tĩnh - Đóng trong âm nhạc phương Tây” là minh chứng sống động cho những cố gắng tìm tòi không ngừng và một cái nhìn mang tầm quốc tế của Lão tướng Mịch Quang. Chính nhờ đó, những người xưa nay còn lơ mơ về âm nhạc truyền thống Việt Nam đã có chiếc “chìa khóa” mở toang cánh cửa tri thức âm nhạc truyền thống của Việt Nam. Nhiều giáo sư đầu ngành trên thế giới về Dân tộc nhạc học đều áp dụng nguyên lý này của ông vào những bài giảng cho sinh viên quốc tế.

Trong vòng 25 năm trở lại đây, nhà nghiên cứu, soạn

giả Mịch Quang đã liên tiếp cho công bố nhiều công trình nghiên cứu quan trọng về nghệ thuật tuồng và âm nhạc truyền thống dân tộc như: “Đặc trưng về nghệ thuật Tuồng”, “Âm nhạc và sân khấu kịch hát dân tộc”, “Kinh dịch và nghệ thuật truyền thống”, “Khơi nguồn mỹ học dân tộc” và rất nhiều các sáng tác thành công về đề tài lịch sử ở nghệ thuật tuồng như “Thanh gươm hát bội”, “Giấc mơ hồ hoa”, “Bà mẹ làng Sen”, “Tên sát nhân và nhà tu hành”, “Kịch bản và Hồi ký”, “Má Tám”...

Đến nay, ở cái tuổi “xưa nay hiếm”, giữa cuộc đời đầy biến động ông vẫn lặng lẽ với nghệ thuật truyền thống dân tộc, hầu như không màng danh lợi, vẫn lặng lẽ đi về giữa Nam và Bắc, không danh vị, danh hiệu, không học hàm học vị,... với cốt cách của một người làm khoa học chân chính. Trước những công lao đóng góp to lớn của ông, Đảng và Nhà nước đã trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất, giải thưởng về Văn học nghệ thuật và giải thưởng Đào Tấn cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

Nguồn:

- 1. Tạp chí Tuyên giáo*
- 2. Website bách khoa tri thức Việt Nam.*

ĐỒNG SĨ NGUYÊN VỊ TƯỚNG HUYỀN THOẠI

Trong các danh tướng của quân đội ta thời chống Mỹ, Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên là vị tướng huyền thoại. Gần 10 năm làm Tư lệnh Binh đoàn 559, ông đã cùng nhiều vị tướng lấy lòng khác như Đinh Đức Thiện, Phan Trọng Tuệ, Đặng Tính, Phan Khắc Hy... đóng góp to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Mọi lực lượng đường Trường Sơn đều là anh hùng

Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên, Tư lệnh Binh đoàn Trường Sơn, đơn vị xây dựng Đường mòn Hồ Chí Minh, khẳng định rằng: Mọi lực lượng chiến đấu trên tuyến đường mòn đều xứng đáng là anh hùng, góp phần đưa con đường vận tải chiến lược này thành một trong những yếu tố quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ thống nhất đất nước.

Trong thời gian tướng Đồng Sĩ Nguyên làm Tư lệnh Binh đoàn Trường Sơn (Đoàn 559), đường Trường Sơn từ một con đường mòn nhỏ trở thành một tuyến giao thông - vận tải chiến lược với cả hệ thống đường được mệnh danh là “trận đồ bát quái xuyên rừng rậm”. Con đường này lúc cao

điểm có hơn 12 vạn binh sĩ, trong đó có hơn một vạn là lực lượng Thanh niên xung phong, phiên chế thành 8 sư đoàn và một sư đoàn cao xạ tên lửa phối thuộc.

Đường Trường Sơn không còn những con đường đơn lẻ, mà phát triển thành một hệ thống đường vận tải phức tạp với hơn 16.700 km đường bộ, trong đó có hơn 800 km đường kín, 1.500 km đường rải đá, 200 km đường nhựa. Bên cạnh đó còn có 1.500 km đường ống dẫn xăng dầu, 1.350 km đường dây cáp thông tin, 3.800 km đường giao liên, 500 km đường sông.

Theo Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên, mọi lực lượng trên tuyến đường Trường Sơn đều xứng danh anh hùng, bộ đội vận tải ô tô, được đưa vào Trường Sơn từ năm 1965, với truyền thống “Gan vàng dạ ngọc”, đã tạo được sự mến mộ, ưu ái hết mực của các binh chủng anh em. Trên cơ sở xác định nhiệm vụ vận tải là trung tâm, chúng ta đã không ngừng tạo mọi điều kiện để phát triển nhanh lực lượng và thực hiện vận tải từ quy mô đại đội, tiểu đoàn lên trung đoàn, sư đoàn xe. Bộ đội vận tải đã thật sự trở thành một binh chủng chủ lực của bộ đội hợp thành trên tuyến chi viện chiến lược Trường Sơn.

Bằng nỗ lực cao độ của mình, cán bộ và chiến sĩ bộ đội vận tải Trường Sơn đã góp phần to lớn thực hiện một sáng tạo trong nghệ thuật quân sự - cơ giới hóa bộ binh, tạo nên khả năng cơ động cao, sức đột kích mạnh của các binh đoàn chủ lực, nhanh chóng đè bẹp những cuộc tấn công của kẻ thù, giành toàn thắng trong trận quyết chiến chiến lược cuối cùng - Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Tướng Đồng Sĩ Nguyên cho rằng, vấn đề cơ giới hóa bộ binh là một trong những nội dung có tính quy luật trong tổ chức lực lượng vũ trang theo yêu cầu tác chiến hiện đại. Quân đội ta cũng không nằm ngoài quy luật đó. Tuy nhiên, vận dụng quy luật đó vào điều kiện Việt Nam như thế nào lại thuộc về tài nghệ của Đảng ta. Điều hết sức lý thú, tuyệt vời đối với bộ đội vận tải ô tô Trường Sơn là: Từ vận chuyển vật chất phục vụ chiến đấu - tiến lên cơ động các binh đoàn chủ lực thần tốc vượt chặng đường hàng nghìn cây số vào tham gia chiến dịch và cao trào là giai đoạn cuối - khi tình huống xuất hiện, đã chuyển thành lực lượng cơ động bộ binh chiến đấu, tiến công vào sào huyệt của kẻ thù.

Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên bồi hồi nhớ lại giây phút lịch sử: Đúng 11h 30 ngày 30-4-1975, Trung đoàn bộ binh 66, Lữ đoàn 203 xe tăng tiến công làm chủ Dinh Độc Lập. Tổng thống Dương Văn Minh cùng hầu hết những nhân vật chủ chốt nội các Chính quyền Sài Gòn đầu hàng vô điều kiện. Điện từ Bộ Tư lệnh chiến dịch, điện từ Bộ Tư lệnh Trường Sơn báo về rừng Trường Sơn. Radio lớn bé bật hết cỡ, truyền đi bản tuyên bố đầu hàng không điều kiện của Dương Văn Minh... Tin vui dồn nén đến nghẹt thở!

Vào giờ phút vô cùng thiêng liêng ấy, Tướng Đồng Sĩ Nguyên thấy trong tâm trí ông hiển hiện bóng dáng đoàn “Tuần mã Trường Sơn”, những người lính Trường Sơn làn da dãi dầu nắng gió, quân phục nhuốm đỏ bụi đường chở quân tiến công dũng mãnh, cùng lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 2 làm chủ Dinh Độc Lập, hàng ổ cuối cùng của địch.

“Là một người lính Trường Sơn, tôi thật sự xúc động, tự hào bởi bộ đội Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh đã góp sức lực, trí tuệ, máu xương cùng toàn dân tộc thực hiện được ước nguyện nung nấu: Mở những con đường, đưa những đoàn quân tiến về cùng với nhân dân nổi dậy giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đường Hồ Chí Minh - đường Trường Sơn đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử là một chiến trường tổng hợp và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chi viện chiến lược cho chiến trường miền Nam và chiến trường nước bạn”, Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên nói.

Theo vị Tư lệnh Binh đoàn Trường Sơn năm xưa, quyết định xây dựng tuyến chi viện chiến lược Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh là một sáng tạo chiến lược kiệt xuất của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Từ những lối mòn xuyên rừng rậm, men theo lưng núi, bờ khe, quân và dân ta, trực tiếp là những người lính Trường Sơn, nam nữ thanh niên xung phong, công nhân giao thông... đã phát triển thành một tuyến vận tải quân sự chiến lược, một chiến trường trọng yếu, một căn cứ chiến lược của các chiến trường Nam Đông Dương.

Suốt 16 năm, Trường Sơn đã trở thành nơi đối đầu giữa ý chí gang thép, lòng quả cảm, trí tuệ của con người Việt Nam với đạn bom - sản phẩm của nền công nghiệp quân sự phi nhân tính. Chỉ tính tròn 10 năm, kể từ khi ta tổ chức vận tải cơ giới trên Trường Sơn, Mỹ đã huy động 733.000 lần máy bay đánh phá tuyến vận tải 152.000 tấn; ném xuống các tuyến đường gần 4 triệu tấn bom đạn, vượt

xa số bom đạn mà phát xít sử dụng trong đại chiến thế giới lần thứ hai.

Suốt 16 năm không một ngày ngưng nghỉ, mặc đạn chặn, bom vùi, mặc nắng núi mưa ngàn... 16 năm, toàn tuyến đã chuyển được hơn một triệu tấn vật chất, vũ khí vào các chiến trường, bảo đảm nhiệm vụ hành quân cho hơn hai triệu lượt người vào chiến trường hoặc từ chiến trường ra Bắc; vận chuyển cơ động 10 lượt sư đoàn, ba quân đoàn, hộ tống 90 đơn vị binh chủng kỹ thuật vào chiến trường...

Trên tuyến đường này, hơn hai vạn cán bộ, chiến sĩ, thanh niên xung phong, công nhân giao thông, dân công hỏa tuyến đã anh dũng hy sinh; hơn hai vạn người bị thương và biết bao người bị nhiễm chất độc hóa học; khoảng 14.500 lần xe các loại, hơn 700 lần súng pháo bị hư hỏng; hơn 90.000 tấn hàng hóa bị đánh cháy...

Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên xúc động bày tỏ: “Đất nước muôn đời khắc ghi những đóng góp lớn lao, hy sinh vô bờ bến của những người con đã chiến đấu trên tuyến chi viện chiến lược Trường Sơn trong những năm chiến tranh. Và vẫn có một khoảng yên lặng đến không cùng - khoảng lặng dành cho những đồng chí, đồng đội, bạn bè vĩnh viễn nằm lại với cánh rừng, con suối, đất trời Trường Sơn”.

Kỳ tích đường Hồ Chí Minh

Sách “Đại thắng mùa xuân” của Đại tướng Văn Tiến Dũng viết, năm 1975, khi đi chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh: “Máy bay xuống sân bay Đồng Hới (Quảng

Bình), đồng chí Trung tướng Đồng Sĩ Nguyên (lúc ấy 52 tuổi, ông sinh năm 1923) cùng một đoàn xe của Bộ Tư lệnh 559 từ Quảng Trị ra, đã chờ, đón chúng tôi ở sân bay"... "Tới sông Bến Hải, chúng tôi xuống thuyền gấn máy chạy ngược sông... Xế chiều, đổ bộ lên một bến phía Nam sông, đi vào Sở Chỉ huy Bộ Tư lệnh 559, ở phía Tây Gio Linh... các đồng chí Đinh Đức Thiện, Đồng Sĩ Nguyên báo cáo tình hình chuẩn bị của hậu cần, cho biết đã đưa vào mặt trận đầy đủ mọi thứ phục vụ chiến đấu và đề nghị đã đánh là đánh lớn, cần bao nhiêu gạo, đạn, xăng và xe chở quân, cũng có đủ..."

Trời! Từ một con đường "sinh ra giữa tiếng gào thét xé trời đêm sâu nhà tù Phú Lợi và tiếng hò vang Đồng Khởi (1959 - 1960)... Từ buổi vạch lá tìm đường, nộp thuế máu cho vắt" (Thép Mới), nộp màu da trai cho sốt rét rừng... cho đến khi "cần bao nhiêu gạo, đạn, xăng và xe chở quân, cũng có đủ" là 15 năm! 15 năm để biến vai vác, lưng gù và xe thô thời dân công Điện Biên Phủ thành ra "Đường mòn Hồ Chí Minh" cơ giới, thành ra "Trận đồ bát quái xuyên rừng rậm", thành ra đường ống xăng dẫn vào tận Đông Nam Bộ, thành ra "Xương sống của cuộc chống Mỹ", thì đó là một kỳ tích lịch sử có một không hai, không chỉ ở Việt Nam mà còn trên toàn thế giới.

Thấp thoáng cái tên, dáng người cao lớn, ông Đồng Sĩ Nguyên ở trong kỳ tích đó. Phải, ông Nguyên, ông Võ Bẩm, ông Đặng Tính, ông Phan Khắc Hy, ông Đinh Đức Thiện, ông Phan Trọng Tuệ... thấp thoáng giữa trùng trùng rừng núi, trùng trùng bộ đội và thanh niên xung phong, trùng

trùng đồng bào các dân tộc Đông - Tây Trường Sơn thời chống Mỹ.

Thấp thoáng, vì các ông gần như lẫn vào trong họ, dù các ông là những người chỉ huy Mặt trận Trường Sơn chống Mỹ mà ông Đồng Sĩ Nguyên là Tư lệnh lâu nhất, chính danh, cho đến cả sau ngày toàn thắng (1967 - 1976).

Các ông lẫn vào quân số Trường Sơn, lúc cao nhất là 12 vạn người, trong đó có hơn một vạn thanh niên xung phong, phiên chế thành 8 sư đoàn hỗn hợp và một sư đoàn phòng không với pháo cao xạ và tên lửa.

Khi ông Nguyên vào tiếp nhận cương vị Tư lệnh Trường Sơn (1967), mới chỉ có 5 tiểu đoàn xe với 750 xe, chia thành 4 binh trạm. Thế mà, đến đầu năm 1975, khi mà ông Nguyên có thể nói với Bộ Chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh: “Cần bao nhiêu gạo, đạn, xăng và xe chở quân, cũng có đủ”, thì chỉ riêng vận tải cơ giới, Trường Sơn đã có 2 sư đoàn với trên 10.000 xe!

Hóa ra, từ đầu tháng 7-1967, chỉ 2 ngày trước khi Đại tướng Nguyễn Chí Thanh mất và ông Nguyên vừa nhận nhiệm vụ, ông đã nói với ông Thanh: “... Chiến trường chúng tôi (Trường Sơn), muốn làm được nhiệm vụ chủ yếu là vận tải chi viện cho các chiến trường, trước hết phải thực hiện cuộc chiến đấu kép: Vừa phải có binh chủng hợp thành đủ sức chống lại cuộc chiến tranh ngăn chặn do không quân và bộ binh Mỹ - ngụy thực hiện, vừa phải đủ sức phối hợp giúp quân dân Trung - Hạ Lào chống được cuộc chiến tranh xâm lược do Mỹ điều khiển đánh vào Trung - Hạ Lào...”.

Thế là, để các chiến trường, chiến dịch cả Đông Dương cần cái gì và cần bao nhiêu cũng có, “Công binh và thanh niên xung phong ông Nguyên”, dưới mưa bom bão đạn, trong mưa nắng rừng nhiệt đới, phải duy trì, nâng cấp, mở rộng để cả một tuyến đường ngày càng vĩ đại. “Cao xạ ông Nguyên” phải thắng trong cuộc chiến trên trời với không quân địch. “Bộ binh ông Nguyên” phải cùng với quân dân Trung - Hạ Lào giữ và mở rộng vùng giải phóng, làm thất bại mọi cuộc đột kích, mọi chiến dịch mà Mỹ và các loại nguy Đông Dương nhằm vào tuyến đường, tức là chuyển hoàn toàn nguyên tắc hoạt động: Từ phòng tránh là chính, sang chủ động phản công mà đi. Có ở đâu trên thế gian này, một tuyến đường, lại là cả một mặt trận, một chiến trường như vậy? Con “đường mòn” vĩ đại ấy, cuối cùng có tới 14 tuyến với 20.000km đường bộ với 800km đường kín, 1.500km đường rải đá, 200km đường nhựa, 1.500km đường ống xăng dầu, 1.350km cáp thông tin, 3.800km đường giao liên, 500km đường sông.

Đoàn 559, về cơ bản có các binh trạm (mỗi binh trạm tương đương cấp trung đoàn): Ở Làng Ho, Quảng Bình; Hướng Hóa, Quảng Trị; Khăm Muội - Trung Lào; Bắc Đường 9; Tha Mé - Tà Khống, Xavanakhet, Trung Lào; A Luối, Thừa Thiên... Thượng tá Bùi Xuân Ngật, 8 năm sống và chiến đấu tại Binh trạm 27 (Trợ lý tác chiến Tiểu đoàn Cao xạ 35), kể: “Binh trạm 27 chuyên đường sông. Từ đây, xăng thì để cả phuy (khi chưa xong đường ống xăng dầu), gạo (là chính) và thực phẩm... bọc trong 3 lớp túi nylon, được thả trôi theo sông Xêbănghiêng, vào đến

tận Sông Bạc (Xêpôn). Người ta phải làm “ray” (bằng tre luồng) song song với dòng chảy để hàng không dạt vào bờ. Ở những chỗ nước quẩn, lính ta cắm sào đẩy tiếp. Không phải địch không biết! OV-10 soi thấy hàng, gọi F4 thả bom các bãi hàng nổi trên sông Xêbănghiêng. Nhiều khi hàng vỡ, lính ta lội xuống vớt, gạo ngập ngang lưng! Gạo vớt lên, bị ướt, các đơn vị tại chỗ dùng. Còn lại, đẩy ra trôi tiếp! Nên nhớ, ngày ấy ở miền Bắc, dân ta còn đói ăn, nhưng vì thắng lợi, “Tất cả cho tiền tuyến”, mọi thứ hàng, 559 phải đưa bằng được về Nam”.

Cứ thế, ông Nguyễn và quân tướng của ông làm ra, băng bó, mở rộng hệ thống huyết mạch Trường Sơn cho đến ngày toàn thắng!

(...)

Các chiến dịch chiến thắng lớn sau đó (Mậu Thân 1968, Đường 9 - Nam Lào 1971, Đông Hà - Quảng Trị 1972, Phước Long - Lộc Ninh 1974 và đặc biệt, Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc 1975) đã chứng minh tầm nhìn, tài thao lược, tài tổ chức - chỉ huy của ông Nguyễn và các đồng chí của mình trong việc thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương. Nó cũng chứng tỏ, vị Tổng Tư lệnh - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, người “Anh cả” của quân đội ngày ấy - Đại tướng Võ Nguyên Giáp - đã không chọn nhầm người.

Để hoàn thành nhiệm vụ vĩ đại ấy, hai vạn “quân ông Nguyễn” đã vĩnh viễn nằm lại bên đường - trên đường. Ba vạn “quân ông Nguyễn” vĩnh viễn mang thương tật. Còn

bao người âm ỉ nhiễm chất độc da cam sau này nữa, không ai tin hết được.

Bù lại, “Đường mòn Hồ Chí Minh (tên người Mỹ và đồng minh gọi tuyến đường vận tải chiến lược Trường Sơn) không chỉ là con đường tiếp tế. Nó còn là biểu tượng của cả cuộc chiến tranh Việt Nam. Nó là bàn tay bí mật chỉ đạo cuộc chiến tranh... Đây là người mẹ trong gia đình, giấu mặt đi để các con được tuyên dương... Không có nó, chiến tranh (mà Mỹ tiến hành) đã có thể kết thúc... Con đường ấy có sức sống mãnh liệt vì nó tượng trưng cho sức chiến đấu của cả dân tộc... Đó là con đường ra tiền tuyến, con đường huyết mạch nối hậu phương lớn với tiền tuyến lớn” (Van Geirt - 1971). “Thành tích của Annibal (viên tướng vượt Alpes sang Ý từ Châu Phi), với những con voi vượt qua dãy Alpes, Bonaparte cho chuyển trọng pháo của mình qua đèo Saint Beruard đã bị vượt quá xa, vì lần này do cả một dân tộc tiến hành... Tất cả đều tham gia: xe hỏa, ô tô vận tải, ca nô, phà, tàu thủy, thuyền, bè mảng, xe cút kít, xe đạp thổ tới 300kg; và còn sử dụng đến lưng con người nữa, không kể nam hoặc nữ” (Jacques C.Despuch - 1973)...

Đó là một số dòng do các học giả, ký giả phương Tây viết về Đường Trường Sơn - Mặt trận Trường Sơn - Chiến trường Trường Sơn - Đoàn vận tải quân sự 559.

Đọc dòng nào, từ năm 1967, tôi cũng thấy thấp thoáng bóng dáng cao lớn, thâm trầm của ông Nguyễn. Đánh giá cao công lao và tài đức của ông, năm 1974, ông được Nhà nước ta phong quân hàm vượt cấp, từ Đại tá lên Trung tướng.

Nếu như ở phần trên, ta đã thấy Van Geirt ví tuyến đường “là người mẹ trong gia đình, giấu mặt đi để các con được tuyên dương”, thì hình như ở đó cũng thấp thoáng tính cách người Tư lệnh lâu nhất của nó. Ông cùng Bộ Tư lệnh của mình, bộ đội, thanh niên xung phong của mình, lặng lẽ làm nhiệm vụ; lặng lẽ và bền bỉ đổ mồ hôi, tâm trí, xương máu, nhiệt huyết cho tuyến đường, cho ngày toàn thắng.

Sau này, có một chuyện riêng cảm động mà tôi biết, cũng mang đậm tư chất của cách ông: Vào năm học 1977 - 1978, tôi, lúc đó đang là giáo viên của Trường Văn hóa Bộ Quốc phòng, đóng ở thị xã Lạng Sơn, được gặp và kết bạn với một người con trai của ông. Anh ấy tên là Quân, rất đẹp trai, cao lớn. Quân lên trường học thêm ngoại ngữ, chuẩn bị ra nước ngoài học trung - cao pháo binh. Rồi kế hoạch ấy bất thành! Biên giới phía bắc rập rình bóng giặc, trường tôi chuyển về Ứng Hòa, Hà Tây cũ. Quân trở về đơn vị và người thiếu úy pháo binh ấy cùng đại đội của mình đóng ở ngay Pháo đài Đồng Đăng. Sáng sớm ngày 17-2-1979, giặc lén lút tràn qua biên giới. Đại đội pháo binh của Quân bị đánh úp từ phía sau lưng bởi chiến thuật “sóng người” bành trướng và không một ai sống sót! Nhiều người thương ông, thương Quân, nói rằng, với cương vị của mình, ông đã hoàn toàn có thể đưa con trai về phía sau, cho an toàn. Ông Nguyễn đã không làm thế.

Sau này, nhà thơ Phạm Tiến Duật kể lại, những lần đến thăm Tư lệnh cũ tại nhà riêng, anh để ý mãi mới biết, ông lặng lẽ treo bức ảnh người con trai đã hy sinh của mình trong...

phòng ngủ. Lúc ấy ông đã là Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Ban ngày, sau những lo toan việc non sông, đêm đến, trong phòng ngủ, ông lại lặng lẽ ngắm nhìn và thương nhớ đứa con yêu. Nói đến Phạm Tiến Duật, không thể không nhắc đến lời ông Nguyễn: “Ngay khi đọc thơ Phạm Tiến Duật, tôi đã biết, đây là một nhà thơ lớn, rất lớn...”. Ông Nguyễn là Tư lệnh của anh Duật ở Trường Sơn. Ông và lính của ông, ai không đọc và thuộc thơ anh Duật? Ông từng nói, “Thơ Duật có sức mạnh bằng nhiều tiểu đoàn vận tải”.

Ông không có thói quen dài dòng. Xuất hiện ở đâu cũng thấp thoáng. Thế thôi, nhưng chưa bao giờ ông bị khuất lấp sau những thứ tầm thường. Bóng ông thấp thoáng sau những giá trị lớn lao, cao đẹp.

Sau này, khi đọc Đại lộ Hồ Chí Minh đã có nhiều đô thị, tôi nghĩ, nên có những con đường - con phố mang tên Đồng Sĩ Nguyên, Đặng Tính, Phan Trọng Tuệ, Đinh Đức Thiện, Phan Khắc Hy, Phạm Tiến Duật và bao anh hùng, liệt sĩ (cá nhân và tập thể) của Trường Sơn chống Mỹ - Đường bộ đội, đường Thanh niên xung phong, đường đồng bào các dân tộc Đông, Tây Trường Sơn...

Phải! “Uống nước nhớ nguồn” là đạo lý dân mình, phải mãi mãi nhớ những hào kiệt trong thời đại ấy!

HẠ CHINH, tổng hợp

Nguồn:

1. Báo Năng lượng mới.
2. Cổng thông tin điện tử Chính phủ.

TƯỚNG CẢNH VỆ PHAN VĂN XOÀN NHỮNG KÝ ỨC KHÔNG THỂ NÀO QUÊN

Thiếu tướng Phan Văn Xoàn (1924 - 2014), nguyên Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, người đã dành gần hết cuộc đời cách mạng của mình với nghề cảnh vệ. Ông không chỉ là người đã có 10 năm làm cận vệ của Bác Hồ mà còn là người đã trực tiếp chỉ huy công tác bảo vệ hai phái đoàn của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris suốt 4 năm 8 tháng. Trong hơn 50 năm hoạt động cách mạng, ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; Huân chương chống Mỹ, cứu nước hạng Nhất; Huân chương Chiến thắng; Huân chương Quân công; Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc; Huy chương Kháng chiến Nam Bộ; Huy chương Vì An ninh Tổ quốc; Kỷ niệm chương “Vì Sự nghiệp bảo vệ Đảng, bảo vệ lãnh tụ”; Huy hiệu 40 năm, 50 năm, 60 năm và 70 năm tuổi Đảng cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

Giác ngộ cách mạng vì “khoái” và “nề”

Đồng chí Phan Văn Xoàn xuất thân trong một gia đình nông dân ở tỉnh Cà Mau. Năm 1937, ông đỗ tiểu học nhưng

ở Cà Mau lúc bấy giờ chưa có trường trung học, muốn học tiếp phải lên Cần Thơ, Mỹ Tho hoặc Sài Gòn. Nhà nghèo, cha lại mất sớm, ông đành xếp lại ước mơ con đường học vấn. Vốn đam mê cải lương và nổi danh trong xóm với giọng ca mùi mẫn, ông ôm mộng trở thành một kép hát nổi tiếng trong làng cải lương lúc bấy giờ. Thế nhưng, trong những lần tụ họp đờn ca, ông tiếp cận với phong trào Mặt trận Bình dân, đi nghe diễn thuyết chỉ vì “khoái” cái người đang đứng nói, vì “nể” những người không sợ cường quyền, dám đứng ra chống lại bọn Tây... dần dần giác ngộ, ông đã đi theo cách mạng, tham gia phong trào Mặt trận Phản đế. Năm 1940, ông được kết nạp vào Hội Nông dân phản đế, rồi Đoàn Thanh niên phản đế. Tháng 6-1940, ông chính thức được kết nạp Đảng.

Năm 1946, ông được bầu làm Bí thư Chi bộ xã Tân Hưng vừa phụ trách chi bộ Đảng, vừa củng cố lại một số chi bộ và phong trào đoàn thể ở một số địa phương khác. Tháng 6-1947, ông vào Ban Thường vụ Huyện ủy kiêm Bí thư Ban Cán sự Đảng thị xã Bạc Liêu. Tháng 3-1950, ông được Tỉnh ủy Bạc Liêu cử ra Bắc để đi học Trường Chính trị Mác - Lênin Phương Đông ở Trung Quốc.

Ngày 23-9-1950, ông cùng các đồng chí khác bắt đầu chuyến vượt rừng ra Bắc. Trải qua hơn 6 tháng đi đường, vượt qua bao hiểm nguy rồi ông cũng đã đến “An toàn khu” của Trung ương Đảng thuộc địa phận tỉnh Tuyên Quang. Năm 1955, ông theo đoàn quân về tiếp quản Thủ đô và bắt đầu tham gia công tác bảo vệ ở Bộ Công an, từ đó cuộc đời ông gắn liền với công tác cảnh vệ. Ngoài trọng trách bảo

vệ Bác Hồ, Thiếu tướng Phan Văn Xoàn cũng hoàn thành nhiều nhiệm vụ đặc biệt trong thời gian phụ trách Cục Cảnh vệ.

Trong thời gian diễn ra Hội nghị Paris ở Pháp (từ năm 1968), ông là người tổ chức công tác bảo vệ tuyệt đối an toàn cho nhiều đoàn cán bộ ta sang tham dự Hội nghị. Ông từng giữ trọng trách Cục phó rồi Cục trưởng Cục Cảnh vệ (thuộc Bộ Công an) từ năm 1958 - 1989 và sau đó là quyền Tư lệnh rồi Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ cho đến ngày về hưu năm 1992.

Sau ngày thống nhất đất nước, đồng chí Phan Văn Xoàn được cử vào Thành phố Hồ Chí Minh làm trưởng đại diện phía Nam của Cục Cảnh vệ. Năm 1989 Bộ Tư lệnh Cảnh vệ được thành lập, ông được bổ nhiệm giữ chức Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ và được thăng hàm Thiếu tướng.

Trong Hồi ký “Phan Văn Xoàn - Một cuộc đời, một chân lý”, ông kể lại rất nhiều mẩu chuyện đầy ý nghĩa về Bác. Trong đó, có những ký ức mà ông không thể nào quên trong suốt cuộc đời mình. Đó là:

Một ngày đáng nhớ

Ngày 19-5-1958, ngày sinh Bác Hồ. Đối với tôi, đó là một kỷ niệm riêng đầy ý nghĩa trong cuộc đời làm cách mạng. Đó là ngày tôi được Bộ Công an trao quyết định đề bạt chức vụ Cục phó Cục Cảnh vệ. Nghề cảnh vệ của ta bấy giờ còn mới mẻ, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Năm 1958, tôi đã 34 tuổi, nghĩa là đã bước vào cái tuổi trung niên, tính

ra cũng đã trải qua gần 20 năm đi làm cách mạng. Tôi hiểu tầm quan trọng của nhiệm vụ được giao và luôn nỗ lực hết mình, cố gắng làm tròn trách nhiệm.

Cuộc đời tôi có những bước ngoặt gần như là cá biệt hơn so với nhiều bạn bè cùng tham gia kháng chiến. Và niềm hạnh phúc lớn nhất là được gặp Bác Hồ ngay từ những năm ở chiến khu Việt Bắc. Lúc đó, tôi vui mừng không thể thốt nên lời, cứ nghĩ như thế là đã toại nguyện lắm rồi. Nhưng rồi cuộc đời giống như định mệnh, tôi tiếp tục ở lại chiến khu cho đến ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, được phân công lo việc chuẩn bị đón Bác về Thủ đô, được phân công bảo vệ lễ đài ngày ra mắt Chính phủ ở Quảng trường Ba Đình. Cứ như thế cho đến ngày được đề bạt là Cục phó Cục Cảnh vệ, tất cả như là cơ duyên.

Lần đầu đi bên Bác

Tháng 8-1958, nhận lời mời của Chính phủ Ấn Độ và Miến Điện, Bác Hồ dẫn đầu phái đoàn Chính phủ nước ta đi thăm hai nước nói trên. Đi làm nhiệm vụ bảo vệ Bác và phái đoàn gồm 5 người, ngoài tôi còn có 4 anh khác đều là sĩ quan cao cấp của Bộ Công an. Đây là niềm vinh dự lớn nhưng trách nhiệm cũng hết sức nặng nề, nhất là ở thời điểm đó chúng ta chưa có kinh nghiệm nhiều về phương pháp, kỹ năng bảo vệ yếu nhân trong trường hợp đi công cán nước ngoài. Đoàn của chúng ta khởi hành trên một chuyến chuyên cơ (thuê của Ấn Độ).

Khi đến viếng lăng mộ Gandhi, theo thông lệ mọi người

phải để dép bên ngoài nhưng với Bác Hồ, vị khách đặc biệt của Chính phủ và nhân dân Ấn Độ, bộ phận lễ tân đề nghị Bác mang dép vào luôn. Tuy nhiên, Bác đã từ chối, xin giữ đúng phong tục của nước chủ nhà. Đôi dép vừa rời chân Bác, nằm lại bậc thềm thì ngay lập tức hàng mấy chục ống kính máy ảnh, máy quay phim vòng trong, vòng ngoài xoay quanh đôi dép Bác, người dân cũng cố chen vào để xem, tình hình bất ngờ xáo trộn.

Tôi hội ý chớp nhoáng với anh Kháng (bấy giờ là Cục trưởng Cục Cảnh vệ), đề nghị các anh vào lắng với Bác còn tôi ở lại để bảo vệ... đôi dép. Tôi vừa cùng với lực lượng của bạn vẫn hồi trật tự, vừa cố ra sức giải thích với mọi người rằng Bác Hồ của chúng ta chỉ quen đi dép cao su, không quen dùng các loại giày dép khác. Rồi mọi người cũng lắng xuống, tất cả dân chúng có mặt đều đứng xếp hàng trang nghiêm, lần lượt từng người một bước đến đặt tay lên đôi dép Bác. Ống kính máy ảnh, máy ghi hình ghi lại tất cả hình ảnh ấy, một không khí thiêng liêng, cảm động vô cùng.

Báo chí Ấn Độ đăng rất nhiều bài ca ngợi Bác, bên cạnh hình ảnh và bài viết về Bác, có không ít hình ảnh và bài viết về đôi dép cao su. Thế là đôi dép cao su màu đen bình dị, được làm bằng lốp xe, chiến lợi phẩm thu được sau một trận đánh Pháp trở thành đề tài làm xúc động bao tầng lớp nhân dân Ấn Độ. Riêng với anh em cận vệ chúng tôi, lại bất ngờ có thêm nhiệm vụ đột xuất nhưng cũng không kém phần quan trọng: bảo vệ đôi dép cao su của Bác...

Trên những chặng đường bác cháu cùng đi

Mùa xuân năm 1960, vào khoảng tháng 3, Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn gọi tôi đến, bảo tôi thay anh Phạm Lê Ninh (được cử đi học) lo việc trực tiếp bảo vệ Bác Hồ. Quá bất ngờ, tôi xúc động đến ứa nước mắt và sau đó là nỗi lo lắng, hồi hộp. Suốt nhiều đêm tôi không ngủ, trằn trọc, suy nghĩ, đây là sự kiện lớn nhất trong đời tôi. Được trực tiếp bảo vệ Bác Hồ thì còn gì sung sướng cho bằng.

Tuy nhiên, những ngày đầu tôi không được tự chủ và luôn dè dặt. Tôi còn nhớ, có một buổi chiều, khi cơm nước xong, Bác đi dạo quanh hồ trong Phủ Chủ tịch. Vì còn lúng túng và lo ngại nên tôi không biết phải đi như thế nào cho phù hợp, cứ lèo đèo theo sau. Bác thông thả bước và thỉnh thoảng ngoái lại nhìn, hiểu được tâm trạng của người cận vệ mới, Bác chủ động gọi tôi lại, cùng đi bên cạnh Bác, vừa đi vừa trò chuyện một cách thân tình như một người cha đối với đứa con. Bác hỏi thăm quê quán, gia đình và tình hình đời sống đồng bào Cà Mau, Bạc Liêu. Tôi kể cho Bác nghe tất cả những gì mình đã nghe, đã thấy, đã tham gia trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp ở quê nhà.

Buổi đầu tiên trực tiếp làm cận vệ Bác Hồ của tôi như thế, nó ấm áp làm sao. Và từ đó cho đến suốt những năm tháng sau này kể cận bên Bác, tôi luôn được sống trong không khí nồng ấm tình nhân ái của người. Với tôi, 10 năm được gần gũi bên Bác là cả một cuộc đời. Nhiều năm sau này, khi biết tôi làm cận vệ của Bác trong suốt nhiều năm, không ít người tò mò muốn biết, muốn được nghe kể về

công tác bảo vệ Bác, bởi làm cận vệ một con người huyền thoại, chắc có lắm chuyện ly kỳ, hấp dẫn và hồi hộp. Nhân ghi lại quyển hồi ký này, tôi cũng muốn nói rằng, sự vĩ đại của Bác Hồ chúng ta không có gì xa xôi, được thần thánh hóa. Bác của chúng ta vĩ đại, cao cả và bao la như thế bởi vì ở bất cứ đâu, trong bất cứ công việc gì Bác cũng giống một con người bình thường, giản dị, chan hòa. Song, tấm lòng độ lượng, bao dung mà Bác dành cho tất cả chúng ta có sức truyền cảm diệu kỳ....

Nguồn:

*1 Hồi ký “Phan Văn Xoàn - Một cuộc đời, một chân lý”,
tác giả Đắc Dự, NXB CAND 2006.*

2. Website báo Công an Nhân dân.

ĐỒNG CHÍ TRẦN TRỌNG TÂN TÂM VÓC MỘT CON NGƯỜI

1. Một ngày cuối tháng 10 năm 2013. Chuông báo thức ngân vang. Đã 4 giờ sáng. Như thường lệ, giờ này không chờ báo thức ông cũng đã dậy nhưng hôm nay sao ông thấy người trĩu nặng. Nghe tiếng dép khê nhẹ của bà đến bên cửa sổ, ông gắng sức từ từ ngồi dậy. “Chà! Sao thế này?” - Ông buồn rầu nghĩ - “Bài viết về góp ý sửa đổi Hiến pháp vẫn chưa xong...”. Đôi tay gầy của ông cố vịn vào thành giường, bà nhìn ông lo lắng: “Ông mệt thì nằm nghỉ. Để tôi lấy nước cho ông”. Ông không thể uống hết ly nước bà đưa. Cơn khó thở làm tim ông như bị bóp nghẹt. Ông hiểu rằng, ông không thể cố sức để làm việc như bình thường - ấy là sẽ viết, ngồi vào bàn và viết cho đến 7 giờ, khi bà đã chuẩn bị xong bữa sáng cho ông rồi sau đó sẽ tiếp tục viết nếu như không có lịch đi dự các hội thảo, hội nghị v.v... Trên bàn viết, trong chiếc cặp da đã cũ, có những bài viết còn dang dở. Ông lấy một bài viết và nằm xuống đọc lại chậm rãi. Bà đã kéo ghế ngồi sát bên giường ông từ lúc nào. Đó là để mỗi khi ông cần trích dẫn, tra cứu một vấn đề nào đó, bà sẽ nhanh chóng giúp ông. Bên ngoài trời đã bắt đầu sáng rõ. Ánh mặt trời đỏ rực hùng lên ngoài khung cửa. Anh Trần Trọng Châu,

con trai trưởng của ông bốn chồn lo lắng. Cần phải đưa ông vào bệnh viện gấp. Không chỉ là bệnh suyễn mãn tính, bệnh tiểu đường đang diễn biến không tốt, ông còn bị viêm phế quản nặng...

Và từ buổi sáng hôm ấy, ông thường xuyên nằm trong bệnh viện. Đạo sau này, ông yếu hẳn. Mỗi lần vào thăm ông, chúng tôi thấy thật nao lòng. Thế nhưng, bệnh tật không làm cho ông ngừng suy nghĩ. Nằm ở bệnh viện, ông vẫn canh cánh những vấn đề thời cuộc. Trí óc của ông vẫn vô cùng mẫn tiệp. Anh Trần Trọng Dũng, con trai ông kể: Đêm 29-7-2014, ông yếu lắm rồi. Ông không thể tự thở được. Các bác sĩ Bệnh viện Thống Nhất đã báo cho gia đình tình hình của ông. Ông ra hiệu cho con trai đến bên, rồi gắng sức nói trong khó nhọc: Ba đang nghĩ đến mấy điều. Anh Dũng lắng nghe ông nói từng từ: “Một- là- vấn- đề- dân- chủ- trong- điều- kiện- một Đảng- cầm- quyền. Hai- là- làm- thế- nào- để- nâng- cao- đạo- đức- cách- mạng, chống- chủ- nghĩa- cá- nhân- trong- cán- bộ- đảng- viên. Và- ba- là- đảng- viên- tự- ứng- cử...”. Thương cha, anh Dũng chỉ biết nói “ạ” để ông yên lòng...

2. Ông sinh ngày 15-10-1926 tại thôn Tân Mỹ, tổng Cam Vũ, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Ngay từ tuổi học sinh, với bầu nhiệt huyết yêu nước, ông đã tham gia cách mạng và trở thành Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị khi vừa tròn 24 tuổi. Ông đã được thử thách, rèn luyện và trưởng thành qua đấu tranh cách mạng gian khổ, khốc liệt, trong thời kỳ hoạt động bí mật tại nội thành Sài Gòn, những năm ở tù tại Côn Đảo cũng như trong những giai đoạn cách mạng đầy gian

khó sau giải phóng miền Nam thống nhất đất nước 1975, cả nước tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện công cuộc đổi mới... Phẩm chất cách mạng và tài năng trí tuệ anh minh của ông luôn được thể hiện rõ trong bất cứ hoàn cảnh, vị trí công tác được Đảng và nhân dân tin cậy giao phó. Suốt cả cuộc đời, ông đã không ngừng phấn đấu cho lý tưởng cao đẹp của Đảng. Có thể nói rằng, cuộc đời của ông là một bằng chứng rất rõ cho thấy con người sống phải có lý tưởng, khát khao cống hiến vì lý tưởng và trên mọi bước đường của cuộc đời, chính nhờ lý tưởng dẫn dắt mà con người đủ sức mạnh vượt qua mọi khó khăn và thử thách. Và cuộc đời ông cũng cho thấy, để thực hiện được lý tưởng sống, con người phải nỗ lực rèn luyện, học tập không ngừng, có tinh thần và ý chí vững tin về phía trước. Nhưng ở ông, cần phải nói thêm rõ ràng và dứt khoát: đó là lý tưởng cộng sản! Bởi nếu không nói như thế, chắc chắn sẽ bị ông “chỉnh” một cách “triệt để” tuy vẫn bằng thái độ thật ôn hòa vốn có của mình. Lý tưởng cộng sản chiếm trọn trái tim và và trí tuệ của ông. Nhiều lần chúng tôi được nghe ông kể về tuổi trẻ khát khao lý tưởng của mình, con đường học tập và nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin ông dành trọn đời theo đuổi.

Ông là con người hạnh phúc bởi ông có niềm tin vào một lý tưởng, được sống trọn vẹn với lý tưởng, được làm và làm được những điều mình ưa thích để mang lại niềm vui sướng cho nhiều người khác. Ông tin vào lý tưởng, sống hết mình vì lý tưởng và hạnh phúc vì điều đó bởi lẽ lý tưởng ấy không chỉ gắn với riêng ông mà còn gắn với tương lai cả dân tộc.

3. Nếu chỉ nhìn vào những năm cuối đời của ông, nhiều người thấy ông thật viên mãn nhưng nếu biết về ông sẽ thấy thực sự ông đã trải những khúc quanh đầy thử thách.

Đã rất nhiều lần chúng tôi tự hỏi: vì sao con người như ông luôn giữ được thái độ bình tĩnh ngay cả khi đứng trước những cơn sóng lớn thật dữ dội? Cách nhìn vấn đề độ lượng, luôn thấy cái thiện, cái đẹp trong mọi mặt của cuộc sống ở ông nói lên điều gì nếu không phải trước hết đó là tấm lòng nhân hậu. Nhưng ngoài lý do ông có một trái tim tràn đầy nhân hậu, rộng lượng, có lẽ ông lớn hơn nhiều những gì chúng tôi nhìn thấy. Lúc nào ông cũng giữ được vẻ an nhiên tự tại. Ông luôn giữ sự độc lập về tinh thần, không phụ thuộc vào những khen chê của người khác, lắng nghe những ý kiến trái chiều, những việc người ta nói này nọ, kể cả điều đó không đúng. Không thể tránh khỏi những buồn đau nhưng lúc nào ông cũng tìm được cách vui sống ngay cả khi tưởng như không thể vui và bình tĩnh được. Nếu nói tầm vóc của một người thể hiện rõ trong tầm nhìn của người ấy thì điều đó rất rõ với ông. Đó là một con người có đầu óc khai phóng, mở rộng tầm nhìn. Với một người nhìn xa trông rộng như ông, ông đã thấy trước rất nhiều vấn đề mà ông bảo “phải suy nghĩ kỹ”.

Và một phần của câu trả lời chúng tôi cũng đã tìm thấy trong một bài viết về ông nhân kỷ niệm 87 năm ngày báo chí cách mạng Việt Nam đăng trên Báo Sài Gòn Giải Phóng. “Cho dù chỉ mới gặp ông một lần, hay là may mắn được thường xuyên tiếp xúc, làm việc cùng ông, thì người ta cũng

sẽ thấy ngạc nhiên một cách thú vị trước sự trẻ trung, tươi mới của ông. Đây là sự tươi trẻ trong suy nghĩ, tư tưởng của một người có khả năng luôn nhìn cuộc sống lúc nào cũng như mới mẻ, tươi nguyên, vô cùng sinh động và phong phú! Ông không bị gánh nặng thời gian hay thói quen ngăn cản tư duy đối với những vấn đề mà không ít khi vì sự biếng lười trong suy nghĩ làm cho người ta thấy thật nhàm chán, tẻ nhạt. Ông luôn thấy trong mỗi vấn đề quen thuộc, dù là “công tác tư tưởng”, “công tác giáo dục lý luận chính trị” hay là “lịch sử Đảng”, “chủ nghĩa xã hội khoa học”, “chủ nghĩa Mác - Lênin” sự hấp dẫn cần suy nghĩ thấu đáo, tìm ra những điều mới, tiếp cận nhiều chiều với thực tế cuộc sống đang không ngừng tuôn chảy, từ đó phân tích và làm sáng tỏ những khía cạnh thời sự, bức xúc đang được nhiều người quan tâm. Khả năng này của ông có được là từ sự lao động nghiêm túc của một nhà báo luôn quan tâm tới hiện thực, muốn hiểu, muốn biết, muốn lý giải, và cao hơn là khái quát lên thành lý luận. Những bài báo “Màn trình diễn về chủ nghĩa cơ hội chính trị”, “Vạch trần mọi luận điệu xuyên tạc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh”... thật sự là vũ khí sắc bén trên mặt trận văn hóa - tư tưởng, phê phán các quan điểm sai trái, hướng cho mọi người có hành động đúng, tích cực trong công cuộc đổi mới vẫn còn vô vàn khó khăn hiện nay. Một ví dụ rất cụ thể. Chúng ta đã nghe rất nhiều về vấn đề Đảng cầm quyền để dân làm chủ, vấn đề “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” do Đảng đề ra rất hợp lòng dân nhưng trong thực hiện còn nhiều sai sót. Thế nhưng khi nghe ông phân tích một cách giản dị vẫn

để được ông gọi là “thuộc loại Nam quốc sơn hà” mà từ bao đời nay, dân ta thường rất nhạy cảm nhưng trong lãnh đạo có khi chưa chú ý này qua bài viết “Tìm hiểu tâm lý quần chúng, biết mừng, biết lo đúng mức” thì thật ngạc nhiên một cách... nể phục! Ông viết: “Công cuộc đổi mới đã có nhiều thành tựu to lớn nhưng tình hình diễn biến còn phức tạp, lòng dân còn lăm nỗi chưa yên... Nắm bắt tâm lý quần chúng ở dạng tổng hợp nhất là nắm bắt về lòng tin của dân với Đảng. Trong lòng tin của dân, có lòng tin tin trực giác, lòng tin tín nhiệm, lòng tin khoa học, lòng tin tín ngưỡng... Dạng lòng tin nào của dân với Đảng cũng đáng được quan tâm xây dựng... Nếu hiểu sâu tâm lý quần chúng thì biết mừng, biết lo đúng mức”. Những vấn đề cốt tử của Đảng đã được ông cô đọng như thế từ kiến thức sâu rộng, sự hiểu biết uyên thâm và tinh thần đầy trách nhiệm của ông với Đảng”.

4. Với các cán bộ trẻ, khi được gặp, làm việc cùng ông, bao giờ ông cũng để lại trong họ niềm kính trọng và lòng tin sâu sắc. Mỗi lần thấy ông là thấy hình ảnh chú Hai Tân thật trí tuệ, thật thương yêu và vô cùng gần gũi... Nhiều cán bộ Ban Tuyên giáo Thành ủy vẫn thường nói với nhau niềm vui, tình thương yêu ấm áp được gần gũi với một con người đã hòa quyện giữa tính cách của một trí thức lớn với phẩm chất của một chiến sĩ cách mạng kiên trung trọn đời vì lý tưởng cộng sản. Ông đã thể hiện rất rõ những đặc trưng đáng kính trọng của một nhà cách mạng lão thành “tu thân, tề gia, trị quốc”. Bằng tấm lòng nhân hậu, ông đạt được niềm vui sướng. Những năm tháng cuối cùng của cuộc đời,

ông sống trong tình yêu thương của người vợ hiền rất mực thủy chung và con cháu đều hiếu thảo, thành đạt. Chúng tôi biết, không ít cán bộ đương chức lúc khó khăn, cả những khi hạnh phúc đều đã tìm đến thăm ông như tìm về nơi chia sẻ yên bình để có thêm sức mạnh tinh thần tiếp bước.

Riêng với anh em ở Tạp chí Sổ tay Xây dựng Đảng, một trong những điều may mắn nhất là dạo sau này thường xuyên được gặp và làm việc trực tiếp cùng ông. Tuy đã nghỉ hưu nhưng vì yêu cầu công việc, ông vẫn sinh hoạt cùng chi bộ với chúng tôi. Cứ sáng thứ hai hàng tuần, sau khi cùng dự họp giao ban lãnh đạo Ban Tuyên giáo Thành ủy, ông lại lên tạp chí trao đổi cùng anh em trong tòa soạn. Ông chậm chạp ngồi xuống chiếc ghế sa-lông cũ rồi nói về các đề tài đang nghiên cứu. Chúng tôi lắng nghe ông nói, thỉnh thoảng thêm vào một ý kiến rất nhỏ. Nhưng cũng không ít lần, ông không nói mà chủ động hỏi về một vài đề ông nghe thấy và đang quan tâm. Một lần, khi viết xong bài cho hội thảo kỷ niệm 100 năm ngày sinh một đồng chí lãnh đạo cao cấp, ông mang đến bảo chúng tôi đọc và nhận xét. Khi thấy chúng tôi hơi lưỡng lự, ông nheo mắt cười: “Sao, đọc rồi là phải có ý kiến chứ?”. Thế là chúng tôi mạnh dạn nói lên 3 điểm nhận xét của mình. Nở một nụ cười thật triu mến, ông khen: “Đúng được 2,5 điểm. Thế cũng là giỏi!”. Chúng tôi lặng nhìn nụ cười sáng bừng trên khuôn mặt phúc hậu của ông mà lòng trào dâng niềm xúc cảm lớn lao. Có ông, chúng tôi thấy vững chãi biết bao! Chúng tôi hiểu rõ mình thật hạnh phúc khi được chứng kiến những giây phút quý giá thế này. Làm sao mà không hạnh phúc khi trong cả một cuộc hành

trình rất dài của cuộc đời ông, chúng tôi may mắn được có mặt thường xuyên ở những chặng cuối cùng thật đáng nhớ thế này. Ông như một phần lịch sử, một trí tuệ hiếm hoi còn lại có tầm vóc và ảnh hưởng rất lớn trong đời sống chính trị không chỉ với Thành phố Hồ Chí Minh mà là cả nước những năm gần đây. Càng làm việc gần ông, đọc những bài viết của ông, càng cảm nhận rõ sự giản dị mà thanh cao, sự nhẹ nhàng mà thâm trầm sâu sắc, thái độ ứng xử lịch thiệp nhưng rất rõ ràng, nguyên tắc trong con người ông. Ấy là phong thái, cốt cách của một bậc thức giả, nhà chính trị, nhà lý luận, nhà báo luôn thể hiện tầm nhìn sâu sắc một cách thật bản lĩnh và trí tuệ. Ông kiên quyết trong cuộc đấu tranh tư tưởng bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng không phải bằng cách nói lấy được, duy ý chí. Thường trong các cuộc họp, trao đổi, ông nói năng cân nhắc, từ tốn, rất lắng nghe người khác và khi được mời thì mới nói. Chưa bao giờ chúng tôi thấy ông cắt ngang bất cứ một người nào, cho dù những ý kiến rất trái chiều với ông. Khi nói, ông trình bày rất đầy đủ, khúc chiết. Khi tranh luận, thái độ của ông rất ôn hòa nhưng cương quyết giữ vững lập trường nếu thấy mình là đúng. Điều này thể hiện rất rõ trong các cuộc họp chi bộ. Một trong những vấn đề ông luôn quan tâm, trăn trở là làm sao nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Ông nhắc nhở chúng tôi sinh hoạt chi bộ tốt sẽ tăng cường được sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo, phẩm chất của cán bộ, đảng viên. Chi bộ Tạp chí Sổ tay Xây dựng Đảng luôn mãi nhớ một tấm gương giữ vững nguyên tắc sinh hoạt đảng của một người đảng viên cộng sản, đức tính chân thành thẳng thắn

đối với đồng chí của ông. Chúng tôi muốn nhấn mạnh về sự giữ vững nguyên tắc sinh hoạt đảng của một người đảng viên cộng sản ở đây. Mặc dù có rất nhiều ý kiến đóng góp, song chúng tôi thấy bao giờ ông cũng đóng góp rất đúng nơi, đúng chỗ, đặc biệt nguyên tắc góp ý tại “chi bộ là đầu tiên”. Ông rất nghiêm túc trong sinh hoạt chi bộ. Gần đây có những việc xảy ra với một số đồng chí từng là lãnh đạo cao cấp ở Trung ương để có dư luận không tốt, ông thể hiện rất rõ chính kiến: Phải tìm hiểu xem chi bộ đồng chí ấy sinh hoạt thế nào. Chi bộ không thể không biết về những việc diễn ra với đồng chí của mình như thế...

Nhớ một buổi chiều, ông rất vui ghé thăm tòa soạn. Ông bảo, 11 giờ 30 trưa hôm đó, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã điện thoại trao đổi với ông về một số ý kiến ông gửi thư góp ý qua Văn phòng Trung ương Đảng. Nắm vững những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, ông đã thể hiện rất rõ quan điểm thực tiễn của chủ nghĩa duy vật biện chứng, từ thực tiễn mà tìm ra chân lý và đặc biệt thời gian sau này, ông có những góp ý rất cụ thể cho Đảng và Nhà nước như những góp ý về Đại hội XI, Sửa đổi Hiến pháp...

5. Ông là một hình ảnh thật đẹp. Hẳn rằng chúng tôi sẽ nhớ mãi ông. Khi đã trải qua bao thăng trầm của cuộc sống, ông vẫn làm việc thật cần mẫn, đầy trách nhiệm và luôn truyền cho chúng tôi niềm cảm hứng, say mê với công việc. Chúng tôi cảm thấy biết ơn ông sâu sắc. Chúng tôi biết ơn ông vì bằng đạo đức trong sáng, sức mạnh trí tuệ và tài năng của một người cộng sản, ông đã luôn mang tới cuộc

sống phong phú với sự vận động cách mạng không ngừng, làm cho chúng tôi ngày càng hiểu thấu sức mạnh tinh thần của con người. Chúng tôi biết ơn ông, vì ông - từ chính tấm gương bản thân mình, từ sự xác tín trong suốt đời mình đã bền bỉ và vững vàng xây dựng niềm tin cộng sản, để hơn thế nữa ông luôn lạc quan truyền cho mọi người, cho chúng tôi niềm tin ấy bằng lao động sáng tạo, tư tưởng tiên tiến. Chúng tôi biết ơn ông vì tấm lòng nhân hậu của ông luôn nhìn và vững tin vào mọi điều tốt đẹp của cuộc sống, vững tin vào niềm tin không thể nào lay chuyển được về hạnh phúc của nhân dân, về một thế giới đại đồng tươi sáng. Và chúng tôi biết ơn ông vì khả năng tuyệt vời của ông không bao giờ mất đi sự xúc động luôn mới mẻ, tinh khôi trước mọi vấn đề của cuộc sống tinh thần của con người, để cho dù ông đã đi xa, mỗi lần đọc ông, nhớ về ông chúng tôi đều có thêm sức mạnh, nguồn động viên tinh thần lớn lao mà vững bước!

Đồng chí Thân Thị Thư, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh tâm sự:

Với tôi, chú Hai Tân là một trong những tấm gương lớn. Mỗi mỗi chúng tôi, những người làm công tác tuyên giáo của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh sẽ nhớ tới đồng chí Trần Trọng Tân, một bậc lão thành cách mạng đã có những đóng góp to lớn với sự nghiệp tuyên giáo của Đảng. Chúng tôi luôn noi gương chú Hai Tân, phấn đấu hết sức mình để nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục trong công tác tuyên giáo vô cùng khó khăn hiện nay. Bài học lớn

nhất của chú Hai Tân với tôi đó là: Những người làm công tác tuyên giáo phải luôn kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng, tư tưởng gắn với hành động, nói đi đôi với làm; chủ động trong công tác tư tưởng. Cán bộ tuyên giáo phải thật sự là những người truyền lửa, truyền tình cảm cách mạng, truyền niềm tin và lý tưởng cộng sản cho quần chúng nhân dân. Muốn truyền niềm tin ấy, để thuyết phục mọi người, đội ngũ cán bộ tuyên giáo phải không ngừng học tập, học ở mọi nơi, mọi lúc để nâng cao tri thức, bản lĩnh chính trị. Chúng tôi sẽ nhớ mãi lời chú Hai Tân thường nhắc: căn cốt của việc chỉnh đốn Đảng là chỉnh đốn lại đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm trong sạch Đảng, trong sạch bộ máy Nhà nước, lấy lại và giữ được lòng tin của nhân dân...

HỒNG QUÂN

Tạp chí Sổ tay Xây dựng Đảng

ĐỒNG CHÍ PHẠM QUANG NGƯỜI NẶNG LÒNG VỚI “Ý ĐẢNG LÒNG DÂN”

Những người từng được làm việc, cộng tác, gặp gỡ với chú Ba luôn cảm thấy học được rất nhiều điều từ chú. Chúng tôi học ở chú Ba tinh thần của một đảng viên kiên trung, bất khuất, trong lao tù, trong tranh đấu vẫn không hề nao núng. Một lần, chú kể chuyện hồi bị giam ở Côn Đảo, những năm 1956 - 1959, dưới chính sách tố cộng, diệt cộng cực kỳ tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Có thời gian, chú và nhiều bạn tù bị kết lý rất nặng, coi như nằm chờ chết. Bọn cai ngục lợi dụng tình trạng này để mua chuộc, dụ dỗ: chúng đưa y tá đến, bẻ sẵn ống thuốc, rút ống tiêm, đến bên người tù đang nằm gần như bất động rồi hỏi có chiêu hồi, đầu hàng không, nếu thuận theo chúng thì sẽ được tiêm thuốc, nghĩa là sẽ sống, nhưng khi những người tù khê lắc đầu, chúng bơm tiêm, ống thuốc xịt vào tường... Tất cả đều vẫn giữ lòng sắt son với Đảng, với cách mạng. Có người ngã xuống, người khác vẫn tiếp tục tranh đấu, không sợ chi đến đòn roi, hành hạ hay cái chết... Cũng trong hoàn cảnh khắc nghiệt đó, tinh thần đồng chí, đồng

đội lại được thể hiện rõ hơn bao giờ hết... Câu chuyện của chú làm chúng tôi rất xúc động.

Chúng tôi học ở chú tinh thần cầu thị, lắng nghe, bất kể người đó có tuổi tác, vị trí công tác thế nào. Nhiều lần, chú đến thăm anh em ở Ban Tuyên giáo Thành ủy, ngồi nói chuyện với chúng tôi, hỏi có tình hình, dư luận gì không, có gì đặc biệt thì kể chú nghe. Mà chú nghe thực sự, có trao đổi, lắng lắng còn hỏi: “Vậy ý tụi cháu thế nào?”... Chú cũng thẳng thắn nêu những ý kiến của mình về một vấn đề gì đó, có khi phê phán, có khi góp ý hoặc đề nghị chúng tôi lên tiếng với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Vậy đó, chú Ba với chúng tôi là bậc cha chú nhưng rất gần gũi, thân tình mà cũng rất tôn trọng.

Là người công tác tuyên giáo qua hai cuộc kháng chiến, chú Phạm Quang luôn nhắc nhở chúng tôi trong công tác tư tưởng - văn hóa phải chú ý đến tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, của cán bộ, đảng viên - tức là những người được coi là đối tượng tác động của công tác tuyên truyền nói riêng và tuyên giáo nói chung. Một trong những câu chuyện chú hay kể chúng tôi nghe như là một “kinh nghiệm xương máu” của người làm công tác này chính là một lần “thất bại” của chú. Hồi 20 tuổi, lúc là Ủy viên Tuyên truyền của Quận bộ Việt Minh huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, có lần nói chuyện trước nhân sĩ, trí thức, chú hăng hái trình bày suốt một tiếng đồng hồ, cả về lý luận lẫn tình hình thực tế. Mọi người chăm chú lắng nghe, nhưng đến khi mọi người bắt đầu đặt câu hỏi thì nhiều vấn đề chú không biết trả lời sao! Chú kết luận:

“Như vậy chính mình còn chưa thông thì làm sao làm cho người khác thông?”.

Một câu chuyện khác của chú, cũng là một bài học: hồi kháng chiến, ta có chủ trương “bao vây kinh tế địch”, ở vùng giải phóng không được mua bán với vùng bị tạm chiếm, ai mang hàng hóa đi lại có thể bị tịch thu. Về lý thì có vẻ rất phù hợp vì góp phần làm cho địch bị khó khăn. Thế nhưng người dân không chịu, họ phản đối. Người làm tuyên huấn phải nghĩ: tại sao chủ trương của Đảng vì dân mà lại không hợp lòng dân? Rồi phải suy nghĩ, phản ánh. Thì ra chủ trương “bao vây kinh tế” không biết có làm cho địch thiệt hại gì không chứ chính cán bộ và nhân dân vùng giải phóng lại gặp khó khăn: xà bông giặt không có, thuốc men không có, tôm cá gà vịt không bán được, ứ đọng... Sau khi phản ánh, khoảng nửa năm sau, có chủ trương “xả cảng”, người dân hoan nghênh. Như vậy, làm tuyên giáo không chỉ tuyên truyền từ trên xuống mà còn phải ghi nhận để phản ánh từ dưới lên nữa, tức là phải lắng ý kiến, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, của nhân dân.

Quan tâm đến nguyện vọng của nhân dân, chú nhiều lần dùng ngòi bút để đạt với lãnh đạo các cấp phải quan tâm đến vấn đề “ý Đảng lòng dân”. Kỷ niệm ngày truyền thống công tác dân vận năm 2010, chú nêu ý kiến: “... Bảo đảm vai trò nòng cốt giáo dục, vận động cách mạng trong các tầng lớp nhân dân, phản ánh kịp thời những tâm tư, nguyện vọng của nhân dân với Đảng và chính quyền, của Mặt trận và các đoàn thể. Nói chung là làm thế nào để ý Đảng hợp với lòng dân, tạo nên sự đồng thuận trong cộng đồng xã hội,

tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân...”. Nhân kỷ niệm ngày thành lập Đảng năm 2011, chú nêu ba vấn đề tâm đắc và cần được nghiên cứu sâu, đó là “dân chủ trong Đảng và dân chủ trong nhân dân”, “cơ chế tổ chức và hoạt động của Đảng, chính quyền” và “vấn đề cán bộ”. Trong đó, về vấn đề dân chủ, chú viết: “Dân chủ với dân là phải gần gũi với dân, thông cảm với dân, đối thoại trực tiếp với dân, lắng nghe những ý kiến, kiến nghị chính đáng của dân để tổng hợp báo cáo với Đảng; góp phần xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng. Đồng thời phải tận tình giải thích những ý kiến, kiến nghị chưa thật đúng đắn, những phát biểu sai lầm của một số người trong dân. Riêng đối với những ý kiến phản động, xuyên tạc sự thật của những phần tử xấu thì phải phản kích quyết liệt và bác bỏ. Có như thế mới làm cho ý Đảng hợp với lòng dân...”.

Làm sao để bảo đảm được “ý Đảng lòng dân”, theo chú là phải thực sự phát huy dân chủ. Kỷ niệm ngày truyền thống công tác tuyên giáo của Đảng, tháng 8-2008, chia sẻ kinh nghiệm công tác với cán bộ, chuyên viên của Ban Tuyên giáo Thành ủy, chú đúc kết: Một trong những điều mà chú “ngộ” được của công tác tuyên giáo là phải thực sự dân chủ, không dân chủ thì không bàn bạc, thảo luận được những chủ trương hay, không phát huy được ý kiến tập thể. Trong một bài viết, chú nêu rõ: “Từ phát huy dân chủ ở từng cơ sở, chân thành lắng nghe tiếng nói của dân, của cán bộ, kiến nghị của từng tổ chức, nghiên cứu tổng hợp để có những dự kiến, dự báo đúng, phân tích tình hình đúng để có những chủ trương, quyết sách đúng, biện pháp tổ chức

vận động nhân dân một cách phù hợp, kết hợp được ý Đảng và lòng dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp, đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi từng chủ trương, chính sách...”.

Cũng trên tinh thần đó, nhân triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, chú nêu giải pháp: “Phải phát huy dân chủ trong nội bộ Đảng và trong nhân dân. Trong Đảng là tự phê bình và phê bình, đấu tranh nội bộ thật sự trung thực và thẳng thắn, bảo đảm đoàn kết nội bộ chặt chẽ ở từng cấp ủy, từng đảng bộ, chi bộ - cơ quan. Trong dân tức là trong các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội và Mặt trận Tổ quốc cần phát huy tinh thần yêu Đảng, góp ý, phản ánh với Đảng về phẩm chất của cán bộ, đảng viên ở cả hai mặt tốt và xấu, nhất là những cán bộ lãnh đạo đứng đầu các cơ quan Đảng và chính quyền. Những nhận xét, góp ý của nhân dân cần được tổ chức tổng hợp, phân loại ở từng cấp để nghiên cứu, kiểm tra xác minh đúng sai, việc kiểm tra, xác minh...”.

Với chúng tôi, chú Ba Quang thực sự là một nhà cách mạng gắn chặt lý luận với thực tiễn, trong đó, chú luôn chú trọng yếu tố thực tiễn, giải quyết các vấn đề thực tiễn trên cơ sở vận dụng lý luận, sau đó tổng kết thực tiễn để bổ sung, làm phong phú thêm cho lý luận. Nói cách khác, ở chú, chúng tôi học được tinh thần “nói đi đôi với làm”. Mà cách nói, cách làm của chú đều luôn giản dị, dễ hiểu nhưng không kém phần sâu sắc và hiệu quả.

NGUYỄN MINH HẢI
Tạp chí Sổ tay Xây dựng Đảng

SỨ MỆNH VINH QUANG CỦA NHÀ NGOẠI GIAO VÕ VĂN SÙNG

Ngày 1-6-2010, tại Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh đã diễn ra lễ trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất cho ông Võ Văn Sung, Phó Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt - Pháp, Cố vấn về kinh tế đối ngoại của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên Trợ lý Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Pháp, Hà Lan, Bỉ, Luxemburg và Nhật Bản. Ngày 15-7-2011 tại Hà Nội, thay mặt Nhật hoàng Akihito, Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam Yasuaki Tanizaki đã trao Huân chương “Mặt trời mọc có ngôi Sao vàng, Sao bạc” (The Order of the Rising Sun, Gold and Silver Star) cho ông Võ Văn Sung, nguyên Đại sứ Việt Nam tại Nhật Bản.

Đại sứ Nhật Bản Yasuaki Tanizaki cho biết Nhà nước Nhật Bản trao tặng Huân chương Mặt trời mọc cho nguyên Đại sứ Võ Văn Sung, nhằm ghi nhận những đóng góp to lớn của ông trong việc góp phần xây dựng và phát triển mối quan hệ tốt đẹp giữa Nhật Bản và Việt Nam.

Trên cương vị quyền Đại sứ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pháp, ông Võ Văn Sung đã tham gia đàm phán với Nhật Bản để thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Vào tháng 9-1973, ông đã tham gia ký kết “Công hàm trao đổi chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao Nhật Bản - Việt Nam”. Trên cương vị là Đại sứ Việt Nam tại Nhật Bản từ năm 1988 - 1992, ông Võ Văn Sung đã nỗ lực hết mình trong việc nối lại viện trợ của Nhật Bản cho Việt Nam. Những đóng góp này tạo cơ sở cho việc phát triển mối quan hệ Nhật - Việt tốt đẹp như ngày hôm nay.

Ông Võ Văn Sung sinh năm 1928, tham gia cách mạng từ tháng 4-1945. Một thời gian dài ông đã trực tiếp tham gia đoàn đàm phán bí mật giữa cố vấn Lê Đức Thọ và cố vấn an ninh quốc gia Henry Kissinger của Tổng thống Mỹ. Trong thập niên 1980, với vai trò Trợ lý Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, ông đã góp phần tích cực xây dựng chính sách đổi mới về kinh tế và kinh tế đối ngoại, trong đó có hai vấn đề lớn: chuyển đổi vận hành nền kinh tế sang kinh tế thị trường và gắn kinh tế Việt Nam với nền kinh tế thế giới. Ngày 21-9-1973, ông Võ Văn Sung là người thay mặt Chính phủ ký kết tại Paris “Công hàm trao đổi chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao Nhật Bản - Việt Nam”. 15 năm sau, trên cương vị Đại sứ, ông nỗ lực hết mình trong việc nối lại viện trợ của Nhật Bản cho Việt Nam, tạo cơ sở phát triển mối quan hệ tốt đẹp như ngày nay. Để ghi nhận đóng góp của ông, Nhà nước Nhật Bản trao tặng ông Huân chương Mặt trời mọc, Sao vàng và Sao bạc.

Một kỷ niệm đáng nhớ

Những năm 1970 - 1973 là thời kỳ mà nhiều nước, trong đó có Nhật Bản, đã sử dụng địa bàn Paris làm nơi tiếp xúc với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để thiết lập quan hệ ngoại giao. Bấy giờ, ông Võ Văn Sung là người đại diện chính thức của Việt Nam ở đó.

Với Nhật Bản, hai bên bắt đầu tiếp xúc từ năm 1971. Đến tháng 7-1972, khi Đại sứ Nakayama gặp ông, hai người bàn những vấn đề cụ thể nhằm thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức. “Sau này tôi mới rõ, đây là thời điểm xuất hiện của ông Tanaka Kakuei, Thủ tướng mới của Nhật Bản, là người đã tiến hành cuộc cải cách gần như hoàn toàn khác trước về chính sách và cách thức quan hệ với ta” - ông Sung nhớ lại. Do vậy, sau khi ông Tanaka lên cầm quyền thì Đại sứ Nakayama nói chuyện với ông Sung rất thoải mái. Ví dụ, trong những lần gặp gỡ trước đó, có lần Đại sứ Nhật đã phát biểu có ý thanh minh cho chính sách của Nhật ủng hộ cuộc chiến tranh của Mỹ, thì sau đó ông giải bày với ngụ ý rằng ông buộc phải nói điều đó chỉ là vì Chính phủ Nhật lúc bấy giờ chưa cho phép ông nói khác.

Trước khi ông Takana lên cầm quyền, trong một cuộc trao đổi, ông Sung đã lên án chính sách của Nhật và nói với Đại sứ Nakayama rằng: “Ông nói gì thì nói, nhưng rõ ràng là không thể chấp nhận được việc khi Mỹ xâm lược chúng tôi mà Nhật lại cho Mỹ làm căn cứ và ủng hộ chính sách của Mỹ như vậy. Nhưng tôi nói thẳng với ông, cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam là cuộc đấu tranh để bảo vệ quyền

dân tộc của chúng tôi, việc này là chính nghĩa”. Vị Đại sứ của Việt Nam còn nói thêm: “Nước Nhật cũng là nước có lịch sử lâu đời bảo vệ độc lập chủ quyền của mình, nên tôi tin chắc Nhật Bản phải đồng cảm với chúng tôi”. Nghe ông Sung nói vậy, ông Nakayama giải bày: “Tôi là nhà ngoại giao chính thức, nên tôi phải phát biểu lập trường chính thức của chính phủ tôi. Nhưng mà lời của Đại sứ Sung nói làm tôi rất cảm kích. Nếu tôi bị mất chức, thì tôi cũng xin nói rằng, chúng tôi hoàn toàn đồng cảm với Việt Nam, đồng cảm với lời Đại sứ Sung vừa nói”... “Đó là một kỷ niệm mà tôi nhớ mãi” - ông Sung tâm sự.

Một bí mật được “bật mí”

Giữa năm 1988, ông Sung sang Nhật chuẩn bị trình Quốc thư thì gặp lúc Nhật Hoàng Chiêu Hòa - Hirohito lâm bệnh nặng. Vì vậy, Nhật Hoàng ủy nhiệm cho Hoàng Thái tử, bấy giờ gọi là Đông Cung Thái tử (sau này là Nhật Hoàng Akihito) đứng ra nhận Quốc thư.

Khi Nhật Hoàng Chiêu Hòa băng hà, Chính phủ Nhật mời tất cả các nước có quan hệ cử đại diện đến dự quốc tang. Đại sứ Sung nhận được thông báo ông sẽ là người đại diện của Việt Nam, ông điện ngay về nước, đề nghị Chính phủ ta nâng cấp đại diện của Việt Nam dự tang lễ. Ông trực tiếp gửi điện cho Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, nói đây là việc quan trọng và cần phải làm để biểu thị cho Nhật biết chúng ta coi trọng họ. Tổng Bí thư đồng ý và cử Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Lê Quang Đạo sang dự. Khi Nhật Hoàng Akihito lên ngôi, ông Sung cũng đề nghị cử cấp cao

sang dự... Chính những đề nghị này của Đại sứ Sung đã làm cho phía Nhật Bản rất cảm kích.

Nói đến thành quả tốt đẹp mà hai nước Việt - Nhật đạt được ngày hôm nay, ông Sung khẳng định trong đó có phần đóng góp quan trọng của ông Michio Watanabe - người bạn lớn của nhân dân Việt Nam.

Từ năm 1990, ông Watanabe là Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao. Ông thông báo cho Đại sứ Sung biết một việc quan trọng mà ông đang tích cực xúc tiến là khôi phục viện trợ ODA cho Việt Nam.

Nhưng sang năm 1992, Đại sứ Sung bị ốm nặng, ông xin về nước nghỉ hưu vì nghĩ rằng lúc quan hệ hai nước sắp phát triển mạnh mà Đại sứ hay ốm đau thì không thích hợp. Trước khi về nước, ông đề nghị với ông Watanabe có cuộc gặp để “hỏi riêng” về kế hoạch khôi phục hợp tác với Việt Nam. Sau một tuần, ông Watanabe gặp ông và nói: Đây là việc mà trước nay chưa có Đại sứ nước nào hỏi và chưa có một Phó Thủ tướng nào của Nhật Bản nói với Đại sứ nước ngoài. Nhưng tôi xin nói với “người anh em kết nghĩa” rằng, chúng ta đã cùng trồng cây nay đến ngày kết trái mà bạn ốm phải về nước nên tôi “nói riêng” và đề nghị chỉ cho ông Nguyễn Văn Linh và ông Phan Văn Khải (lúc đó là Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước) biết và mong không phổ biến cho đến khi kế hoạch được thực hiện. Nghe xong, ông Sung hứa sẽ giữ “bí mật” này và chỉ đề nghị có thêm cả Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch biết.

Và nội dung mà ông Watanabe “nói riêng” với Đại sứ

Sung là từ năm 1992 trở đi Nhật Bản sẽ khôi phục ODA cho Việt Nam, năm thứ nhất khoảng 500 triệu USD và trong 10 năm tiếp sau đó cứ mỗi năm tăng lên một ít, đến năm thứ mười thì số viện trợ hàng năm sẽ đạt 1 tỷ USD.

Nhìn lại, sau gần 20 năm, Nhật Bản luôn duy trì và bổ sung viện trợ ODA cho Việt Nam đúng như ông Watanabe thông báo... Hiện Nhật Bản là nhà tài trợ ODA song phương lớn nhất cho Việt Nam với 1,6 tỷ USD được giải ngân trong năm 2010. Thậm chí, sau thảm họa động đất - sóng thần vừa qua, Nhật Bản vẫn không cắt giảm ODA dành cho Việt Nam...

Tâm sự với đồng nghiệp trẻ

Khi tôi hỏi “bí quyết” để trở thành “một nhà ngoại giao tài giỏi” - như lời của Đại sứ Yasuaki Tanizaki nói về ông tại lễ trao tặng Huân chương, ông Sung cười vui: “Tôi thực sự coi mình là thuộc trường phái ngoại giao Hồ Chí Minh. Tôi mong các bạn cũng nên đi sâu tìm hiểu về công việc ngoại giao của Người, bởi đó là một kho kinh nghiệm lớn, một tài sản vô giá mà Bác để lại cho dân tộc ta nói chung và cho các nhà ngoại giao nói riêng”. Ông khuyên các đồng nghiệp trẻ, ngoài học ở trường, phải tiếp tục tự học và mong họ luôn nhớ lời tiền nhân rằng: “Cái ta đã biết là có hạn, cái ta chưa biết là vô hạn”.

Ông cho rằng, ngoại giao nói chung là mối quan hệ giữa các quốc gia, nhưng lại do con người tiến hành, vì vậy thực chất đó là quan hệ giữa con người với con người. Con

người có những so le nhiều mặt, nhưng nhân tố chính điều chỉnh những so le để cùng nhau xử lý được các vấn đề là “tấm lòng”. Vì nói cho cùng, quan hệ quốc tế đúng nghĩa của nó phù hợp với nguyện vọng sâu xa của mọi người là Hạnh phúc của con người, được thể hiện quan trọng nhất là Hòa bình, Hữu nghị và Hợp tác. Nguyện vọng sâu xa đó được Chủ tịch Hồ Chí Minh và dân tộc Việt Nam diễn đạt là: Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

HẠ CHINH, tổng hợp

*Nguồn: Bộ Ngoại giao Việt Nam, Thế giới & Việt Nam,
Người Lao động.*

